



khởi đầu "Tinh nghệ sĩ" một
truyện tuyệt vời của Paul Gallico



số 186

tưởng niệm Đông Hồ

**tập san VĂN
số 186**

tưởng niệm Đông Hồ



Paris * 02-2026

Bìa : ảnh Trần Cao Lĩnh
Trình bày : Văn Thanh
Nguồn : Thư Ấn quán

tập san VĂN
số 186

tưởng niệm Đông Hồ

Tập san Văn * Năm thứ tám
Số 186 ra ngày 15-09-1971

Tập san Văn học Nghệ thuật
Ra ngày 1 và 15 mỗi tháng
Năm thứ tám / số 186 /
Ngày 15-09-1971



Tưởng niệm Đông Hồ

đọc trong số này:

Thư Tòa soạn	11
1. Bùi Vị Xuyên	13
Sơ lược tiểu sử Đông Hồ	
2. Thiếu Sơn	22
Suy nghĩ về Đông Hồ	
3. Trương Minh Hiến	36
Dòng thơ đất Hà Tiên, từ họ Mạc đến họ Lâm	

- 4. Th. Th. M** **90**
Thương nhớ thầy Đông Hồ
- 5. Ngô Kim Thu** **108**
Thầy Đông Hồ và trường Văn Khoa
- 6. Trần Đình Lập** **142**
Chiến tranh và hòa bình trong thơ
Đông Hồ
- 7. Th. Th. M** **207**
Còn đâu nữa hội Hoàng Hoa
- 8. Dương Nghiễm Mậu** **225**
Kẻ sống đã chết, truyện dài (kỳ 7)
- 9. Paul Gallico** **248**
Tình nghệ sĩ * Hoàng Ưng dịch
- 10. Tòa soạn VĂN** **276**
Giải đáp thắc mắc

11. Thư Trung **297**

và các bạn – Tin văn văn

BÌA: ẢNH của TRẦN CAO LĨNH



Tòa soạn và Trị sự: 38,
Phạm Ngũ Lão, Saigon. Đ.T.: 23.595

Tập san xuất bản do nghị định
số 64/BTT/NĐ, ngày 4/12/1963

* Chi phiếu đề tên ông Nguyễn
Đình Vượng (chủ nhiệm kiêm chủ
bút)

* Thư từ, bản thảo, đề tên ông
Trần Phong Giao (thư ký tòa soạn)

* Giao thiệp trực tiếp: ông Đàm
Gia Tuấn (phụ tá thư ký tòa soạn)

* In tại nhà in riêng của báo
VĂN.

* Quản lý: Cô Nguyễn thị Tuấn.

Thư Tòa soạn

*X*goại trừ các bài của ông Thiếu Sơn và cô Th-Th-M, tất cả những bài khác trong số đặc biệt này đều do gia đình cố thi sĩ Đông Hồ chuyển giao.

Bởi vậy, Tòa soạn Văn rất mong ước được liên lạc với quý vị tác giả những bài viết đó. Xin quý vị biên thư cho thư ký tòa soạn, hoặc xin mời quý vị bớt chút thì giờ ghé qua báo quán (vào khoảng 10 giờ sáng, trong những ngày làm việc) để chúng tôi được gặp thì thật là vạn hạnh.

Cách đây hơn một năm, chúng tôi có thư gửi cô Th-Th-M, sinh viên theo học Đài Loan Quốc Lập Đại học, nhưng không nhận được hồi âm. Nay ước mong sẽ sớm nhận được tin thư của cô.

Một lần nữa, chúng tôi xin được công nhiên ngỏ lời chân thành cảm ơn bà Mộng Tuyết, người đã tận tâm giúp đỡ chúng tôi trong việc hoàn thành số báo đặc biệt này.

VĂN số 187, mở đầu đệ tứ tam cá nguyệt 1971, lại sẽ được dành cho các cây bút trẻ, những cây bút có nhiều triển vọng sẽ đi xa trong tương lai.



SƠ LƯỢC TIỂU SỬ ĐÔNG HỒ (1906 - 1969)

Đông Hồ tên thật là **Lâm Tấn Phác**. Sinh ngày 16 tháng 2 năm Bính Ngọ, tức ngày 10 tháng Ba năm 1906, tại làng Mỹ Đức, tỉnh Hà Tiên, – một tỉnh nhỏ ở miền cực Tây Nam phần, giáp biên giới Cambodge và hải phận Vịnh Thái lan.

Thôi học nhà trường năm 16 tuổi, ông chuyên tự học chữ Việt.

Cũng vì sống ở Hà Tiên là nơi cô lậu cùng tịch nên ông không chuyên biên tập cho một tờ báo nào, thỉnh thoảng viết được bài thì ông lại gửi đăng báo.

Ông đã cộng tác với nhiều báo. Những báo xuất bản trong Nam có: *Đông Pháp thời báo*, *Phụ nữ tân văn*, *Việt Dân*, *Tự Do* (do ông Phan Văn Hùm chủ trương 1939), Mai...; Những báo ở Hà Nội có: *Nam Phong tạp chí*, *Văn Học Tạp chí*, *Khai Tri Tiến Đức*, *tập san Tri Tân*...

Ông nổi tiếng trong khoảng mười năm, 1923-1933, viết cho tạp chí Nam Phong. Hồi đó ông viết văn nhiều hơn làm thơ, và nổi tiếng nhờ một bài ký, là bài Linh Phụng, tức là Trác Chi lệ-ký-tập,

và một vài bài cổ văn là bài Phú Đồng hồ. Cả hai bài đều làm trong năm 1928 và cùng đăng trên Nam Phong. Cũng chính vì điều đó mà nhiều nhà làm văn học sử thường xếp ông vào Nhóm Nam Phong.

Trong khoảng thời gian từ 1926 đến 1934, ông mở nhà nghĩa học tại quê nhà, bên bờ Đông hồ, lấy tên là “Trí Đức Học xá”, tự mình làm trưởng giáo, chủ trương. chuyên dạy toàn tiếng Việt, luôn luôn cố động khuyến khích cho học trò và bè bạn tin ở tương lai Việt ngữ. Trường này dung ý theo lối giáo dục đạo học, sống gần thiên nhiên như nhà tịnh xá Santiniketan của thi hào Rabindranath Tagore ở Ấn Độ. Trường mở cả lớp hàm thụ để cho học trò ở xa Hà Tiên có thể tập

luyện tiếng Việt, cho nên, trong mấy năm đã gây được ảnh hưởng ở miền Nam. Đối với Đông Hồ, việc mở nhà nghĩa học này là thành tích văn hóa đáng ghi nhớ hơn hết.

Năm 1935, báo Nam Phong đình bản, Đông Hồ tự chủ trương và là chủ bút tuần báo Sống xuất bản ở Sài Gòn. Hoạt động ít lâu, vì không tự túc nổi, nên phải đình bản.

Từ 1936, ông trở về Hà Tiên ẩn cư, tới 1945 mới trở lại Sài Gòn.

Năm 1953, ông là giám đốc Nhân Loại Tập san, xuất bản ở Sài Gòn để làm cơ quan cho nhà xuất bản Bốn Phương và nhà sách Yiễm Yiễm Thư trang thành lập từ năm 1950. Hoạt động tới giữa năm 1964 thì ngưng, ông lui về ở ẩn tại

Quình Lâm Thư thất, vùng ngoại ô Gia Định.

Mấy năm sau này, tuy tuổi đã cao, lại thêm đau yếu, nhưng vì lòng mến yêu tiếng Việt vốn có từ lâu, ông đã nhận lời mời làm giảng viên, phụ trách môn Văn học Miền Nam, tại trường Đại học Văn Khoa Sài Gòn. Ngoài việc giảng dạy, thỉnh thoảng ông cũng đăng đàn diễn thuyết, và cũng thường có văn thơ đăng trên các tạp chí xuất bản ở thủ đô Sài Gòn như Văn Hóa Nguyệt san, Bách Khoa, Văn, Tân Văn...

Tác phẩm đã xuất bản thành sách của ông gồm có :

– Thơ Đông Hồ, Nam Ký thư quán, Hà Nội 1932.

– Linh Phượng, Nam Ký thi quán, Hà Nội 1934.

– Cô gái xuân, Vị Giang Văn khố, Nam Định 1935.

– Hà Tiên Thập cảnh, Bốn Phương, Sài Gòn 1960.

– Trinh trắng, Bốn Phương, Sài Gòn 1961.

– Truyện Song Tinh, khảo cứu và sao lục Song Tinh bất dạ truyện, diễn ca của Nguyễn Hữu Hào, Bốn Phương, Sài Gòn 1962.

Sau khi Đông Hồ qua đời, gia đình ông đã cho ấn hành thêm được ba tác phẩm mới :

– Bội lan hành, Quỳnh Lâm, Sài Gòn 1969.

– Úc viên thi thoại, Mặc Lâm, Sài Gòn 1969.

– Đảng Đàn (gồm mười bài thuyết trình về văn học), Mặc Lâm, Sài Gòn 1969.

Sách về giáo dục gồm có :

– Lời Hoa, nhuận sắc các bài tập Việt văn của học trò Trí Đức học xá, gồm ba tập. Trí Đức học xá, Hà Tiên 1934.

– Những lỗi thường lầm trong sự học quốc văn, biên soạn chung với Trúc Hà, Trí Đức học xá, Hà Tiên 1936.

Ngoài ra, còn có một số ấn bản đặc biệt (thường chỉ dùng tặng bạn hữu), in những bài đã đăng báo, như Chi lan đào lý, Năm ba điều

nghĩ về truyện Kiều, Xuất cảnh
thành thi¹ v.v...

Bùi Vị Xuyên

mỗi thứ năm nhớ đón đọc
tuổi ngọc
t tuần báo của tuổi vừa lớn
DUYÊN ANH chủ trương

¹ Tài liệu về tiểu sử và tác phẩm rút trong: Thi nhân Việt Nam, Hoài Thanh và Hoài Chân, Thiều Quang tái bản, Sài Gòn 1967; Việt Nam Thi nhân Tiền chiến, Nguyễn Tấn Long, quyển hai Sống Mới, Sài Gòn 1969.

đã phát hành số 3

tháng Chín - 1971

CHÍNH VĂN

tờ báo của những suy tư
và xúc động trẻ

NGUYỄN MẠNH CÔN
chủ trương

Thiếu Sơn

Suy nghĩ về Đông Hồ²

Tôi đã nói ra sự ân hận của tôi vì không có mặt trong ngày vĩnh biệt anh Đông Hồ, một bạn văn chương tri kỷ đã quen biết nhau trên 40 năm trường.

Tôi để ý tới anh từ ngày tôi mới dời ghế nhà trường, tuổi chưa đầy 20, khi tôi đọc bài Linh Phượng Ký có cái tổng mạo của Thượng Chi

² Trích nhật báo “Quyền Sống”, số 36, thứ tư 9 tháng 4 năm 1969.

tiên sinh so sánh Lâm Trác Chi với Hàn Thoái Chi. Lâm Trác Chi khóc vợ hồi đó còn là một bạch diện thư sinh mà đem so sánh với Hàn Thoái Chi tức văn hào Hàn Dũ, hỏi sao người đọc không lưu ý cho được? Hơn nữa, đọc Linh Phượng Ký thấy tác giả nói tới vợ mình khi mạnh, khi đau, khi đầu gối tay ấp, khi tha thiết trời trăng, khi nhìn con mà ứa lệ, lúc ngó chồng rồi nhắm mắt, tình thâm, giọng thiết, ai chẳng phải xúc động bùi ngùi?

Tôi chưa vợ chưa con mà còn cầm lòng không đậu, nói chi tới những người đã có vợ, có con, đã sống qua những giờ phút ái ân và vĩnh biệt những người đó càng thương yêu và kính trọng nỗi khổ đau của tác giả.

Ông chủ bút tạp chí “Nam Phong” đã thành thật khi giới thiệu Đông Hồ với độc giả và cũng do đó mà Đông Hồ chịu ảnh hưởng nặng nề của tạp chí “Nam Phong”.

*

Anh học ít nhưng thông minh và có chí, nhờ ông bác là cụ Lâm Tấn Đức nuôi nấng và dạy dỗ nên anh có được một cái vốn Hán học khá dồi dào. Anh lại có khiếu về thơ và có hoa tay nên viết chữ rất tốt và hay điểm những nét thủy mặc vào những bài thơ viết trên lụa hay trên giấy.

Trước đây ở Hà Tiên anh có căn nhà khá rộng và có một cái gác mà

anh gọi là “Nam Phong Các”. Trên “Nam Phong Các” sách vở la liệt, nhưng nhiều nhứt vẫn là tạp chí “Nam Phong”, anh không để thiếu một số nào.

Anh còn mở một lớp dạy Quốc văn mà anh gọi là “Trí đức Học xá”. Học trò phần nhiều là những người ở xa học bằng lối hàm thụ, nhưng căn bản trí thức vẫn là căn bản “Nam Phong”.

Sau khi thi đậu ở sở Bưu điện và vô tòng sự trong Nam, tôi nhớ đã hai lần xuống Hà Tiên chơi với anh Đông Hồ. Lần thứ nhứt anh còn làm giáo học ở ngay tỉnh nhà. Lần thứ hai anh đã thôi dạy và làm chủ một tiệm tạp hóa mà anh đặt tên là Yiễm Yiễm Thư Trang. Anh

chỉ có hai người con gái. Đứa lớn tên Tuyên. Đứa nhỏ tên Yiễm. Hiện nay chúng nó đều đã lớn, có gia thất đàng hoàng.

*

Tôi muốn nói về vụ anh thôi làm thầy giáo. Hồi đó giáo sư Phạm Thiều xuống làm thanh tra tiểu học ở Hà Tiên. Họ Phạm cũng là một thi sĩ. Việc làm trước tiên của ông là tới ra mắt thi sĩ Đông Hồ và cùng nhau xướng họa. Nhưng việc làm thứ hai của ông là tới thanh tra lớp học của ông giáo Lâm Tấn Phác. Sau buổi thanh tra, ông Thanh tra đã phê bình thầy giáo Phác như thế nào không biết. Nhưng cũng liền sau đó thầy giáo Phác đưa đơn từ chức.

Về sau tôi có hỏi anh về chuyện đó thì anh nói bằng một câu tiếng Pháp : “Phạm Thiều là một người bạn tốt nhưng là một ông sếp xấu”.

Tôi không hỏi Phạm Thiều nên chưa dám đánh giá hai chữ “Tốt Xấu” của Đông Hồ nhưng dầu sao tôi cũng trọng anh là con người có khí phách.

*

Sau cách mạng mùa Thu và rất lâu sau kháng chiến bùng nổ anh Đông Hồ tới kiếm tôi và ở nhà tôi mấy ngày để hàn huyên tâm sự. Anh có tặng tôi một bài “hành” nói về cuộc hành trình của anh một mình với một chiếc thuyền con lặn

lội từ Hà Tiên lên tới Sài Gòn trải bao nhiêu gian nguy và tân khổ. Có những bữa được người ta mời mà chỉ dám ăn có nửa bụng cho đỡ bớt sự tốn kém của chủ nhân trong những ngày tao loạn. Hồi đó chính tôi phải đem thơ, đem tranh của anh đi bán để thêm tiền cho anh sống qua ngày. Anh có một người cháu và cũng là một học trò của anh là Lư Khê. Lư Khê làm chủ nhiệm tờ “Ánh Sáng”, có lập trường chống kháng chiến theo thực dân. Lư Khê mời Đông Hồ hợp tác. Anh bằng lòng làm quản lý nhưng nhứt định không chịu viết bài. Tôi thương anh ở điểm đó.

*

Nhưng có điểm ít người biết ở Đông Hồ là anh có óc rất thực tế mặc dầu đọc thơ anh người ta có cảm tưởng là anh luôn luôn sống với gió, trăng, sương, tuyết tron một thế giới mộng ảo, thần tiên. Thật ra anh rất thực tế trong việc mua bán và tính toán lỗ lời. Đương đi chơi anh liền ngừng lại ở một cửa tiệm nào đó, hỏi giá hết món này tới món khác rồi anh bàn với tôi : “Có nhiều món mua về Hà Tiên bán có lời”. Rồi trước khi anh trở về Phương Thành là anh đã mua đầy đủ những món hàng để sanh lời cho Yiễm Yiễm Thư Trang. Rồi tới khi làm Quản lý cho báo “Ánh Sáng”, tới khi mở Yiễm Yiễm Thư Trang tại Sài Gòn, mở nhà xuất bản “Bốn Phương”, mở Thư Lâm Ấn Thư Quán, dầu đã có con anh,

rể anh và Thất Tiểu muội của anh trông coi, nhưng vẫn có sự chỉ huy của anh, một sự chỉ huy rất thực tế và khá vững vàng.

*

Cách đây mấy năm đã có nhiều lần trên tạp chí “Phổ Thông”, tôi viết bài phê bình anh kịch liệt về một thái độ thiếu nghiêm túc của anh. Nhân một quyết nghị của bộ Y tế giành riêng danh từ y sĩ cho giới Tây y và bắt buộc giới Đông y phải xưng danh là thầy thuốc Bắc, thầy thuốc Nam anh Đông Hồ đã viết một bài nhan đề “Nghĩ về những tiếng danh xưng”. Sau khi nói tới “y sĩ” anh đề cập tới “thi sĩ” và anh nói :

– Xin nhường tiếng ‘thi sĩ’ cho những thi sĩ chính cống, cho những thi sĩ cao đẳng đại học cho đúng danh vị, cho đúng giá trị.

Anh còn nói :

– Mà hạng làm thơ vườn thì nên biết rút lui trước đi để cho bộ Thi nghệ (nếu có bộ Thi nghệ) sau này khỏi bận nghĩ đến việc làm nghị định. Phải phòng xa như vậy. bởi vì thi giới có khác gì y giới, chữ thi liền với chữ y một vần và cũng để tránh khỏi việc tranh chấp danh xưng Tây thi sĩ và Đông thi sĩ, trong làng thơ cũng như trong làng thuốc...

Trong bài phê bình anh tôi đã viết : “Khiêm tốn là một đức tính khả ái. Nhưng khiêm tốn giả dối

làm cho người ta bức mình. Ông Đông Hồ tự nhận là nhà “thơ vườn”, vậy sao không chịu chơi thơ ở trong vườn riêng của ông ? Sao ông còn công bố thơ của ông trên mặt báo và trong những tác phẩm đã ấn hành? Ông ý ông đã có đôi chút tên tuổi và địa vị trong làng văn rồi ông nói lẫy để mà chơi. Ông hăm rút lui vì sợ sau này người ta sẽ bức ông phải nhường chỗ cho những người khác.

“Không một ông Bộ trưởng nào, không một chánh phủ nào dám làm những chuyện động trời như thế được. Tên tuổi và địa vị của một văn nghệ sĩ là do sự nghiệp của họ tạo nên nhưng cũng còn do sự chấp nhận của nhân dân. Do sự chấp nhận đó mà người ta mới ghi

vào Văn học sử. Nhưng ghi vào Văn học sử cũng chưa hẳn đã trường tồn. Còn có sự thử thách của thời gian và thời gian sẽ đánh giá lại một lần nữa và rất có thể ông sẽ bị đánh lui, khỏi cần xin rút lui trong lúc này. Chánh phủ có thể bỏ tù ông, có thể lên án tử hình ông, mà không có quyền tước đoạt danh vị của ông...”

*

Anh Đông Hồ không trả lời tôi và cũng không giận tôi vì anh biết rằng tôi không có ác ý và thật lòng thương anh, muốn bảo toàn danh dự cho con nhà cầm bút trong đó có anh và cũng có tôi.

Quả đúng như lời tôi nói, anh được mời làm giảng sư ở Văn khoa Đại học và đã được sinh viên mến yêu và thương tiếc.

Sau đám táng anh, giáo sư Thanh Lăng và giáo sư Nguyễn Văn Trung có đến thăm tôi và có chuyện nhiều về anh Đông Hồ. Hai ông đều tỏ vẻ thương tiếc người quá cố, nhưng giáo sư Trung có phê bình một câu: “Chỉ tiếc ông Đông Hồ sống như sống trong một nước thái bình. Ông viết toàn những chuyện trời, mây, trăng, nước, mà không bao giờ đã động tới cảnh điêu linh tang tóc của dân tộc”.

Tôi đồng ý với giáo sư Trung về điểm đó; nhưng có điểm ông Trung không biết mà tôi biết là anh

Đông Hồ tuy kín đáo và có vẻ cầu an, nhưng rất có tình, có nghĩa. Và cũng biết phục thiện khi có ai nói tới những khuyết điểm của mình. Tôi thương anh ở chỗ đó.

Thiếu Sơn

VĂN SỐ 187

Tuyển tập các tác giả trẻ

Trương Minh Hiến

Dòng thơ đất Hà Tiên, từ họ Mạc đến họ Lâm³

**I. Tâm sự của Mạc Thiên Tích
qua “Hà Tiên Thập cảnh Khúc
vịnh”:**

**1. Tác phẩm “Hà Tiên Thập
cảnh Khúc vịnh”.**

**“Hà Tiên Thập cảnh Khúc vịnh”
là mười bài vịnh cảnh đẹp Hà Tiên**

3 Bài nói chuyện nhân buổi lễ kỷ niệm húy nhật đệ
nhị chu niên cố thi sĩ Đông Hồ, ngày 28-3-1971, tại
Kiên Giang.

của Mạc Linh Công Tông Đức Hầu Thiên Tích có từ thế kỷ 18, mới được cố thi sĩ Đông Hồ đem ra bình giảng ở Đại học Văn khoa Sài Gòn khi người còn sinh tiền. Giảng văn này mới vừa được in thành sách “Văn học Hà Tiên” do nhà Quinh Lâm, Viện Văn nghệ, Hiên Biên khảo, xuất bản năm 1970.

Mạc Thiên Tích là con Mạc Cửu, người Trung Hoa có công khai sáng đất Hà Tiên – Kiên Giang này từ thế kỷ thứ 17. Thuở đó Hà Tiên bao gồm từ vùng Mạn Khảm, Cần Bột (Kampot: Căm-pu-chia) đến tận mũi Cà Mau, xưa gọi là Long Xuyên, Trấn Ly gọi là Phương Thành hay Trúc Thành ở tại Hà Tiên bây giờ. Sau khi Mạc Cửu mất, Mạc Thiên Tích kế nghiệp cha, làm Tổng binh

Đại Đô đốc kiêm Trấn thủ Hà Tiên Trấn từ năm 1735. Năm 1736 ông thành lập Chiêu Anh Các, một hội Tao Đàn mà nhà văn Nguyễn Hiến Lê trong “Bách Khoa” số 340 ngày 1-3-1971 đã nhận xét: “Trong thời đó, đừng nói chi đến Gia Định, ngay ở Thuận Hóa cũng chẳng có một thi đàn, văn đàn nào cả”.

Giá trị của Chiêu Anh Các độc sáng là một Hội Tao Đàn đầu tiên của Đảng Trong, từ sông Gianh trở vào, chỉ nhường bước Hội Tao Đàn thời Lê Thánh Tông mà thôi. Nơi ấy còn là một nhà Nghĩa thực, một Viện Hàn lâm, một tòa Văn miếu thờ Không Phu Tử. Văn đàn qui tụ được 36 văn nhân thi sĩ từ bốn phương tới gọi là “Tam thập lục kiệt”. Họ ở từ Trung Hoa, Thuận

Quảng, Bình Định, Gia Định... gồm cả người Tàu lẫn người Nam. Chiêu Anh Các có để lại nhiều tác phẩm giá trị mà ông Lê Quý Đôn, học giả lừng danh ở Đàng Ngoài thời bấy giờ đã phải khen trong “Kiến Văn Tiểu Lục” rằng “Văn thơ có nhiều bài hay lắm”.

Giá trị nhất là các tác phẩm của Mạc Thiên Tích. Tiêu biểu hơn cả là tập “Hà Tiên Thập cảnh Khúc vịnh”. Tác phẩm này là một tập ngâm theo thể thơ lục bát giáng thất viết bằng chữ nôm gồm 10 bài ngâm kèm theo mỗi bài có một bài thơ Luật đề vịnh cảnh trên. Sau cùng có một bài thơ tổng vịnh tất cả 10 cảnh. Các cảnh ấy là :

1. Kim dữ lan đào

2. Bình san điệp thúy
3. Tiêu tỵ thần chung
4. Giang thành dạ cổ
5. Thạch động thốn vân
6. Châu nham lạc lộ
7. Đông hồ ấn nguyệt
8. Nam phố trường ba
9. Lộc trĩ thôn cư
10. Lư khô ngư bạc.

Thi sĩ Đông Hồ đã viết trong “Văn học Hà Tiên” trang 35-36 như thế này :

“Mười cảnh này họ Mạc xếp đặt có thứ đệ thượng hạ phân minh, từ cảnh thứ nhất đến cảnh thứ mười,

đều có một dụng ý (...) chọn và đặt tên 10 đầu bài này ngoài việc để vinh danh thắng, ca tụng phong quang, họ Mạc còn có dụng ý nói lên chí khí và tâm sự của mình »...

Vậy cái chí khí, tâm sự Đông Hồ nói đó là cái tâm sự gì ? Nó có liên quan gì đến cái tâm sự sau này của Đông Hồ trong “Bội Lan Hành” ?

Nghiên cứu 10 bài ngâm và vinh của họ Mạc, chúng tôi thấy được những nỗi niềm sau đây :

2. Tâm sự của tác giả :

A. NIỀM TÂM SỰ THỨ NHẤT:
TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC:

Mạc Thiên Tích là con Mạc Cửu, một người Trung Hoa chính tông

và phu nhân họ Nguyễn, một người đàn bà Việt miền Nam. Mạc Thiên Tích có hai dòng máu, nhưng vì sinh trưởng ở đất Nam nên tiếng Việt ông rất rành và làm thơ chữ Nôm rất giỏi. Ông sinh ra ở Mang Khảm gần Hà Tiên và lớn lên ở Hà Tiên. Vùng đất đó do cha con ông tài bồi cho sung túc thịnh vượng rồi chính ông biến nó thành miền đất văn hiến nhất Đàng Trong từ khi Nguyễn Hoàng vượt Hoành Sơn lập nghiệp ở Thuận Hóa đến khi họ Nguyễn hoàn thành xong cuộc Nam tiến.

Do chỗ sinh trưởng và đóng góp công lao vào giang sơn đó, ông đã ràng buộc, âu yếm, chăm sóc, yêu thương miền đất ấy. Mười bài Ngâm vịnh Thập cảnh Hà Tiên là

mười lời tán thưởng nồng nàn vẻ đẹp của quê hương yêu dấu của ông. Không phải đất nước ấy đẹp vì tự nhiên nó đẹp hay vì nó gợi nên niềm tha hương cố quốc như Mạc Cửu, cha ông, khi lìa bỏ đất Trung Hoa sang nương náu ở nơi chơn trời góc bể này. Mạc Cửu không để lại tác phẩm nào về Hà Tiên, chứng tỏ rằng ông thích nó, ở đó, mà không mê nó, như người ta mê nơi quê hương sinh trưởng; trái lại ông vẫn nhớ về đất nước Trung Hoa, nên ông đã đặt cho Hà Tiên bao nhiêu là danh hiệu có hơi hám Trung Hoa như: Tô Châu, Châu Nham, Nam Phố, Lư Khê, Kim Dữ...

Khi Thiên Tích sinh ra thì ông đâu có biết nước Trung Hoa

của cha ra làm sao. Ông chỉ biết có đất Việt, trời Việt, cảnh Việt, ngôn ngữ Việt của mẹ. Ông lớn lên trong cảnh Hà Tiên thơ mộng và trù phú ấy giữa tình thương yêu của cha mẹ và giữa những người đồng hương đủ các sắc dân: Tàu, Việt, Miên, Xiêm, Mã Lai, : Java... Tình yêu quê hương Hà Tiên của ông là một thử tình yêu trọn vẹn và thuần túy chứ không pha trộn lôi thôi như mỗi tình ấy trong tâm não cha ông, hay như những nhóm cư dân thời ấy thuộc quyền ông. Vì thế trong mười bài, bài nào ông cũng nói lên mỗi tình yêu thương thấm thiết đối với thiên nhiên cảnh trí: phải say mê lắm như mê người yêu, mới làm được những bài thơ kỳ diệu như thế :

Này đây cảnh đẹp ở Kim dã làm
cho lòng người say đắm:

Thú Màu quyến rũ lòng ai,

*Say sưa biển rộng, vui mai non
tiên.*

*Thế tự nhiên, gành câu vịnh
lướt,*

*Nước cùng non, trên dưới đều
ưa.*

(Kim Dữ Lan đào)

Và kể bên là cảnh Bình San kỳ
ảo như một cảnh Bồng lai :

*Một bước càng thêm một thú
yêu.*

Lẩn cây vết đá vẽ hay thêu ?

*Mây từng khối liễu chồng rồi
chập,*

Đàn suốt ca chim thấp lại cao.

(Bình San Điệp thúy)

Một tiếng chuông chùa ở Tiêu
tự cũng nên thơ, khiến cho tác giả
sực tỉnh giấc nồng giữa đêm khuya
vắng, tâm hồn chơi vơi:

*Gối chưa êm, chưa hả sự lòng,
Gió đưa mấy tiếng thần chung
Lóng tai nghe lọt bên lòng vơi
vơi...*

Tắc dạ bất giác phải bồi hồi vì
những mối sầu vô cớ không đâu,
đồ xô, dồn dập :

*Chày kinh thánh thót đêm thâu
Tin nghe thì một, tin sầu thì
trăm.*

(Tiêu Tự Thần chung)

Sầu nhiều có lẽ vì đó là tiếng chuông của nàng Ái Cơ đã tìm đường lánh tục để cho thi nhân trăm mối tơ vò.

Sau tiếng chuông là những tiếng trống âm vang đồng vọng nhặt khoan từ tiền đồn Giang Thành. Tiếng trống chuyển canh đủ làm cho tinh thần u hoài của thi nhân xôn xao phần khởi :

Càng khuya càng nhặt máy binh,

*Giao nghe nhồm gáy, chuột rình
nếp hơi.*

Ba, bốn dùi đêm đà quá nửa,

*Chinh bóng hòe ngã dựa bờ
sông.*

Tan canh rồi lại rạng đông,

*Phù tang một miếng chiêm
đồng thả vô.*

(Giang Thành dạ cổ)

Vẻ đẹp của quê hương có khi
là một áng mây vắt ngang mờ mờ
trên non Thạch động, hay từ hang
đá thoát ra những màu ngũ sắc :

*Thú đã ưa chẳng cầu cũng có
Ngay giữa trần dầu ngõ nguy
nga*

*Một hang thăm thăm thay là
Đã phun tám gió lại hà năm
mây.*

(Thạch động Thôn vân)

Hay chiều chiều một đàn cò vô
số muôn ngàn, chấp chới bay về
quy tụ trên đỉnh Châu nham :

*Cò đâu kể số muôn ngàn,
Tuông mây vển ngút, man man
bay về.*

*Đầy bốn bề kêu la tỏ mở,
Lượn rờn rờn như vớ chòm
ong.*

*Roi ngân, rớt phần giữa không
Sương tan đòi cụm, tuyết phong
khấp hàng.*

(Châu nham lạc lộ)

**B. NIỀM TÂM SỰ THỨ HAI:
TÍNH HÒA HIẾU VÀ THỦY CHUNG.**

Mạc Thiên Tích là một Đại Đô đốc, một võ tướng, nhưng cũng là một thi nhân có tâm hồn rất tế nhị. Sức mạnh vũ lực trong tay không

khiến cho ông hiếu chiến, hiếu sát. Ngược lại hồn thơ hiu hiu của ông trong 10 cảnh vịnh, biểu lộ ông là một người giàu tình cảm, bén nhạy tâm linh. Ông yêu mến muôn dân và hòa hiếu đối với bằng hữu, thủy chung đối với chúa :

a) Hòa hiếu :

Kẻ gió mây người thì non nước,

*Hai phía đều chiếm được thu
thanh.*

(Đông Hồ ẩn nguyệt)

b) Yêu mến:

Khuyên ai chưa trả áo cơm;

Đã say thế nước lại ôm thế trời.

(Đông Hồ ẩn nguyệt)

c) Thủy chung :

*Quen cây chim thể người quen
chúa*

Dễ đổi nghìn cân một tấc son

(Châu nham lạc lộ)

Và sau cùng là tinh thần bốn
phận trách nhiệm đối với quê
hương, với chúa Nguyễn :

Yên nước nhà phải gài then chốt

*Dự phòng khi nhẩy nhót binh
dao*

Đêm hằng canh trong truyền lao

*Miễn an đất chúa quản nào thân
tôi,*

(Giang Thành dạ cổ)

C.- NIỀM TÂM SỰ THỨ BA: YÊU HÒA BÌNH.

Hà Tiên là đất biên thùý từ thời Mạc Cửu đã từng phen nếm họa chiến tranh gây ra do nước lân cận nước Xiêm La. Dân Hà Tiên đã từng có kinh nghiệm chiến đấu để tự vệ, gìn giữ mạng sống và tài sản. Người cầm đầu đất Hà Tiên phải hiểu hơn ai hết là mình đang ở chỗ cheo leo, thế cô lực kém.

Rất sớm, họ Mạc đã tìm chúa để nương nhờ. Đầu tiên họ thần phục người Miên, vì cận lân, liền đường. Nhưng sau thấy vua Miên bất lực về nội bộ cũng như ngoại giao, khiến cho nước Xiêm La cứ phiêu lưu mang quân vào cướp phá miền duyên hải.

Đã nhiều lần Hà Tiên chạy giặc Xiêm. Vì thế, hơn nơi nào hết, Hà Tiên rất sợ chiến tranh. Và hơn ai hết, người Hà Tiên hiền lành, thuần thực, hiếu hòa, vì sớm thấm nhuần phong cách văn hiến của những người khai sáng. Họ có truyền thống văn minh từ Minh triều Trung Quốc chứ không phải chịu ảnh hưởng gần gũi của thổ dân táp nham ở đây. Nhưng mạnh về văn hóa không hẳn mạnh về quân sự. Hà Tiên lúc ấy một bên chịu áp lực của Chân Lạp, một bên là miếng mồi ngon trước sự thèm khát của Xiêm La. Trên đe dưới búa, biết chọn ngõ nào ? Con đường khôn khéo nhất là nương vào người phương bắc. Bên nội, Trung Hoa thì xa quá, bấy giờ lại thuộc quyền triều đại Mãn Thanh,

kẻ cự thù của bọn Minh thần. Chính Mạc Cửu đã không chịu phục họ mới bỏ sang đây. Bây giờ lẽ nào quay đầu trở lại. Chỉ còn bên ngoài gần hơn: Nước An Nam mà khi lọt lòng đưa con Thiên Tứ đã bập bẹ những tiếng đầu tiên của mẹ. Mẹ họ Nguyễn. Nguyễn bà khuyên con về với Chúa Nguyễn thì còn sự hợp lý nào hơn ? Từ đó, nhờ vào thế ỷ giốc, họ Mạc nương vào họ Nguyễn vừa làm phen dậu ở biên thù bắt đầu kiến tạo hòa bình và xây dựng văn hóa. Tòa Chiêu Anh Các là sự nghiệp văn hóa đầu tiên của họ Mạc.

Trong tinh thần hiếu hòa của người miền Nam, Mạc-Thiên Tích đã để lại nhiều câu thơ sáng khoái, ca ngợi đời sống thanh bình:

*Sánh thị thành lấy làm nhàn
nhã,*

Cũng nợ nần cũng trả ơn vua.

Trối ai lại chuốc danh mua,

*Vui nghề chài lưới tôm cua
tháng ngày.*

(Lư khê ngư bạc)

Đâu no thì đó là an lạc,

*Lựa phải chen chân chốn thịnh
thành.*

(Lộc trí thôn cư)

*Cảnh thái bình thịnh trị lý tưởng
mà mọi người ước ao đã tìm thấy:*

*Riêng một phương cày mây cuốc
nguyệt,*

Ba tháng xuân chưa thiệt một ngày.

Đồng châu, nội vũ ra tay,

Khi câu nước trị, khi cày nhà an

(Lộc trĩ thôn cư)

Tình lân lý êm đêm :

Đã say no lại tình nhân nhượng,

Vì ở nơi cư thượng hữu khoan.

Thảnh thơi đất thẳng bừa an,

Có dân làm lụng có làng ăn chơi

(Lộc trĩ thôn cư)

Trong khi đó chiến tranh là cái họa thường xuyên hăm dọa đất Hà Tiên khiến cho quan quân không thể ngồi yên hưởng thái bình:

Hết ruổi giang gập ngày ca khải,
Thu quân về cảng hải dưỡng an.
Một tay vững đặt giang sơn,
Danh phong Kim-dữ tước ban
lan đào

(Kim dữ lan đào)

An nước nhà phải gài then chốt,
Dự phòng khi nhẩy nhót binh
dao.

Đêm hằng canh trống truyền
lao,

Miễn an đất chúa quán nào thân
tôi.

(Giang Thành dạ cổ)

Cái họa chiến chinh này hẳn

không làm vui lòng người thi sĩ yêu hòa bình cho nên suốt 10 bài thơ ta chỉ thấy có hai bài, Kim Dữ Lan Đào và Giang Thành Dạ Cổ là có mô tả không khi căng thẳng phòng bị chiến tranh. Sự chuẩn bị này chỉ đề tự vệ chứ không phải để khiêu khích các lân bang. Còn tám bài kia tả những cảnh đẹp thanh bình thịnh vượng, khi êm đềm thanh đạm, khi cao nghiêm siêu thoát, của đời sống nơi “bồng lai tiên cảnh”, Hà Tiên.

Như vậy phải chăng nguồn mạch của dòng thơ đất Hà Tiên (kể cả Kiên Giang bây giờ) là hồn thơ hiền hòa, yêu thương, và chung thủy. Dòng thơ đất Hà Tiên là sự thể hiện hòa bình chán ghét chiến tranh. Dòng thơ đó do Mạc Thiên

Tích khơi nguồn được nối tiếp và khai triển sau này bởi thi sĩ Đông Hồ và thi sĩ Kiên Giang Hà Huy Hà.

II. Tâm sự Đông Hồ qua “Bội Lan Hành”:

1. Tác phẩm Bội Lan Hành :

“Bội Lan Hành” là tập thơ sau cùng của Cố Thi sĩ Đông Hồ được xuất bản năm 1969 sau khi người nhắm mắt. Sự thực, công cuộc chuẩn bị đã được chính tay người sẵn sóc từ trước khi người lìa đời.

Bội Lan Hành có nghĩa là bài Hành Bội Lan. Hành là bài thơ thất ngôn trường thiên. Còn Bội Lan là từ ngữ lấy trong câu “Nhấn thu lan dĩ vi bội” của Khuất Nguyên trong Ly Tao, gợi lại ý “đeo hoa lan đi vào đất Trích” để nói lên tâm sự

lưu đây.

Đây là tập thơ “Trăm kém hai dòng lệ” theo lời khai từ của tác giả vì bài thơ có 98 câu. Lời tâm sự di chúc này gợi lại “Mái trắng non” và “Làng thơ đau buồn”. Nên chỉ được xuất bản ngay sau khi người nhắm mắt :

... Non tan tành

Nước tan tành

Gởi ai non nước bài hành... bội lan.

Những nỗi niềm dằng dặc ưu phiền nhất của tác giả là những điều khi còn sống ít khi người thổ lộ với thân nhân, hoặc bạn bè, càng không có đối với những người xa cách :

Tâm sự khép vào lòng đất lạnh

*Trời thơ đêm tỏa nguyệt lung
linh*

(Đốt lấy tro tàn)

Nên tìm hiểu “Bội Lan Hành” là tìm hiểu những nỗi niềm thầm kín ấy để làm sáng tỏ các uẩn, đồng thời để trả lời cho những phán đoán lâu nay không đúng về người :

2. Tâm sự của tác giả :

A. MỘT CÁNH HOA RƠI TRÊN
ĐẤT TRÍCH :

*Mảnh nguyệt năm tàn vương
mỏng manh*

*Theo con thuyền nhỏ thả lên
đênh*

Đêm nay thuyền ghé bờ vô vọng

Để sáng mai qua BẾN BẮT BÌNH

(Bội Lan Hành)

Bốn câu thơ mở đầu cho bài hành Bội Lan vừa mở đầu cho tập thơ, đưa ta vào một thế giới thi ca âm u và đau xót. Tập thơ có trên 30 bài mà bài nào cũng là những tiếng kêu thương bi thiết về những ước vọng không phỉ nguyên, về nỗi bơ vơ lưu đầy trên đất Trích quê hương. Có đôi bài thanh thản hơn như các bài đề tặng, thiệp Tết, ca ngợi mùa xuân... Nhưng tựu trung vẫn là những lời gởi gắm.

Tâm hồn thi nhân từ năm 1945 trở đi không phải là tâm hồn thanh thản của Đông Hồ thời tiền chiến.

Không còn thuở nào những ngày
đôi mươi “Mộng lớn hơn trời cao,
chí to hơn vũ trụ” như lúc ngêu
ngao thả thuyền ngâm câu “Đông
Hồ phú”:

*Vũ trụ tuy bất biến bất cùng,
vẫn là vô tri giác,*

*Nhân sinh tuy tối vi, tối tiểu,
vẫn là hữu tâm tư.*

(Đông Hồ phú)

Lúc bấy giờ tâm hồn thi nhân
an bằng như ráng sớm, như trăng
thu, có thể bình tâm say cảnh :

*Thắng cảnh lương thần phải
buổi*

Thương tâm lạc sự đang vừa

*Nghiêng bầu hướng với giang
sơn mà say rượu,*

*Mài mực đối với phong nguyệt
mà chuốc thơ.*

(Đông Hồ phủ)

Còn những năm 30 thì mơ
màng những bóng hình giai nhân
Liêu trai lạc vào giữa khuya ân ái :

Ngây thơ thuyền ghé bờ ân ái

*Bóng đợi hình mong, duyên ước
ao*

Yêu đương đâu phải vì non biển

Khăng khít chi cần đến tất giao.

Một sợi tóc tơ huyền đủ buộc

*Nghìn năm người thật với chiêm
bao.*

(Đêm lại Liêu trai)

Nhưng buổi chiến tranh không
phải là lúc làm “Quân Vương” để
nâng niu trong đôi tay đằm đuối
đôi quả đào ngà ngọc của Ái Cơ:

Rung rinh trái ngọc đôi hoa nở,

*Nghìn vạn lung linh ánh thủy
tinh...*

*...Tay tiên ngoạn lộng loài trân
bảo,*

*Dạ ngọc ngà phô chất phẩm
quỳnh*

*Ôi mắt Quân vương viên bạch
bích*

*Ngắm nhìn say đắm giá liên
thành...*

(Vết hận)

Từ 1945 trở đi, đất nước đã
chuyển mình dữ dội :

*Đất lạch, trời nghiêng, sông
cuộn cuộn...*

*Trắng cuồng mưa loạn gió đau
thương...*

...Ôi đến bao giờ chinh chiến hết

*Hỏi làm chi nhĩ ? Chuyện hoang
đường...*

(Chinh chiến)

Thi nhân bị xô ra khỏi vùng
thanh tịnh để lao mình vào miền
khói lửa điêu linh :

*Tây yên, nước sớm mờ sương
khói*

*Viễn mộng trôi theo cánh lục
bình.*

*Nước chảy ngàn ngơ niềm
nguyện ước*

Bèo trôi man mác ý phiêu linh.

(Bội Lan Hành)

Giải nắng, dầm mưa, lênh đênh
trên dòng vô định, tấm thân nho
nhã cũng lẫn lóc với cát bụi giang
hồ trên một chiếc thuyền con. Tác
giả than :

*Kinh cạn sống cùng chèo lúng
túng*

*Đường lầy ngõ tắt bước loanh
quanh*

*Chim bằng cánh mỗi, trời thu
hẹp*

Ngựa ký chân sa đất gập ghềnh

*Cá chậu chim lồng chưa thoát
khỏi*

*Miệng hùm nọc rắn sẵn bên
mình*

(Bội Lan Hành)

Thuở đó chúng tôi mới 10 tuổi đã được hân hạnh làm tên hướng đạo ti hon lăng quăng chạy trước bước chân người cùng chân bà Mộng Tuyết hiện có mặt ở đây hôm nay. Chúng tôi đi từ xóm Lưới Lư Khê vào xóm Ngã tư kinh Xáng, xuyên qua truông núi Nhọn và len lỏi giữa rừng tràm sinh lầy: đi chạy loạn. Sau đó người xuống thuyền dẫn thân trôi nổi lên đến kinh thành, nấu mình ở xóm Nancy. Ngôi nhà trọ được phong cho mỹ danh là Am Đại Ân.

Khách ly hương đã ra đi không
hẹn ngày trở lại và đường như linh
cảm cái ngày ấy không bao giờ có :

*Chèo mát, may còn duyên thấy
lại,*

*Thuyền chìm, thôi hết kiếp
thông minh.*

(Bội Lan Hành)

Từ đó tâm hồn thi nhân rã vào
những nẻo tối u buồn : tự vi mình
như một chiếc hoa cuối mùa vừa
rụng xuống. Hoa đã rụng, một
buổi mai nào đó “Đáo địa nhất vô
thanh”, nhưng vẫn còn chút hương
thừa đủ mang ra ấp ủ hương lòng
đất nước :

Son sắt vèo tan cát bụi đời

Thu rồi chỉ đợi có xuân tươi?
Nhớ thương ai để gầy năm tháng
Đau xót mình đem ủ đất trời,
Đã thấy băng khuâng hồn lá
rụng
Còn nghe xao xuyến ý hoa rơi
Viết cho mực cạn nguồn cay
đắng
Từng giọt trao tay giọt điểm
cười.

(Son sắt vèo tan cát bụi đời)

Tuy là thân hoa rụng, nhưng
đấy là một loài hoa quý như hoa
mai, hoa cúc, hoa vông, hoa lan là
những loài hoa của non sông dân
tộc mà người hăng yêu thích:

*Đây là Trưng Triệu giống non
sông*

Thanh hoa còn giữ tinh anh cũ

*Máu tươi lòng thơm NHẤT
ĐIỂM HỒNG*

(Một loài hoa quý)

Loài hoa ấy quyết đem chiếc
thân tàn góp chút phần hương cho
mùa thu điêu lính đất nước, vẫn
không quên tấm thân đã tàn úa,
sang mùa, với mớ tâm sự đem dệt
thành thơ bán chẳng ai mua:

*Từng giọt trao tay giọt điểm
cười*

Mà nghe nức nở máu tim rơi

Cách xa thế hệ đôi bờ mộng

Thu hẹp tâm tư một mảnh trời...

*...Ai mua tâm sự đâu mà bán
Tội nghiệp tài hoa giữa chợ đời.
(Son sắt vèo tan cát bụi đời)*

Chợ đời là Vườn thơ mùa chinh chiến. Người ta lo súng gươm tranh đấu. Người ta làm thơ để đánh đuổi xâm lăng. Người ta không làm thơ vì Quốc văn Chữ nghĩa. Đông Hồ vẫn biết, điều đó nên rất khép nép ngại ngùng mỗi khi mang thơ ra Chợ :

*Giấy mực đau lòng chữ nghĩa
Tài hoa phô giữa chợ đời
Những nghĩ e hồng thẹn tía
Chỉ cho bướm cợt ong cười
(Tài hoa phô giữa chợ đời)*

B. TẤM LÒNG CHUNG THỦY:

Những tấm lòng chung thủy với Quốc văn, với Văn hóa thuần túy từ ngày khai mở Trí Đức Học Xá đến ngày lại về Đại Ân Am ở Nancy hay Vương Giả Hương Đình ở Đại lộ Nguyễn Thái Học, hay Quỳnh Lâm Thư Thất ở Gia Định, tấm lòng ấy, vẫn không thay đổi. Con đường chí hướng là chọn một lối thoát ly, đứng ra ngoài mọi tranh chấp ý thức hệ, đứng ra ngoài chính trị và chiến tranh, vì trực giác thông minh của thi nhân sớm nhận ra chân tướng bi đát của các chiêu bài và huyền thoại :

Âu vàng ngựa đá ai mong mãi

*Giúp mũ ai làm chuyện đảo
khuy nh*

... Ưu liệt vũ đài trò thế giới

Lưỡn còn không nói chuyện tung hoành

(Bội Lan Hành)

Con đường lý tưởng là Phục vụ cho Văn học Quê hương “Tự nguyện làm một người tri kỷ với Quốc văn, cùng với Quốc văn ước nguyện sông núi”. Lời nguyện này đã được người ghi vào “Nam Phong” những ngày rất sớm. Bây giờ lời nguyện ấy vẫn chưa phai giữa khi “Hồn Trinh ý Trắng còn nguyên”:

Giữ chút niềm Trinh ý Trắng

Gởi lòng tri kỷ muôn phương

(Tài hoa phô giữa chợ đời)

Người vẫn còn tin vào giá trị
của mình giữa chợ đời tao loạn ấy:

*Trong cơn gió loạn hoa nào nở
Là chút tinh anh gởi lại đời.*

(Son sắt vẻo tan cát bụi đời)

Chợ đời cũng là chợ Bến Thành
ồn ào cát bụi, một vùng Đất Tống
kinh hoàng đối với người thư sinh
biên ngoại chạy loạn về đây :

*Lành Tần đâu có nguồn hoa
thắm,*

*Tìm Tống đây không mảnh đất
lành...*

*...Lạc bước ngập ngừng trong
ánh sáng,*

*Náu mình trong gió bụi kinh
thành.*

(Bội Lan Hành)

Rồi đêm đêm trên gác trọ, người
đứng nhìn thực trạng đau thương:

*Gái buôn đâu biết hờn vong
quốc,*

*Bến nước còn vang khúc Hậu
đình.*

(Bội Lan Hành)

*Quán trọ nhìn qua khung cửa
ngỏ,*

*Lòng đêm mở hứng bóng sao
rơi,*

Kinh thành Hoa lệ ôi chua xót,

*Nhặt hạt minh châu kết chuỗi
cười,*

(Son sắt vèo tan cát bụi đời)

Lại thêm một sự thực không

làm sao quên được là quê hương
lớn đang tan tành trên quê hương
nhỏ còn xa cách.

C. TÌNH QUÊ HƯƠNG:

1. Quê hương lớn :

Chinh chiến đang làm cho mảnh
cơ đồ tan nát :

Sông trôi lai láng xương vô định,

Tạo hóa nào đâu đức hiếu sinh,

Tấm lụa non sông nà nỡn quá,

Chia năm xẻ bảy để tan tành

(Bội Lan Hành)

Mỗi năm tết đến, niềm hy vọng
thanh bình càng mòn mỏi vắng
xa :

Máu đào lênh láng thay hoa
pháo,

Hơn một mùa xuân chịu tóc
tang.

Cả nước đang say men khói lửa,
Vần thơ chinh chiến súng ngâm
vang.

(Vườn Ngự Bến thành)

Mùa Xuân Lớn Thanh bình
Thống nhất vẫn còn là mơ ước mòn
mỏi :

Mỗi năm ăn một mùa Xuân nhỏ

Đợi một mùa Xuân Lớn chữa vè.

Sáu chục ba trăm ngày nặng
chũu

Thời gian từng bước kéo lê thê.

(Đón mùa Xuân lớn)

*Non nước đang chờ Xuân Nhất
Thống*

*Đừng hồng ăn được Tết Huy
Hoàng*

(Vườn Ngự Bến Thành)

2. Quê hương nhỏ :

Trong khi đó, quê hương nhỏ là đất Hà Tiên sinh trưởng của tác giả cũng mịt mù. Từ ngày chạy loạn, loạn cứ kéo dài, không lần nào trở về thăm được mái nhà xưa. Nhớ thôi là nhớ núi Bình San với những kỳ Thanh minh tảo mộ. Cảnh Đông Hồ mỗi buổi sáng sương tan :

*Thương xanh nhớ biếc lòng
sông núi,*

Biển bạc Hồ lam ôi bóng quê.

*... Giao thừa Kinh khủng qua Bi
thiết*

Hồn lạc bơ vơ nẻo Trúc thành

Nơi đó có gia đình và bằng hữu.

a) Gia đình cảnh cũ bây giờ
chắc đã đổi thay:

Quê nhà từ bước chơn đi,

Non sông biết đã có gì đổi thay.

Vườn xưa cỏ héo hoa gầy,

Mình ve tóc hạc bịnh chầy tuổi cao.

Năm ba cành liễu tơ đào,

Mé hồ cần trúc, bờ ao cánh bèo.

Cảnh nhà khi đã nghiêng xiêu,

*Tránh sao giậu đồ bìm leo thói
thường.*

b) Bằng hữu còn lại mấy người
ở lại quê hương “xa xôi ai có thấu
tình chẳng ai ?”

Bạn bè thăm hỏi trong ly tán

*Ngóng gió ngàn phương chẳng
mối manh*

*Dằng dặc sông dài sâu cuộn
cuộn*

*Bâng khuâng trời rộng nhớ
mông mênh*

Có người còn ở lại thấy khách
ra đi, đi mãi không về, lại bàn tán
phê bình nhiều lời cay đắng :

...Trời Ngô rót lại lời tiêu oán

*Gieo rắc thương lòng giọt ớt
chanh...*

...Máu rơi nước nở thiên ai oán

*Thôn thức nghìn thu tiếng phấm
bình*

(Bội Lan Hành)

D. NIỀM TIN TƯỞNG VÔ BIÊN:

Nhưng tình nồng không thể nhạt vì vôi. Chanh chua ớt cay chẳng đủ làm thay lòng chung thủy. Vạn đại vẫn thâm trầm niềm say mê tha thiết Quốc văn và Chữ nghĩa. Tình yêu đó đã trưởng thành như núi Hy Mã vòi vọi, như dòng sông Hằng triền miên:

Núi Hy Mã thiên thu tuyết phủ

Sông Hằng Hà vạn cổ nước tuôn

Âm thâm tuyết phủ ngàn non

Nước tuôn bất tận tự nguồn vô biên.

(Tiếng hạc sông Hằng)

Niềm tin tưởng vẫn còn tươi đậm dù màu hoa đã tàn, mùa hoa đã hết, hương hoa đã phai lạt ít nhiều. Thi nhân vẫn còn hy vọng vào Mùa Bất Diệt như mùa xuân trên quê hương Hà Tiên ngày xưa, nơi đó có nhiều hoa gạo đỏ và có đàn quạ kêu la om xòm tối ngày.

Một mảnh hồn quê bốn góc tường.

*Ước có đâu đây cành gạo đỏ,
Chờ nghe đôi tiếng quạ reo vang.
Ôi ! Hà Tiên có còn Tần lĩnh
Thì Việt Trì kia vẫn Thái Hàng*
(Trương Xuân Hành)

Bài Trường Xuân Hành nói lên
niềm tin tưởng nồng nàn ấy

Khói lửa rồi đây tan biến loạn

Cỏ hoa còn đó ngát văn chương

*...Trường Xuân Hành chép xong
còn hẹn*

*Xuân một lần thêm một đá
vàng...*

(Trường Xuân Hành)

Tóm lại trong thơ Đông Hồ
những buổi sau này giữa mùa tao
loạn thể hiện rõ ràng ba mối tình
của dòng thơ họ Mạc:

1. Tình yêu quê hương:

Quê hương đủ cả nghĩa rộng và
nghĩa hẹp: Quê hương lớn là Việt

Nam, quê hương nhỏ là Hà Tiên
đang tan nát vì chiến tranh:

Chân đi trong cảnh phồn hoa,

*Lòng đi giữa bãi tha ma chiến
trường.*

Sầu cổ quốc, sầu gia hương,

*Càng đau nỗi nước, càng thương
nỗi nhà.*

*Phương thành non nước cách
xa,*

*Hà thành non nước càng xa mấy
lần.*

Trông về quê cũ bán khoăn,

*Trông ra nước cũ càng bán
khoăn nhiều.*

Sầu lên ải bắc mây chiều

*Sầu về phần tử nắng hiu hiu
vàng.*

(Lạc giữa kinh thành)

2. Mối tình chung thủy :

Với lý tưởng quốc văn, với nàng
thơ, với gia đình bằng hữu :

*Sắt son một vẹn nguyên chung
thủy,*

*Cốt nhục muốn nhờ nghĩa tử
sinh*

Tâm sự khép vào lòng đất lạnh

*Trời thơ đêm tỏa nguyệt lung
linh*

(Đốt lấy tro tàn)

3 Tình yêu hòa bình và chống
đối chiến tranh :

Nền hòa bình mơ hoài không
thấy đến vì chiến tranh vẫn tới hời,
nguyên nhân của mối sầu xa xứ. Nó
khiến cho thi nhân tới ngày nhắm
mắt không được lần nào nhìn lại
Hà Tiên trong khi suốt công trình
văn hóa của ông là ca ngợi, làm
thơm, làm đẹp, làm nổi tiếng cho
Hà Tiên. Phải là người từng sống
ở Hà Tiên với mưa sầu mùa thu,
với tháng ba thanh minh tảo mộ,
từng xa quê hà, mới thấm thía cảm
thông qua những dòng thơ này :

Ôi giang san! Ôi giang san!

*Đieu tàn ời hỡi đieu tàn thuở
xưa...*

*...Gượng ngồi chiều lạnh nghe
mưa,*

*Thanh minh tiết đẹp bây giờ có
không ?*

*Nén hương năm đất nghìn trùng,
Chạnh niềm tử biệt đau lòng
sinh ly.*

(Lạc giữa kinh thành)

*

Đến đây, thiết tưởng tôi đã nói lên được phần nào tâm sự của Đông Hồ. Cái tâm sự im lìm mang sâu vào lòng đất, chỉ đợi ngày xuất bản “Bội Lan Hành” mới trải mở ra cho chúng ta. Hôm nay chúng ta đốt lò hương này, giở lại từng trang tâm sự, ta mới thấy cảm thương cho người với những nỗi u tình.

Nên nếu có còn ai chưa chịu công nhận cho điều đó, chúng tôi cũng xin nghiêng mình yêu cầu hoan hỉ bỏ lỗi cho thi nhân và cho sự mạo muội của chúng tôi.

Trương Minh Hiến

DIỄM CA. 2

“Kỷ niệm chúng mình”

**Bằng nhạc làm hồi sinh tất cả
kỷ niệm đời người**

VĂN SỐ 187

Tuyển tập các tác giả trẻ

Th. Th. M

Thương nhớ thầy Đông Hồ

*Kính dâng Hương hồn Thầy
nhân ngày giỗ đầu*

Buổi sáng sớm thứ tư 26 tháng 3 năm 1969, tôi đang tiến về lớp 104B ở cuối dãy lầu I, vào học giờ thầy Diệp Truyền Hoa như thường lệ. Bỗng một nhân viên quen trong văn phòng kêu giật tôi lại, chạy tới bảo :

– Thầy Đông Hồ mất rồi! Cô hay không ?

Tôi chỉ nghe rõ được ba tiếng đầu thôi, những tiếng sau tôi nghe loáng thoáng mơ mơ hồ hồ, tai ù lên. Tôi xoe tròn mắt, ngạc nhiên hỏi lại lần nữa mà giọng nói lạc hẳn đi, tôi có cảm tưởng như giọng nói của ai đâu ấy, không phải là của tôi nữa :

– Sao ? Ông vừa nói thầy Đông Hồ thế nào ?

– Thầy mất rồi! Tối ngày qua người nhà thầy có gọi điện thoại đến trường báo tin.

Tôi không muốn tin sự thật đó. Tôi cố bám víu vào chút hy vọng cuối cùng cho đó là lời đùa lạ của

anh bạn. Cũng như có lần chính thầy thuật cho tôi nghe một lần nào đó, một số sinh viên ở xa vừa về Sài Gòn, nghe tin thế nào mà bảo nhau là thầy vừa mất, các anh chị ấy họp nhau lại mang nhang đèn đến phúng điếu thầy, chùng đến nhà sao không thấy rộ ràng người ra vào, lặng trang như thường, chùng vào nhà hỏi mới vỡ lẽ đó chỉ là tin nhảm.

Tôi bảo anh bạn :

– Thôi mà ! Đừng nói đùa gì lạ vậy !

– Tôi nói thật mà, không đùa cô đâu !

Nhìn gương mặt đầy vẻ thành thật và giọng nói không chút gì đùa

cột nên tôi mới bắt đầu tin.

Tự nãy giờ tôi không có cảm giác gì ngoài sự trống không, đôi mắt ráo hoảnh. Sự kiện quá đột ngột khiến tôi không khóc được nữa.

Tôi thần thờ đi như một cái máy về phía phòng học, thấy ở ngoài hiên có vài cái ghế ai nhắc ra để đây, tôi buông chiếc giỏ đựng sách vở xuống ghế, khi ấy nước mắt tự nhiên thi nhau lăn trên má. Tôi đưa tay lấy quyển “Ức Mai Tập” mở ra xem.

Cành mai, nét bút hầy còn tươi màu mực, dấu triện hầy còn thắm vết son. Mới hôm nào đây còn đứng hầu bút mực để thầy vẽ, viết đây mà. Thầy mất rồi sao? Vô lý

thật ! Càng nhìn tôi lại càng thốn thức. Một lát sau, vài chị bạn đến, thấy mặt tôi đăm lẹ không biết là có chuyện gì, đưa mắt nhìn nhau dò hỏi. Tôi xây lại nói được mấy tiếng “Thầy Đông Hồ mất rồi !” rồi nghẹn lời không thốt ra được gì nữa.

Chúng tôi ở trước cửa phòng học chờ mãi mà không thấy thầy đến, chốc sau, trên văn phòng chuyển xuống bức thư của thầy Diệp Truyền Hoa gửi cho cả lớp. Trong thư thầy cho biết bệnh tình của thầy có phần nặng, phải vào nằm bệnh viện Grall trong một thời gian cùng dặn dò sinh viên trong việc học.

Nghe tin thầy đau nặng phải vào nhà thương cùng lúc với tin thầy Đông Hồ mất khiến lòng tôi như tê dại. Nghĩ đến càng thêm lo buồn cho số phận của Văn khoa và nhất là ban Việt Hán, số giáo sư vốn đã ít mà phần nhiều lại cao tuổi, thường bệnh hoạn không biết bỏ chúng tôi ra đi lúc nào đây nữa.

Nghe vài anh bạn có đi học giờ thầy Đông Hồ ngày qua thuật lại những sự việc xảy ra từ lúc đầu giờ học, đến khi thầy ngất đi, lúc chở thầy đi các bệnh viện..., tôi bàng hoàng sửng sốt trước cái chết của thầy, đẹp như một bài thơ. Thật thế ! Còn có cuộc đời nào kết thúc đẹp hơn thế nữa ?

Qua hồi xúc động, chúng tôi bàn nhau đến nhà nhìn mặt thầy lần cuối cùng. Vừa đến cổng ngoài, một chị cháu của thầy bước ra, ngỡ chúng tôi chưa biết tin nên vừa mở cửa vừa khóc bảo :

– Thầy Đông Hồ đã mất rồi !

Chúng tôi cũng khóc theo, tôi gật đầu nói:

– Chúng tôi đã hay tin rồi, muốn đến nhìn mặt thầy lần cuối cùng.

Chị ấy dẫn chúng tôi đi vòng lối sau nhà, bước vào căn phòng khi trước kê chiếc bàn học dài, nay đã được thay bằng chiếc giường thấp. Nhìn thấy thầy được đặt nằm ngay ngắn phủ dưới lớp mền gấm đỏ, trên mặt phủ tấm lụa đỏ, tôi

bật khóc thành tiếng. Một lát sau người nhà giở tấm lụa phủ mặt cho chúng tôi nhìn mặt thầy. Nét mặt thầy vô cùng bình thản như một người đang ngủ. Chúng tôi khóc yên lặng một lúc, rồi từng người một ra phía chân giường, hướng về thầy lạy ba lạy rồi cáo từ ra về.

Dời nhà thầy, tôi đáp xe lên Phú Nhuận đến nhà một người bác. Như thường lệ mỗi trưa thứ tư, bác Vương Hồng Sển, chú Tế Nhị và cô Thanh Liên thường đến đây để thăm, trò chuyện với bác Biển Ngủ Nhự (tức bác sĩ Nguyễn Bính) nay đã hơn 80 tuổi. Tôi cũng thường có mặt trong những buổi họp mặt này, nghe các cô bác nói chuyện được học hỏi thêm nhiều điều hữu ích. Đến nơi, báo tin thầy

Đông Hồ vừa mất tối qua 25 tháng 3 lúc 7giờ30, ai nấy đều sững sốt và thương tiếc vô cùng.

Buổi cơm hôm ấy mọi người bàn quanh về việc ra đi quá đột ngột của thầy và nhắc lại những kỷ niệm với thầy.

Bác Vương Hồng Sển nhắc lại đôi câu đối mà thầy Đông Hồ viết tặng bác và cố ý trêu phá bác một chút. Đó chính là hai câu của Cao Bá Quát được sửa đi phần cuối câu hai :

Bán thể túy tâm cầu cổ ngoạn

Nhất sinh đê thủ báí thanh ca.

Hôm ấy tôi mang theo quyển “Ức Mai Tập” định tan học ra, đem đến đây để nhờ các bác, chú viết

vào. Không ngờ sáng vào trường thì hay tin thầy vừa mất tối qua.

Nhìn qua nét bút thần tình họa cảnh mai, và đề thơ ai cũng tấm tắc khen phục.

Tôi nhắc đến bức ảnh bản thân cỡ carte postale của thầy cho tôi trong năm trước, mặc bộ complet xám, nét mặt buồn buồn. Mặt trước phía góc dưới có chữ ký Đông Hồ, sau lưng có đề một câu thơ sau:

Chân ảo ảnh lưu hồ điệp mộng

cùng ngày, tháng, năm đề tặng và ký tắt hai chữ Đ.H.

*

Tưởng nơi đây cũng nên nói thêm về quyển “Ức Mai Tập” này, đó là một quyển tập lưu bút đóng bằng giấy trắng dày, mỗi tờ có một tờ giấy bóng mỏng, bìa đen và dày. Khi trước đã lâu, tôi có xin thầy đề hộ trang đầu cho quyển tập, nhưng lúc ấy thầy bận, lại trong người không được khỏe nên thầy bảo để khi nào thuận tiện thầy sẽ làm cho.

Vào ngày 23-1-1969 nhân dịp thầy đến nhà chơi, tôi mang tập này ra nhờ thầy trình bày trang đầu, thầy liền bảo đem bút mực, nghiên đá ra. Sau khi mài mực xong thầy liền phóng bút họa một cảnh mai vô cùng linh động. Họa xong, đến phần chữ, thoát đầu tôi nghĩ đến những chữ: lưu bút, lưu niệm song thấy đều thấy tầm thường

quá, không ổn, không xứng với cảnh mai này. Tôi đang nghĩ ngợi, thầy cũng một tay cầm bút lông, một tay chống trán suy nghĩ. Bỗng thầy chợt nói:

Được rồi. Thầy nghĩ ra rồi.

Rồi thuận bút thầy viết luôn ba chữ “Ức Mai Tập” trên tờ giấy nháp bên cạnh. Tôi reo lên:

– Hay ! Hay quá!

Thầy cũng vui cười nói theo:

– Thầy cũng không ngờ là thầy nghĩ nhanh và hay như thế ! Vừa hợp với bức họa cảnh mai vừa hàm được ý của người muốn gửi gắm trong quyển tập này. Dưới ký : Đông Hồ Lâm Trác Chi tả.

Vẽ xong thầy đề một bài thơ chữ Hán như sau vào trang thứ 4:

*Kim niên kim nhật thử môn
trung*

*Nhân diện hoa dùng tương ánh
hồng*

Đóa đóa chi đầu xuân ý náo

*Thiên kim ưng nhất tiểu đông
phong. (*)*

Đông Hồ

Vì không dự định trước nên thầy không đem theo triện son, bảo tôi ngày khác, có giờ thầy, đem vào trường thầy in triện son vào. Vào thứ ba 4-3-69 tôi mang vào lớp, sau khi tan học, thầy ở lại ấn triện vào bức họa và bài thơ trên.

Triện son này có 4 hình thù khác nhau : Một cái hình bầu rượu với chữ Đông Hồ, một cái hình vuông chữ Đông Hồ, một cái hình bầu dục cũng chữ Đông Hồ và một cái hình hơi tròn với chữ Trác Chi (tất cả là chữ nho). Có vài chị sinh viên ở lại xem, thấy đẹp thích quá bèn xin thầy in vào khăn tay làm kỷ niệm...

(*) Để tránh cho độc giả khỏi thắc mắc, chúng tôi xin mạo muội ghi chú : Ở đây, ông Đông Hồ đã nhái thơ cổ, bài “Đề tích sở kiến xứ” của Thôi Hộ, nguyên văn như sau:

*Khứ niên kim nhật thử môn
trung*

*Nhân diện đào hoa tương ánh
hồng*

Nhân diện bất tri hà xứ khứ

Đào hoa y cựu tiếu đông phong.

Bản dịch :

Năm ngoái ngày này dưới ánh
song

Hoa đào ánh má, mặt ai hồng

Mặt ai nay hết tìm đâu thấy

Chỉ thấy hoa cười trước gió
đông.

(Đường thi trích dịch, Đỗ Bằng
Đoàn và Bùi Khánh Đản, tủ sách
Hoa Xưa, Sài Gòn 1960, tr. 604)

So sánh, bạn đọc sẽ thấy trong
28 chữ, ông Đông Hồ sửa 13 chữ
khác với thơ Thôi Hộ. Trong 13
chữ đó, lại có 4 chữ “thiên kim

nhất tiểu” là một điển tích đã được dùng rất nhiều trong thơ cổ (như thơ Vương Tăng Nhu, Lý Bạch, Tản Đà v.v...)

(Ghi chú của Tòa soạn VĂN)

*

Giờ đây thầy đã vĩnh viễn ra đi, nhưng thơ văn cùng kỷ niệm của thầy bao giờ cũng còn sống mãi nơi tôi.

Sau hết tôi cũng xin mạo muội khóc thầy bằng hai câu làm sau khi thầy mất vài ngày.

Nước Đồng hồ sóng bạc lô nhô
lạnh lùng bấy, nửa mảnh trăng tà
muôn kiếp khôn vơi lòng mẩn tiếc

Am Đại ẩn liễu gầy xơ xác, đau
đớn thay, đôi dòng lệ thảm ngàn
năm còn nặng mỗi ai hoài

Viết tại Đài Bắc,
mùa hoàng hoa

Th. Th. M
(2-1970)

NHÀ XUẤT BẢN
SÁNG TẠO

Đã cho phát hành loại sách kỷ niệm
song ngữ một đoạn văn của

KHU RỪNG LAU

CON CÁ MẮC CẠN

(The Stranded Fish)

Bản dịch Anh văn và
minh họa : **VÕ ĐÌNH**

Ngô Kim Thu

Thầy Đông Hồ và trường Văn Khoa

Hôm nay là ngày giỗ đầu của thầy Đông Hồ. Từ nãy tới giờ, tất cả chúng ta đã cùng tìm hiểu khá nhiều về đời sống, tâm tình qua thơ văn của Đông Hồ thi sĩ⁴. Bây giờ ở đây chúng tôi chỉ xin mời các bạn với tính cách những người môn sinh cũ của thầy trong

4 Bài nói chuyện tại trường Đại học Văn Khoa Sài Gòn ngày 22 tháng 3 năm 1970, tổ chức nhân tuần giỗ đầu của cố thi sĩ Đông Hồ.

một phạm vi rất giới hạn, lật lại những dòng tình cảm của không phải một thi sĩ, mà gần gũi vô cùng, của một vị giáo sư, một năm trước đây đã từng đi trên hành lang kia, đứng trên những bậc này, ở giữa chúng ta cho tới phút cuối cùng của đời mình, những dòng tình cảm mà thầy đã viết riêng về ngôi trường Văn khoa này.

Thầy Đông Hồ đến Văn khoa từ niên khóa 64 - 65. Ngày ấy, Văn Khoa vẫn còn nằm ở khu trường cũ, đường Nguyễn Trung Trực, mà như các bạn nhớ, đó là khu nền của khám lớn ngày xưa, một “khu đất lịch sử đau đớn của nước nhà” một “kiếp tử địa sâu thành” như thầy đã gọi.

Nhưng “kiếp tử địa sâu thành” ấy đối với thầy, không phải là một nơi để âu sầu thảm thiết, để khóc lóc nhớ thương, mà như trong lá thư gửi cho ông Nguyễn Ngũ Í cũng trong năm này, Văn Khoa dưới mắt thầy là biểu tượng của cái ý khí, tâm tình, là hình ảnh lồng lộng của một dĩ vãng kiêu hùng, niềm hãnh diện cho những thế hệ sau khi đặt chân trên nền đất cũ.

Chúng ta nghe một đoạn trong thư này: “Lòng đất cũ ở đây đã thấm đậm bao nhiêu là máu là nước mắt của dân tộc...”

“Tôi muốn nói lại một ý nghĩ của tôi từ trước cũng như năm trên, bữa vào đồn Cây Mai ở Phú Lâm tìm dấu Bạch Mai Thi Xã, tôi

đã phải phàn nàn tự trách mình không có làm nên một bài thơ cho gò đất lịch sử nọ. Thì hôm nay, tôi lại phàn nàn mà tự trách mình thi tứ của mình sao mà nghèo nàn quá, tâm hồn mình sao khô khan quá. Cho nên chưa làm một bài văn tùy bút, một bài thơ trường thiên cho thật thống thiết, cho thật lâm ly để miêu tả lại khu đất lịch sử này. Phải có bài văn thơ nói cho hậu thế nghe lại tiếng nói của tiền nhân, để cho thế hệ sau này thấy lại cái ý khi, thấy lại cái tâm tích, thấy lại cái hình ảnh lồng lộng của dĩ vãng, không phải chỉ để xót thương, không phải chỉ để cảm phục, mà còn để tự hào, còn để hân hoan, nhờ có một định mạng may mắn dong duỗi cho thế hệ hôm nay được bước chân vào đây, được ngày ngày

đi đứng trên vạt đất này để thông cảm với tiền nhân, qua tiếng bình văn giảng sách, để bước lui về quá khứ, qua nếp ý nghĩ suy tư.

“Và đây là hình ảnh của ngôi trường Văn khoa: Ở đây, ngang dọc trên lối thông còn những phiến gạch son tàn nứt mẻ, ngày xưa chắc là ở trong mái trong tường ngực thất, bây giờ thì nằm phơi giữa trời, nắng mưa mài rửa đỏ tươi cho mắt nhìn thấy như rướm ra sắc huyết hàn. Ở đây rải rác trong đám gai góc còn những tảng đá xanh nhẵn, ngày xưa chắc là làm nền, làm ngạch nhà lao, bây giờ thì nằm trơ góc cạnh giữa gió sương cho mắt nhìn như thấy phơi ra khi ngạo cốt. Đó là những bản

chức thư bằng gạch bằng đá, khắc lên đó những chữ nét chữ sắt son.

“Lắm lúc tôi nghĩ bao nhiêu người vào đây, hãy nên cởi giày ra mà đi chân không mới phải. Đi chân không chẳng phải là để kinh nể chỗ thiêng liêng như khi bước vào chỗ tín ngưỡng. Đi chân không ở đây là để cho thỏa thích cảm xúc. Mặt đất ở đây còn ghi lại nhiều dấu tích lắm, còn ghi nhiều tâm hồn lắm. Chân chúng ta bị cách ngăn bởi làn da giày thì làm sao mà chạm đến dấu tích nọ, không tiếp xúc trực tiếp được với dĩ vãng. Chúng ta được đi chân không trên khu đất này, chúng ta mới thấy được mát mẻ, một êm đềm, một cảm quan sung sướng thấm đượm vào người.”

Một đoạn đó đủ cho ta cảm thấy được cái lòng yêu dấu, một tình thiêng liêng đã ràng buộc thầy Đông Hồ nơi trường Văn Khoa thân thiết, gần gũi đến bao nhiêu. Cho nên không thể lấy làm lạ thơ văn những năm gần đây của thầy đã mang hình ảnh Văn Khoa thật nhiều không kể những bài thơ ngắn làm trong lớp, thầy còn tập Đào Lý Xuân Phong là tập thơ tuyển lục riêng về đại học.

Trường Văn Khoa đã quyến rũ tâm hồn thầy ngay từ buổi đầu, mùa xuân đầu tiên giáp mặt với Văn Khoa, chúng ta hãy nghe một đoạn trong “Như tọa xuân phong trung”:

Duyên gặp gỡ tương tri thừa nợ

Phúc nam huân ngọn gió khéo
đưa

Cung đàn diu dặt tiếng tơ

Hàn thuyên Đại Việt hồn xưa
bàng hoàng

Tiếng mẹ với tiếng đàn náo nức

Hồn thơ chung hồn nước xôn
xao

Hồn phong nhã, tiếng thanh tao

Nguồn thơ quốc ngữ nao nao
biển lòng

Rời từ đó thủy chung một mối

Tình vắn chương sông núi hẹn
hò

Nàng thơ duyên dáng học trò

*Hoa Tô châu. Nước Đông Hồ
điểm trang*

*Vườn trí đức thành phương ngõ
rộng*

*Hạt quốc văn gieo giống tinh
hoa*

Trải bao gió lộng sương pha

*Tốt tươi hồng hạnh rườm rà quế
lan*

Mưa đạo lý đầy tràn ao mục

*Gió thánh hiền thơm nước song
hồ*

Bên trời một nét đan cô

*Cũng đem về bức dư đồ thử xem
và:*

Đây thế hệ anh hoa tuần tú

Đêm ngày đang vui thú sách đèn

Say sưa nghĩa lý thánh hiền

*Đông tây kim cổ triền miên
mộng vàng*

*Đang đợi những huy hoàng cao
cả*

Đang bắt tay luyện đá vá trời

Một trời mực đậm sơn tươi

*Một trời đại học, một trời văn
khoa.*

Hình ảnh ngôi trường Văn Khoa, qua nét bút Đông Hồ, lãng mạn và đẹp một cách đặc thù. Hồn Văn Khoa như nhập vào từng dòng chữ, từng lời thơ, man mác mênh

mang. Chúng ta nghe bài “Nắng lựa ngày hồng sân đại học” sau đây:

*Nàng lựa ngày hồng ánh nắng
hồng*

*Sân trường đại học nắng mênh
mông*

Cánh thơ che mái trời thân ái

Hoa lá êm đêm nước mát trong

*Nắng lựa hồng tươi ánh nắng
trưa*

*Nắng hồng lưu luyến gót hài
đưa*

*Đường hoa lững thững quay
chân lại*

Tìm mảnh hồn rơi trên nẻo xưa

Đã thấy hồn ghi trên bút hoa

*Tâm hồn thanh nhã đẹp văn
khoa*

Trời thơ mở rộng trang thi thảo

Dem ý vàng son điểm ngọc ngà

Thế hệ bài thơ mới trắng tinh

Bài thơ duyên dáng đẹp thư sinh

Gió hè dịu dịu thơm hương nắng

Bóng lý đào gieo lối cỏ xanh.

Có hình ảnh nào đẹp hơn hình ảnh này nữa : “Lững thững bước đi, tôi thấy được bước lại trên lối xưa quen thuộc mà tôi tưởng đã

lạc mất từ lâu và tôi đã nhớ nhung. Trên lối xưa quen thuộc đó, tôi đã tìm thấy lại những tâm hồn quen thuộc cũ, trong đó có cả tâm hồn quen thuộc cũ của chính mình. Đi trong đám lá thơm hoa dại, dãi trên lối cỏ mòn thiên nhiên, tôi nhìn những cỏ may cỏ mực ở đây thành ra cỏ chí cỏ lan mà cây phượng vĩ cấy bằng lăng ở đây tôi cũng nhìn ra cây đào, cây lý... Tôi bắt gặp đâu đây thoảng có phong vị với dự hương của sông phán với rau cần..." Quả thật một cảnh :

Tìm mảnh hồn rơi trên nẻo xưa

Tâm hồn phóng khoáng, yêu thiên nhiên thể hiện qua bút hiệu, và cả lối nhìn của thi sĩ. Trường Văn Khoa cũ nằm ngay trên đường

Nguyễn Trung Trực – Lê Thánh Tôn cách Bonard, trung tâm của Sài Gòn đô hội sáng chiều thứ bảy chủ nhật, đủ khuôn mặt đủ kiểu áo “à la mode” không mấy bước, nhưng qua đôi mắt thầy, các bạn sẽ thấy một cảnh khác hẳn, tách biệt, nhưng không phải xa sự thật :

“Hội triển lãm kiểu nhà tiền chế còn bỏ lại một bể cạn, một hòn bể sơn, một mái hư đình, mấy gốc cây đại ngànng ngào với mấy chòm lục trúc xinh xinh. Nếu khéo sửa sang thì trở thành một cảnh cổ thụ sơn hồ có cây, có đá, sẽ hợp cho hoàn cảnh triết học.

“Nhưng mà không sửa sang lại hoá ra kỳ thú. Những người sinh viên ở đây tự hướng tập hợp đến

chốn này. Mỗi khi vào lớp học quên không đem theo bó hoa cắm lên thư án thì đã có những cành hoa đại cười cợt nhắc cho. Những cành hoa từ đâu ngoài vườn len mình vào khe cửa sổ xuyên thẳng vào lòng lớp học, nghiêm nhiên nở nên chùm hoa duyên dáng thư sinh để lòng sách cảm thông hòa đồng với lòng vũ trụ.

“Ở đây lại có một cảnh vườn quê nho nhỏ. Nhân sẵn có đất rộng bỏ không, gia đình người nhân viên giữ trường cuốc mấy luống rau, cày mấy vòng cải, vòng khoai, gác mấy giàn dưa giàn bí. Lá khoai xanh, bông cải vàng diễm nhiên, đàn gà thơ thần tìm thóc. Con bướm bướm, con chuồn chuồn cho thấy có cảnh “Sơ thái tân” mát mẻ

lại cho thấy có cảnh “đậu bằng qua
giả êm đêm...”

Và mời các bạn quay nhìn thử
một lần ngôi trường chúng ta đang
ngồi đây với những tàng me, những
hàng phượng khô kia, để rồi các
bạn đọc lại bài “Lá tươi Đại học”
này để thấy dưới mắt thầy Đông
Hồ nó đã được mặc một vẻ lãng
mạn, mơ mộng đến ngần nào :

Hàng liễu lơ thơ để nảo nùng

Bờ ao ủ rũ cánh phù dung

Mây thu bối rối trên đài tóc

Ý ngọc tình chân chút lạnh lùng

Xếp áo ưu tư rũ bụi sầu

Thời xuân chi mặc lụa ngày thu
Khéo đem mộng ảo đùa thân thể
Mà gót hài văn lỗ bước đầu
Mưa đã tràn lên ngọt nước hồ
Hàng cây phượng vĩ biếc xanh
mơ

Trạng nguyên hoa nở tươi nghìn
lá
Vườn nhớn nhớ bay bướm học
trò

Đem đôi sầu thương cho mến
thương

Đem niềm tin tưởng lại văn
chương

Trời thơ lại mở lòng âu yếm

Gió lộng cho tình cỏ ngát hương

Giấy lại thơm tho duyên Đại học

Mực thêm chan chứa ý Văn khoa

*Vàng son mộng đẹp còn nguyên
mộng*

Vụ bán khai còn dễ kết hoa

Sớm hoa mai, muộn hoa cúc

Giữa thu mùa đọt trắng tròn

Nhưng Văn Khoa không phải
chỉ đẹp vì cái quyến rũ lãng mạn
bề ngoài đó thôi, Văn Khoa còn đẹp
vì cái tinh thần, cái truyền thống

của nó nữa. Cũng trong lá thư gửi ông Nguyễn Ngu Í thầy Đông Hồ đã viết :

“Chúng ta nhớ lại mà coi. Thế hệ chúng ta ngày xưa muốn học được ít chữ nước nhà, khó khăn cực khổ biết chừng nào.

“Lòng yêu tiếng nói tổ tiên cũng như lòng ái quốc bị coi như một tội phạm, Dạy quốc văn, học quốc văn bị xã hội xem thường. Chúng ta không may lớn lên trong cảnh ngộ khe khắt éo le như vậy mà biết tự miễn tự cường cố chí cầu học, khổ công tu luyện đôn đốc tâm cầu, đến nay chúng ta còn học được năm ba tiếng nói của nòi giống, còn học được năm ba chữ viết của tổ tiên.

“Bây giờ đây, tiếng nói nước nhà, văn chương quốc âm trong bao lâu nay, đã chiếm được một địa vị quan trọng trong nền xã hội giáo dục. Thế hệ hôm nay, may mắn biết bao nhiêu. Tiếng Việt đã công nhiên được dạy được học, sẵn trường sẵn thầy, tận tâm nỗ lực, giảng cứu sưu la ngày đêm phóng phả, trên dưới ân cần, thêm có quy củ, có phương pháp thì nền đại học văn khoa từ đây trở đi tiến trình sẽ phấn khởi mãnh liệt biết bao nhiêu, để cho thế hệ sau kia ngắm nhìn mà ngoạn mục:

Đây thế hệ anh hoa tuần tú.

Đêm ngày đang vui thú sách đèn

Say sưa nghĩa lý thánh hiền

*Đông tây kim cồ triền miên
mộng vàng*

*Đang đợi những huy hoàng cao
cả*

Đang bắt tay luyện đá vá trời

Một trời mực đậm son tươi

*Một trời đại học một trời văn
khoa.*

Nhưng... đã là học trò, thì hình ảnh say sưa nhất, những phút giây hồi hộp nhất, chắc hẳn phải là hình ảnh là giây phút của mùa thi. Mùa thi Văn Khoa qua ngòi bút Đông Hồ không bao giờ có cái cảnh:

Thi không ngâm ớt thế mà cay

Mà trái lại, là một mùa huy hoàng, rực rỡ, một mùa đẹp tuyệt

vời với hoa, với nắng, với lòng
người rộn rã xuân xao:

Đại học Văn khoa rực rỡ

Bình minh sáng ngập nắng hồng

Lớp học sinh viên hớn hở

*Trường thi cánh phượng ửng
hồng.*

Đề thi đã ngỏ niềm phong

Lòng giấy xuân xao hồn chữ

Suy tư ý tưởng mệnh mông

Vui rộn nao lòng sĩ tử

Mái tóc buông dòng văn tú

*Tỏa trên vàng trán thông minh
Tờ thảo xanh tươi hàng chữ
Ngòi hoa bút nở rung rinh.*

Và đây là bài “Vàng son hoa nở
hai mùa”:

*Đất nước miền Nam
Nước lành đất tốt
Nắng thơm mưa ngọt
Vàng son thay đổi hai mùa
Mùa vàng tết mùa dân tộc
Mùa son mùa tết học trò

Mùa vàng hoa mai hoa cúc*

Mùa son hoa phương hoa vông
Hoa cúc hoa mai vàng rực
Hoa vông hoa phượng đỏ hồng
Một mùa vàng
Một mùa son
Một mùa giàu
Một mùa sang
Mùa vàng giàu thực giàu
Mùa son sang rất sang
Đã có mùa vàng giàu gấm vóc
Còn thêm mùa son sang ngọc
châu
Gấm vóc cho giàu dân tộc
Ngọc châu sang của học trò

Thư sinh giàu vì chữ ngọc
Thư sinh sang bởi lời châu
Giàu sang nền đại học
Xinh đẹp nếp văn khoa
Hoa đến mùa hoa
Kỳ hẹn đúng kỳ
Khi son rắc hồng cánh phượng
Rủ nhau đi
Đem châu đem ngọc rắc trường
thi

Rộn rã tình châu
Xôn xao tứ ngọc

Tình châu tứ ngọc kết thông
minh

Châu lung linh

Ngọc lung linh

Chữ ngọc giấy phô trang nhã

Lời chen bắt nở tinh anh

Bạch diện thư sinh

Hồng nhan thư sinh

Mùa son thế hệ bước đăng trình

Son tươi lòng thế hệ

Son tươi lòng sử kinh

Một lòng phượng nở lòng son
nở

Phượng nở mùa son ngát tuổi
xanh

Chữ nở mùa son hoa bất tuyệt

*Mực thơm son thắm ý bằng
trinh.*

Mùa thi năm 68, một mùa thi
khó quên của những biến cố bàng
hoàng, lửa khói, một mùa thi quả
đúng “Mùa son nở chậm” như thầy
Đông Hồ đã ghi :

Mùa son hoa phượng nở rồi

*Mùa thi chưa đến, chiều rơi rơi
chiều*

Mùa son hoa phượng nở nhiều

*Mùa thi chưa đến buồn hiu hiu
buồn*

Mùa son hoa phượng ửng son

*Mùa thi chưa đến cho hồn băng
khuâng*

Mùa son hoa phượng từng bừng

*Mùa thi chưa đến lòng băng
khuâng lòng*

Mùa son hoa phượng ửng hồng

*Mùa thì chưa đến sâu mênh
mông sâu*

Mùa thi mờ mịt khói mây

*Mùa son biết có về đây ngõ
ngàng*

Đô thành khói lửa kinh hoàng

Trường thi ngọc lụa mơ màng...

Và mùa thi này cũng là mùa thi cuối cùng trường Văn khoa còn bóng dáng ông giám khảo Đông Hồ. Có phải một điềm báo trước mà... chúng ta hãy chú ý những câu kết của bài “Ly biệt... tương phùng” sau đây, một bài thơ mùa thi thứ

nhất mang những lời chia ly ngăn cách, trái hẳn với những bài chứng ta vừa đọc trên :

Ý ngọc tình châu lai láng

Ngời châu ánh ngọc thung dung

*Bóng quyện hương trời nắng
thoảng*

Biệt ly chi hện tương phùng

Ý ngọc tình châu chan chứa

Ngời châu ánh ngọc phù dung

Ngùn ngụt đô thành khói lửa

Biệt ly dám hện tương phùng

Ý ngọc tình châu lả chả

Ngòi châu ánh ngọc xuân dung
Bèo nước dòng đời đôi ngả
Biệt ly xin hẹn tương phùng

Ý ngọc tình châu nước nở
Ngòi châu ánh ngọc thung dung
Lạc bước tài hoa bõ ngỗ
Biệt ly đâu hẹn tương phùng

Ý ngọc tình châu thốn thức
Ngòi chân ánh ngọc phương
dung
Đào lý gió xuân rừng rức
Biệt ly nào hẹn tương phùng

Ý ngọc tình châu lưu luyến
Ngòi châu ánh ngọc hoa dung
Án sách lụa thơm bụi phấn
Biệt ly từng hẹn tương phùng

Ý ngọc tình châu hôn hờ
Ngòi châu ánh ngọc nghi dung
Đại học vàng son rực rỡ
Biệt ly còn hẹn tương phùng

Ý ngọc tình châu thăm đượm
Trời thơ châu ngọc bao dung
Không gian đây gần gần lắm

*Thời gian cách đó muôn trùng
Không gian đâu không ảm đạm
Thời gian chỉ khéo lạnh lùng
Thế hệ đôi bờ thăm thẳm
Biệt ly...
Đừng hẹn tương phùng*

*Thế hệ đôi bờ cách trở
Biệt ly thôi ..
Đừng hẹn tương phùng.*

Và bây giờ thì thầy Đông Hồ không còn nữa. Cuộc biệt ly đã không hẹn ngày tương phùng. Văn Khoa vẫn còn đây, hoài bão thầy đặt vào lớp sinh viên thì quá nhiều, quá lớn lao. Ngày xưa Văn Khoa mọc trên nền khám lớn với những

hàng kẽm gai giăng ngang kẽm gai
giăng dọc kẽm gai cuộn tròn rồi
núi. Bây giờ, một lần nữa kẽm gai
lại mọc lên vây kín, cấm cửa sinh
viên, kẽm gai không bao giờ mọc
ở trường Dược, trường Nông Lâm
Súc, trường Luật, trường Y, trường
Quốc gia Hành chánh v.v... nhưng
cứ thích đeo đuổi chúng ta mãi, thì
có lẽ đó cũng là một thứ tài mệnh
đáng lấy làm hãnh diện. Và chót
hết chúng tôi xin ghi lại một hình
ảnh thật cảm động, một mơ ước
của người đã ra đi và cũng là của
chúng ta : “Chiến lũy kẽm gai đó đã
là các giống dây leo”, tôi thì nghĩ
hóa công vốn vẫn vô tình mà thiên
nhiên luôn luôn đắc thắng. Nay thì
dây bìm bìm, dây thiên lý lả lơi, dây
mơ biếc dây mồng tơi đeo phủ lá
mơn mớn, hoa xanh xanh làm nên

những rào hoa cho khu đại học, và
lãnh vực quân sự biến thành địa
hạt văn hóa; nói cách trịnh trọng
hơn là làm cho can qua biến thành
ngọc lụa.

Ngô Kim Thu

Đã hết

Đang in lại lần thứ nhất



ĐỂ TƯỞNG NHỚ MÙI HƯƠNG

tiểu thuyết của **MAI THẢO**

Nguyễn Đình Vượng xuất bản

Trần Đình Lập

Chiến tranh và hòa bình trong thơ Đông Hồ

ừ ngàn xưa khi loài người
vừa xuất hiện, chiến tranh
đã bắt đầu từ đó. Chiến tranh giữa
con người và con vật. Chiến tranh
giữa một người và một người vì
một con mồi. Nhưng bản tính thật
sự của con người vẫn là muốn sống
hòa bình. Con người vẫn muốn

sống an vui, sung túc và tự do. Từ đó phát sinh những bộ lạc đi lần đến xã hội ngày nay.

Mục đích thành lập những bộ lạc, xã hội để bảo vệ sự sống, tự do chung cho mọi người đã bị lợi dụng. Xã hội trở thành một môi trường hoạt động của một người, một bè phái. Đi xa hơn nữa, họ dùng chính xã hội của họ xâm lăng các xã hội khác. Mục đích hòa bình của sự tạo dựng xã hội đã bị đảo lộn thành mục đích chiến tranh, phụng sự cho một cá nhân, một đảng phái hay chủ nghĩa.

Chiến tranh có bao giờ đem đến cho con người những hạnh phúc, những ấm no, có bao giờ đem đến cho những thành phố những ngôi

nhà một sự vững chắc và trang mỹ. Chiến tranh vẫn luôn biến thành phố thành bãi chiến trường, biến ngôi nhà thành nấm mồ, biến con người thành một công cụ, một xác thối. Chiến tranh đem đến cho con người sự phân tán, đói rách, tù đày và máu lửa.

Đã nhiều người nói đến chiến tranh, nhưng ít người ghi lại những hậu quả tàn khốc của chiến tranh bằng những vần thơ sống động và đầy nhiệt huyết như nhà chí sĩ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh và đặc biệt là thi sĩ Đông Hồ. Thi sĩ Đông Hồ đã để dành cả một tập thơ mới⁵ của mình để tố cáo mọi tàn phá của chiến tranh ở mọi nơi, mọi lãnh vực và mọi người. Những ly tán,

5 Bội Lan Hành, Đông Hồ, Quỳnh Lâm xuất bản, Sài Gòn 1969. (Ghi chú của Tòa soạn VĂN)

đau thương, đói khổ và chết chóc lẫn hận thù, cuộc chiến đã khiến con người mong ước một mùa xuân dân tộc, một nền hòa bình thật sự về trên đất nước. Nhưng khi mùa xuân dân tộc về lại chỉ là một thứ hòa bình giai đoạn, chuyển tiếp cho một cuộc chiến khác đau thương hơn.

Thi sĩ Đông Hồ mở đầu sự tố cáo chiến tranh với một thái độ âu sầu và chán ngán tột độ. Một dòng tâm sự của dân tộc được giải bày, không phải bằng tin tưởng, trái lại bằng một giọng thất vọng, kiệt sức và thiếu niềm tin :

*Mùa khói lửa ngày nào năm nọ
Gió loạn ly đưa đó thổi đây
Biết nhau trong gió bụi này*

*Chút đem chữ nghĩa giải bày
tâm can.*

(tr. 65)

Tâm can của tác giả cũng là tâm can của hàng vạn người dân Việt sống dưới ách đô hộ của thực dân.

Kẻ xâm lăng đã mang chiến tranh từ lòng đất mẹ của họ vào đất nước Việt Nam, khiến kinh thành ngàn đời của chúng ta bị phá hủy, “Thăng Long thành” không còn là nơi đô hội và nguồn sống của dân Việt. Những khúc Nam ca và ngày mùa bị giam hãm để thay thế vào đó những :

Bão táp trời bời trời cổ quốc

Gió mưa ử rũ đất danh đô.

(tr. 27)

Những thắng cảnh của Thăng Long thành như Long Đỗ, Kiếm Hồ cũng không còn là nơi cho mọi người tìm kiếm những giây phút thanh nhàn. Những thắng cảnh đó đã trở thành hoang vắng và:

Tiêu điều cỏ lếp hoa Long Đỗ

Lạnh lẽo trăng soi nước Kiếm Hồ.

(tr. 27)

Cả đền đức Thánh Khổng, ngày xưa là nơi của tao nhân mặc khách, nơi ghi dấu của nhân tài, nơi gặp gỡ của những tâm hồn nghệ sĩ để cùng nhau đàm luận về triết lý của thánh hiền, để dệt những vần thơ lai láng trước cảnh hữu tình, bây giờ chỉ còn là một ngôi đền hoang

vu. Những người đến đây không mang theo bút thơ, tiếng đàn, họ mang theo những chiến mã, gươm đao. Họ tàn phá nơi trang nghiêm. Họ hủy diệt văn vật. Họ dùng những bảng gỗ sơn son thếp vàng làm nhiên liệu thối cơm cho lính :

*Sư biểu muôn đời nền tịch mịch
Cũng tường trăm ngọn lửa
hoang vu*

*Cương lồng chinh mã què chân
hạc*

*Củi thời quân lương chẻ chữ thờ
Khoa bảng bia còn hàng chữ
khắc*

Khuê văn gác sót bóng sao thưa.

(tr. 28)

Đi vào cung điện hoàng thành,
nơi gói ghém tròn đầy những niềm
vui, nỗi sợ, nơi của ngày hội
hoa đăng, nơi của ca khúc khải
hoàn, nơi của trăm ngàn cung nữ
múa hát ngày đêm, bây giờ còn gì
hay cũng chỉ là hoang vắng, để cho
ai lạc bước vào đây chỉ biết nhớ
thương ngày cũ, luyến tiếc thời
qua. Đâu đây trong làn sóng của hồ
Lăng-bạc những oán hờn trời dậy:

Lăng-bạc sóng xao hờn oán cũ,

*Hành cung hương tỏa nhớ
thương xưa.*

(tr. 27)

Không phải chỉ lòng đô thị mới
đổ nát. Tất cả non nước Việt Nam
đổ nát, giang sơn của Mẹ đang

nhuộm máu và đang ôm ấp hàng
vạn trái tim khô héo, hàng ngàn
nằm xương mục nát của chính
những đứa con thân yêu của Mẹ :

Non xanh xanh

Nước xanh xanh

Non tan tành

Nước tan tành

(tr. 10)

Và

*Quanh đây khói lửa nghìn
phương dậy*

Lặng lẽ lòng mây ý biển khơi⁶.

(Trinh Trăng., tr. 34)

⁶ Trinh Trăng, Đông Hồ, Bốn Phương xuất bản, Sài Gòn (Ghi chú của Tòa soạn VĂN) 1961.

Chính thân thể của Mẹ cũng đang bị chia năm xẻ bảy bởi bọn thực dân, bọn tay sai, bọn chạy theo chủ nghĩa, khiến thân thể Mẹ đã đau thương càng thêm tan nát :

Tấm lụa non sông nà nỡn quá

Chia năm xẻ bảy để tan tành.

(tr. 14)

Quê hương điêu linh, cửa vườn đang sụp đổ thì làm sao tránh được cảnh loạn lạc và ly tán. Cha con không tìm thấy nhau. Vợ một đường chồng một nẻo. Mỗi lần sầu thương tổ quốc là mỗi lần nhớ quê nhà :

Sầu cổ quốc, sầu gia hương

*Càng đau nỗi nước càng thương
nỗi nhà.*

(tr. 99)

Và

Trông về quê cũ bần khoản

*Trông ra nước cũ càng bần
khoăn nhiều.*

(tr. 99)

Tình vợ chồng như loan phụng,
không dám dờn nhau nửa bước,
không dám xa nhau nửa ngày. Vắng
nhau một chút đã nhớ nhau, đã
lo cho nhau, bây giờ xa nhau vạn
dặm. Xa nhau lại không biết tin về
nhau. Thời loạn làm gì có nhà bưu
điện; nhà cháy nhà đổ làm gì còn
địa chỉ; người chạy loạn làm gì còn
ở chỗ cũ, thêm vào đó thời gian
của cuộc chiến kéo dài bao tháng
năm, đổ nát và máu chảy vẫn cứ
xuôi dòng:

Tin nhà mấy độ vắng tin

*Cảnh nhà biết đã mấy phen đổi
dời*

Ngồi nhìn tờ lịch gió trôi

*Ngày qua rồi lại ngày mai đến
dần.*

(tr. 101)

Cho nên:

Gối chần mộng cũ không tìm

*Làn chần gối để bao niềm nhớ
thương*

Tương tư sầu trắng đêm trường

*Ngọn đèn hiu hắt đêm sương
lạnh lòng.*

(tr. 102)

Đêm dài dằng dặc âm thầm

*Gối chăn : hoang đảo; người
nằm: cô đơn.*

(tr. 100)

Con người không chỉ tìm thấy cô đơn trong tình chồng vợ, nhưng cô đơn với tất cả. Tất cả đều xa lạ: đất nước đổ nát không còn hình dáng cũ. Nhà cửa điêu tàn không còn hình ảnh xưa. Con người già nua trước tuổi và lê chân trên khắp nẻo đường như một kẻ không nhà, như kiếp sống đầu đường xó chợ. Đi tìm kiếm một người bạn cũng không tìm thấy, nếu hỏi thăm chẳng biết đã chạy trốn, đã bị giam cầm, đã bị thương, đã bị chết hay đang chiến đấu ở nơi nào. Tất cả đều im tiếng. Nhất là đối với tác

giả, một người trót mang sẵn trong
lòng một tình thương bạn bè làm
sao khỏi âu sầu nhớ thương:

Bạn bè thăm hỏi trong ly tán

*Ngóng gió ngàn phương chẳng
mối manh.*

(tr. 15)

Trước tiếng kêu của đất nước,
tiếng thét của Mẹ Việt Nam, người
con nào ngồi yên cho được hay rút
mình vào vỏ ốc. Thụ sinh, chân yếu
tay mềm đã mang tiếng “trói gà
không chặt” và “dài lưng tốn vải ăn
no lại nằm” cũng phải quẳng bút,
quẳng sách để cầm lấy một cây cọc
nhọn, một lưỡi thép, nếu không:

*Ngước mắt bốn phương mù khói
lửa*

*Cúi đầu bảỵ thướt thẹn thư
sinh.*

(tr. 13)

Khoa bảng có nghĩa lý gì. Chữ nghĩa có ích gì, nó không có tác dụng thực tế của một cây sắt nhọn, của một hòn đá ném thẳng vào mặt kẻ thù. Có ai thích nghe cái học giáo khoa từ chương của từ ngàn xưa. Có ai chịu khó ngồi nghe những nghĩa lý ngày xưa không áp dụng được cho ngày nay. Phải chăng chúng ta đã đầu thai lầm thế kỷ “làm học trò trong buổi loạn ly”:

Thái bút thần hoa ánh khí linh

Đầu thai lầm thế kỷ thư sinh...

... Ai thích mà khoe văn lý đồ

Ai nghe mà nói chuyện chu trình.

(tr. 107)

Chiếc ảo thư sinh đang bị dày xéo, lòng thư sinh đang nhục hận chất chồng, thì những vần thơ của thi nhân cũng khô héo. Nguồn cảm hứng không còn đến với thi nhân, còn chẳng chỉ là những uất hận. Tài văn chương bị chôn vùi trong điêu tàn. Cho đến cả tâm sự của mình muốn bày tỏ cũng không có cảm hứng để viết :

Hoa lá héo khô mùa cảm hứng

*Tuyết sương gầy gổ độ nguyên
trình*

*Tài hoa mực nhạt dòng năm
tháng*

Tâm sự bài thơ giấy trắng tinh.

(tr. 75)

Tài hoa cho lắm chỉ thêm lạc
lỡng giữa xã hội thời chiến, Mực
nghiên cho đầy vẫn không được
dùng để ghi dấu những vần thơ lai
láng thương yêu. Mực nằm sâu ở
đó. Hồn thơ lạc lõng ngoài đường:

Mực đau chữ xót văn chương

Vườn mộng mùa lòng khép chặt

Tài hoa lạc lõng bước đường....

(tr. 69)

Ý thơ bây giờ không còn tìm
thấy nơi cảnh đẹp nơi những mối
tình ngát hương. Thơ bây giờ tìm
thấy trên hè phố đổ nát với những
hình hài loang lổ. Thơ bây giờ tìm

thấy trong xó công trường, nghe
rộn tiếng vó ngựa, tiếng búa :

*Tứ thơ nhật trên hè thành phố
Vần thơ tìm trong xó công
trường.*

(tr. 66)

Làm văn nghệ không phải để
bắt gặp sự êm đềm bao thuở, làm
văn nghệ không phải để hưởng gió
mát trăng thanh. Văn nghệ bây giờ
là văn nghệ của biến động, sóng
vỗ, văn nghệ của ngàn cơn gió lộng
xoáy rốc lòng người :

*Văn nghệ thấy triều tuôn biển
rộng*

*Tư tưởng nghe gió lộng ngàn
khơi.*

(tr. 66)

Mỗi dòng thơ là một ngấn lệ
khóc cho quê hương. Mỗi dòng thơ
là một dòng máu của đau thương
đang ngập tràn hồn nghệ sĩ. Những
vần thơ nằm yên trong lòng giấy
như những mối âu sầu trầm tư về
kiếp sống lạc loài. Những vần thơ
cuộc chiến đọng lại trên đó trong
niềm chán nản kiếp nhân sinh :

Mực đọng sâu trên giấy

Vần gieo lòng bài thơ

Lệ gieo lòng đau khổ.

(tr. 10)

Những vần thơ cao cả bây giờ
nhuộm máu, vấy đầy những chất
hôi tanh. Sự tủi hồ lên đến cực độ,
hồn nghệ sĩ uất hận:

*Thơ ơi ! Cao cả nguồn trong
sạch*

*Chảy đục lắm chi giữa chiến
tranh*

Để tủi thương cho hồn nghệ sĩ

Thơ tho vùi trộn với hôi tanh.

(tr. 14)

Đời sống bị thu hẹp. Những lúc tung hoành và hải hồ không còn nữa dù chỉ trên đất Mẹ. Cảnh cá chậu chim lồng bao trùm mọi cõi lòng. Cảnh tù đày và giết chóc sẵn sàng đến với người yêu nước. Những tên gián điệp và mật thám rình rập bên người với những con mắt đỏ ngầu, đã man chực nuốt chửng những người chiến đấu cho dân tộc.

*Chim bằng cánh mỗi trời thu
hẹp*

*Ngựa ký chân sa đất gập ghềnh
Cá chậu chim lồng chưa thoát
khỏi*

*Miệng hùm nọc rắn sẵn bên
mình.*

(tr. 11)

Những đôi khổ chất chồng theo năm tháng. Sự đôi khổ làm con người đổi tính, từ hiền lành sang cướp bóc, từ anh hùng thành tiểu nhân. Tác giả đã phải cố gắng giữ cho lòng trong sạch:

*Thời loạn dám tham nhiều phú
quí*

*Lòng bằng gắng giữ chút thanh
lương.*

(tr. 47)

Đói khát hòa lẫn với nước mắt
và máu điểm tô cuộc đời, Máu
nhuộm lòng đất Mẹ, máu vấy hình
hài nhân loại :

Trải bao cảnh nạn khổ

Thịt nát với xương tan.

(tr. 72)

Và

Mỉm cười rỏ giọt màu

Từ trong tim nóng sôi

Để rửa cho nhân loại

Những vết bẩn muôn đời.

(tr. 73)

Tử thần đến viếng mọi người
như cơm bữa. Người ta chạy trốn,

tử thần đi tìm. Người ta van lạy, tử thần chém giết ! “Xương máu bán rẻ cho thiên hạ” và lai láng trên dòng sông. Máu rơi nghe như tiếng thốn thức của những cõi lòng đau thương. Người ta kêu than và cầu xin đến Thượng Đế, đến Đấng Tạo Hóa :

Sông trôi lai láng xương vô định

Tạo hóa nào đâu đức hiếu sinh.

(tr. 14)

Và

Máu rơi nước nở thiên ai oán

Thốn thức nghìn thu tiếng phẫm bình.

(tr. 15)

Những đồng xương vô định
kéo dài cả trăm thước. Những nơi
ngày xưa là đô hội, ngày nay là
nấm mồ tập thể. Trong cuộc chiến,
trong loạn lạc, trong đói khổ và
đau thương, mọi giá trị đều đảo
lộn, mọi khuôn mặt đều thay đổi :

*Đồng xương vô định dài trăm
thước*

Giàu khó hiền ngu đắp một mồ.

(tr. 29)

Và

Trong ngọc đá vàng thau lẫn lộn

Dem mắt xanh thử nhận mà chơi

Thôi thì quên hết hình hài

*Quên tên tuổi quên cả đời lâu
xa.*

(tr. 65)

Mọi thành phố, mọi lãnh vực và mọi người đang lâm vào cảnh điêu tàn và kiệt sức thì giao thừa về chỉ làm cho hồn người càng thêm bơ vơ với kiếp sống không nhà. Người ta lạc lõng ngay giữa đô thành thân yêu. Người ta không tìm thấy đêm giao thừa ngày xa xưa. Nguyên đán về đây được chào đón bằng những hình hài rách nát và đọa đày. Nguyên đán về đây được chào mừng bằng nước mắt, máu và tiếng súng thay cho nén hương đêm ba mươi, thay cho tiếng pháo giao thừa. Giao thừa đem đến cho mọi người nhiều tủi hổ đau thương :

Giao thừa Kinh khủng qua Bi thiết

Hồn lạc bơ vơ nẻo Trúc thành

*Tìm bóng Thân yêu nguyên đán
cũ*

Sương hoa lã chã lệ bình minh.

(tr. 12)

Và:

*Giao thừa đâu nữa trầm thom
xạ*

Nguyên đán về đây gió vẫn tanh

Mây kéo mịt mùng trời bắc tái

*Sóng dâng cuộn cuộn bể nam
minh.*

(tr. 74)

Người đã âu sầu thì hoa xuân
có vui đâu. Cảnh vật ngày xuân
là những khu vườn ngậm buồn.
Những đóa hoa vườn nở đâu còn

nữa. Lác đác đâu đây vài đóa úa
màu của những khu nhà hoang,
của những cánh đồng vắng:

*Muôn hương Vườn ngậm muôn
thê thảm*

*Mái Nguyệt Lầu Sao xuân vắng
tanh.*

(tr. 12)

Và:

Vườn lòng xuân đã tiêu điều

*Không tìm hải được ít nhiều
bông hoa.*

(tr. 99)

Xuân về giữa lòng đô thị. Xuân
về đây ngự trị những đồng gạch
vụn, những ngôi nhà đen cháy và

hoang vắng. Người ta đi giữa lòng
đô thị của ngày xuân như đi giữa
bãi tha ma, ngàn đời luôn quạnh
quẽ và đầy uất khí :

Chân đi trong cảnh phồn hoa

*Lòng đi giữa bãi tha ma chiến
trường.*

(tr. 99)

Nắng mới mùa xuân bao lần tô
hồng cả bờ môi. Những ngọn núi
xanh bao lần đón xuân về khoe
sắc thắm. Những cánh chim bao
lần đón mừng chúa xuân ríu rít nô
đùa. Những cánh bướm mùa xuân
bao lần nhớn nhoe đây đó. Bây giờ
nắng dịu buồn núi sầu màu phai
nhạt, chim vắng bóng, bướm ngơ
ngác tìm xuân.

*Nắng chẳng hồng tươi núi chẳng
xanh*

*Mây chì ngừng đứng lặng bên
thành*

*Nhạc trời chim cũng thôi lên
tiếng*

*Có những lòng xuân khóc chiến
chinh.*

(tr. 74)

Và :

*Lầu son khóa cánh tương tư én
Vườn thúy cài then tiếc nhớ
oanh*

Con bướm nhà ai về bờ ngõ

Tìm xuân lạc lối cánh bay nhanh.

(tr. 75)

Làm sao muôn hoa không điêu tàn được. Làm sao ngàn liễu còn tươi màu. Làm sao xuân về cho trọn vẹn khi những chiếc xe bọc sắt cày xới cả quê hương, đập lên những bờ liễu, khi những tiếng súng còn rền vang đâm nát lòng đất Mẹ, xé nát ngàn khóm hoa và bao con tim:

Bờ liễu tôi bời xe thiết giáp

Ngàn mai xơ xác súng liên thanh.

(tr. 74)

Những ngày đầu năm, người ta thường chúc nhau và rất ghét nghe những ai than khóc và kể chuyện buồn. Người ta “chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu”. Người ta làm thơ, câu đối tặng nhau. Nhưng

“Xuân về lạc lối” giữa đất nước chiến tranh. Người ta không còn chúc nhau những lời thật hay, thật đẹp nhưng không có ích bằng một nắm cơm, một manh áo rách. Thi nhân không còn cảm hứng để ca tụng chúa xuân. Thi nhân chỉ trút đầy lên trang giấy những lời than khóc đầu năm. Nên dù không muốn thi nhân vẫn phải ngâm những vần thơ đầy lệ để đón xuân :

Thơ sầu đừng đọc ngày năm mới

Giấy xếp tờ thơm mực kết tình.

(tr. 69)

Nhưng:

Bài thơ xuân sẵn muôn vần

Tê buốt lòng tay hứng nhặt.

(tr. 69)

*Quê hương lệ ướm dòng xa vắng
Là một vầng thơ rơi cánh lê.*

(tr. 61)

Quả thật chúng ta đã đầu thai
lầm thế kỷ nên trót sinh ra trong
buổi chiến tranh. Cuộc đời đã là bể
khờ và lắm âu lo, bây giờ lại thêm
cuộc chiến với những lần xuân về
rách nát:

Ôi ! trót sanh làm người

Giữa thế giới tôi đòi

Mênh mông biển Nước mắt

Góp một dòng lệ rơi.

(Trinh Trăng - tr. 40)

Và:

Biển lệ sâu vô tận

Nước mắt ngừng, không rơi.

(Trinh Trăng - tr. 41)

Mối hận bị nung sôi tới độ. Mối hận làm máu sôi bỏng, làm mọi người thao thức thâu đêm để khóc cho quê hương, gia đình bạn bè và chính thân phận mình :

Máu ứa từ tim uất hận

Tuôn lên đầu ngón chứa chan

Máu dâng từ đáy tâm hồn

Tràn lên lòng tay lai láng.

(tr. 81)

Và

*Mở mắt đêm liền đêm thốn thức,
Tình nhà nổi nước hận toi bời.*

(TT tr. 28)

*Lệ khô lòng tấm tức
Chưa hết nỗi oan hờn.*

(tr. 9)

Nỗi oán hờn của non nước, của muôn người được gói thâu Đấng Tạo hóa bằng “bút tháp viết trời xanh chữ hận” (tr. 27). Đấng Tạo hóa không im tiếng, không giả câm giả điếc. Đấng Tạo hóa đã thông cảm niềm đau đất Việt. Đấng Tạo hóa đã nổi cơn thịnh nộ, khi nhìn thấy vạn vật đang bắt phải chui vào lò cuộc chiến, khi con người giành nhau bát máu khúc xương của đồng loại :

Đất giận trời nghiêm sông lặng
lặng,

Trăng buồn mưa xót gió thê
lương.

Đời nhìn bên lên, cười chanh ớt,
Vạn vật đưa nhau đến chiến
trường.

Đất lệch trời nghiêng sông cuộn
cuộn,

Trăng cuồng mưa loạn gió đau
thương.

Đời nhìn hắt học, cười nanh
vuốt,

Vạn vật giành nhau miếng máu
xương.

(Trinh Trăng - tr. 42)

Giặc xâm lăng đã về đây. Quân thực dân đã dày xéo lòng đất Mẹ. Không ai có thể ngồi yên nhìn nước mất nhà tan. Người ta thường bảo “giặc đến nhà đàn bà cũng đánh” huống hồ những thư sinh. Chữ nghĩa không thay đổi được xã hội hiện tại. Chửi bới cho nhiều đến khan cả cổ quân thực dân vẫn xâm lăng nước nhà và tròng lên cổ dân Việt những chiếc còng thật lớn, thật nặng cho thân thể con người chỉ còn da bọc xương, cho trí óc chỉ còn chứa đựng những sợ hãi, náo nùng. Tác giả kêu gọi mọi người chiến đấu. Tác giả kêu gọi học trò quảng bút cầm gươm. Tác giả kêu gọi thư sinh lấy bút làm khí giới đâm thẳng vào thực dân, đem lời văn nung nhiệt huyết người chiến sĩ cho bút cho văn hùng sắc đỏ :

Nghĩa lý bọc trong manh áo rách

Thi ca xây trên vách nhà tranh.

(tr. 66)

Và :

Rèn thép lửa bút tia đỏ lửa

Nung đá than văn tỏ hồng than.

(tr. 66)

Tác giả kêu gọi mọi tầng lớp dân chúng hãy chung lưng tranh đấu cho quê hương. Tác giả kêu gọi những bàn tay kiêu sa, búp hồng nụ hạnh, những bàn tay phong lưu và thơm sách học trò, những bàn tay say mê văn chương, phụng sự nghệ thuật. Tác giả kêu gọi những bàn tay say mê đạo lý, say mê dân chủ, tự do, những bàn tay say mê

dân tộc, những bàn tay phụng sự
nhân dân và :

Cũng những bàn tay ấy

Ngón tay lan tươi huệ nở

Lòng tay tuyết trắng băng trinh

Bàn tay thanh tân nho nhã

Bàn tay yếu điệu thư sinh

*Từng đau xót vì thương yêu
nhân loại*

*Từng buốt tê mong xã hội thanh
bình.*

(tr. 85)

Tất cả những bàn tay đó hãy :

đem so gan sắt thép

Bình tĩnh

Hiên ngang

Mắt bùng tia sáng

Giữa khi đó không gian

nói thêm chiều lồng lộng

Giữa khi đó thời gian

ngừng đọng phút thiêng liêng

*Lưỡi thép lướt nhanh một
thoáng*

Bàn tay chói rực hào quang.

(tr. 85)

Chính nghĩa đã phơi bày ra đó.
Chính nghĩa đang cao vút trời xanh.
Hãy tranh đấu, hãy chiến đấu, hỡi
những con dân Việt Nam :

Tim nức nở ngón tay ngà nức
nở

Tim rưng rưng đầu ngón ngọc
rưng rưng

Nức nở rưng rưng từng giọt
châu hồng

Điểm từng giọt chánh nghĩa

từng giọt tinh hoa

Điểm từng giọt lý tưởng

từng giọt cao siêu

Điểm từng giọt thắm tươi hoa
hồng hoa hạnh

Điểm từng giọt nóng sôi lửa đỏ
gan vàng.

(tr. 86)

Tất cả hãy bền tâm chiến đấu,
dù cuộc chiến kéo dài bất định. Tất
cả hãy kiên gan để viết lên những
trang sử oai hùng. Giết cho sạch lũ
sài lang, giết cho sạch bọn tay sai
thực dân. Giết cho sạch những tên
gián điệp nằm vùng mưu đồ phản
quốc:

Thấm máu làm mực

Ngón tay tươi nét lan đình

*Viết thao thao những dòng nhiệt
huyết*

*Viết thao thao những chữ kiên
trình*

*Máu thấm tươi lòng trang giấy
cho tươi lòng nước lòng non*

Máu thấm tươi lòng nhân loại

cho tươi lòng mục lòng son

(tr. 87)

Những chiến công hiển hách của anh hùng Nguyễn Huệ còn đó. Hồn anh lính của Hai Bà còn đó. Năm vị anh hùng trung liệt ở ấp Thái Hà còn đó. Gò Đồng Quang tiếng quân reo hò đâu đây. Sông Bạch Đằng còn thấm tươi màu máu của quân thù. Hội Diên Hồng vang rộn lòng cương quyết và đoàn kết. Tại sao chúng ta ngồi yên được hay chỉ biết khóc than nhìn non nước điêu linh. Không, chúng ta phải chiến đấu, đem máu xương trả nợ non sông:

Thái Hà núi dựng đền Trung liệt

*Nước vỡ thành tan sống cũng
thừa*

Vạch ruột thề lòng trung đạo
nghĩa

Nghiến răng nát lưỡi hận gian
cừu

Cờ đào áo vải non Tây phát

Còn Đống Đa trông thấp thoáng
gò

Ngun ngút Đồng Quang đẳng
sát khí

Đâu đây binh giáp tiếng reo
khua

(tr. 28)

Sông Đằng máu đã đỏ ghê

Diên Hồng còn giữ lời thề non
sông

(tr. 104)

Bao anh hùng liệt nữ bỏ mình
trong cuộc chiến và bao người chết
không tên, không tuổi, không một
năm mồ. Toàn dân đã nỗ lực tranh
đấu không ngừng. Người ta mong
hòa bình về trên đất Mẹ. Người ta
mong độc lập đến với nước nhà.

Sao chẳng bờ tràn mưa ngọt

Cho nhìn gió ngát cỏ xanh

Sao chẳng vườn trời chim hót

Cho nghe nhạc phố thanh bình

(tr. 69)

Cứ mỗi lần xuân về trong chiến
loạn, mọi người khao khát một
mùa xuân dân tộc. Một mùa xuân
đem vinh quang chiến thắng. Một
mùa xuân đem độc lập, tự do; hòa
bình :

*Mỗi năm ăn một mùa xuân nhỏ
Đợi một mùa xuân lớn chữa về
Sáu chục ba trăm ngày nặng
chịu*

Thời gian từng bước kéo lê thê

(tr. 61)

Nhưng cuộc chiến kéo dài quá,
dù lòng người đã mỏi mệt thân thể
rã rời. Niềm mong ước một mùa
xuân dân tộc, một khúc hát khải
hoàn chìm sâu trong thất vọng. Cứ
mỗi lần :

Ngồi nhìn tờ lịch gió trôi

*Ngày qua rồi lại ngày mai đến
dần*

(tr. 101)

Và:

*Ngày mai ngày một ngày kia
nữa*

*Cũng một ngày nay cũng một
đời*

thì mọi người lại thất vọng và
chán nản. Người ta lo sợ xuân dài
tộc không về, quê Mẹ sẽ đầm đìa lệ
và máu với rách nát nhiều hơn :

*Non nước đang chờ Xuân nhất
thống*

*Đừng hổng ăn được Tết huy
hoàng*

*Máu đào lênh lảng thay hoa
pháo*

*Hơn một mùa xuân chịu tóc
tang,*

*Cả nước đang say men khói lửa.
Vần thơ chinh chiến sừng ngâm
vang*

(tr. 79)

Người chết đã chất chồng. Mồ
hoang đã đầy dẫy. Người ta mong
hòa bình để còn đi tảo mộ, để xoa
dịu bớt oán hờn của những hồn
hoang. Nhưng chừng nào thanh
bình mới về, hay sừng vẫn rên
vang, xác chết vẫn ngổn ngang :

*Gượng ngồi chiều lạnh nghe
mưa*

*Thanh minh tiết đẹp bây giờ có
không*

*Nén hương năm đất nghìn trùng
Chạnh niềm tử biệt đau lòng
sinh ly*

(tr. 101)

Cuối cùng người ta thất vọng thật sự trước những cuộc chiến kéo lê thê. Giấc mộng hòa bình phải chăng chỉ là một bong bóng nước. Hòa bình phải chăng chỉ là chuyện hoang đường :

Ôi ! Đến bao giờ chinh chiến hết?

Hỏi làm chi nhỉ ! Chuyện hoang đường.

(TT-tr. 43)

Nhưng không có cái gì vô hạn trong cuộc đời. Không có cái gì triền miên buông trôi. Chiến tranh có kéo dài tới đâu đi nữa cũng có ngày phải chấm dứt. Sự tranh đấu lâu bền của toàn dân, cuối cùng đem đến vinh quang. Những cõi lòng đang thất vọng và chán nản

bừng sống với muôn tiếng reo ca, với “đàn ta ta gảy khúc Nam nghe”. Xuân thanh bình về, người ta nô nức đón mùa xuân lớn sau chín năm tranh đấu mãnh liệt nhất. Sau chín cái Tết đau thương nhất, cái Tết thứ mười là cái Tết hoan ca:

Năm Ất kinh hoàng năm Ất vui

Ất xưa là đậu Ất nay mùi

Chín mùa tết cũ xuân tang tóc

Xuân đẹp từ đây tết rõ mười.

(tr. 70)

Máu xương của những bãi sa trường được vùi lấp, tràng hoa thơm rực màu đua chen với cỏ xanh mơn mớn. Khúc nam ca đầu đây vang dội. Mọi người đón mừng

mùa xuân lớn, ai là người không
bùi ngùi nhớ thương những người
đã chết vì cuộc chiến, không được
đón xuân khải hoàn :

Đã lấp sạch rồi xương máu thảm

Sa trường môn mớn cỏ hoa tươi

*Khúc ca chiến thắng vang sông
núi*

*Đồng vọng còn vương tiếng
ngậm ngùi.*

(tr. 70)

Xuân hòa bình về, mọi cảnh vật
vui tươi, muôn lòng hớn hở, nghệ
sĩ không còn gò ép nguồn cảm
hứng. Nghệ sĩ để lại lảng hồn thơ
ca tụng chúa xuân :

Tiếng Mẹ với tiếng đàn nào nức

*Hồn thơ chung hồn nước xôn
xao*

Hồn phong nhã tiếng thanh tao

*Nguồn thơ quốc ngữ nao nao
biển lòng*

Rồi từ đó thủy chung một mối

*Tình văn chương sông núi hẹn
hò.*

(Hương Gây Mùi Nhớ tr. 73)

Thư sinh lại tìm về với sách đèn,
sum vầy dưới mái trường thân yêu.
Xuân về nơi cổng trường. Xuân về
muôn đóa hoa vàng tươi nở. Tâm
hồn thanh tao tự nhiên về với tuổi
trẻ:

Tâm hồn cao nhã văn chương

*khuôn duyên giấy ngọc quyền
vàng thơm tho*

Tâm hồn hoa bướm học trò

*then xuân khóa cánh sông hồ
mà hay.*

(HGMN tr. 10)

Tết về trên đất nước cũng là tết học trò. Xuân dân tộc về là mùa xuân hoa bướm học trò. Và mỗi năm cứ độ tết về thì mùa thi cũng sắp đến. Mùa xuân huy hoàng hứa hẹn một mùa thi rực rỡ và thành công:

Tết Đại học, Tết Văn Khoa

*Mùa hoa Dân tộc, mùa Hoa học
trò*

Mùa Vàng vàng nở mùa Thơ

*Mùa Vàng vàng nở đọi chờ mùa
Son*

Liên hoan vàng nước vàng non

*Vàng liên hoan hẹn hò Son huy
hoàng.*

(HGMN tr. 93)

Không chỉ là mùa xuân dân tộc,
mùa tết học trò mới huy hoàng.
Nhưng mùa tết học trò đích thực
phải là mùa son. Khỉ ngàn cánh
phượng nhuộm đỏ sân trường. Khi
những cánh hoa phượng rơi trên
chiếc áo thư sinh, mùa son lại về.
Còn gì vui sướng hơn là thi đậu
trong đời học trò. Thành công nơi
trường thi là rực chói màu hoa
phượng:

Vàng son thay đổi hai mùa

Mùa Vàng tết mùa Dân tộc

Mùa Sơn mùa tết Học trò

Và:

Sơn tươi lòng Thế hệ

Sơn tươi lòng Sử kinh

Một lần phượng nở lòng sơn nở

*Phượng nở Mùa Sơn ngát tuổi
xanh*

Chữ nở Mùa Sơn hoa bất tuyệt

*Mực thơm sơn thấm ý bằng
trinh*

(HGMN, tr. 88)

Sau những năm đặng đặng của
chiến tranh, thanh bình về, mọi
người chung tay xây dựng lại quê

hương, kết và những loang lỗ của cuộc chiến, hàn gắn những vết thương lòng. Mọi cõi lòng cởi mở theo nhịp hò của khúc ca ngày mùa. Mọi con tim bừng sống reo vang khúc hát Công nhân. Mọi người xây dựng cho chính mình, cho non nước mình với ấm no và yên vui :

Từ xưa xây dựng cho Ai

*Từ nay xây dựng cho người
dựng xây*

Tiếng đê tiếng bữa vang đầy

*Nhạc Công nhân tấu khúc này
vinh quang*

Lâu đài xã hội huy hoàng

*Muôn tay một nhịp muôn
phương một nhà*

(tr. 54)

Và :

Cho Ai no ấm

Cho Ai êm đêm

Cho chân cứng cho đá mềm

Trên manh áo

Trong bát cơm

*Mặc xinh đẹp ăn dẻo thơm cho
đời*

(tr. 54)

Mọi người hân hoan xây dựng,
hân hoan đón mùa xuân dân tộc.
Mọi người cứ tưởng Xuân dân tộc
là mùa xuân bất tận, là mùa xuân
vượt cả không gian và thời gian :

Không quá khứ không vị lai.

*Thời gian xuân giữ thắm tươi
hoài*

Nhưng sự thật thời gian vẫn trôi nhanh, không gian vẫn biến đổi, nên xuân dân tộc không là xuân bất tận :

Một thoáng đã sống đời núi đồi

Trăm năm chi biển nổi dâu chìm

(HGMN, tr. 74)

Hòa bình về không là hòa bình muôn thuở. Xuân dân tộc về chỉ là mùa xuân nhất thời, có tính cách giai đoạn. Một mùa xuân làm gạch nối cho hai cuộc chiến khác nhau. Cuộc chiến đấu của bao người gần một thế kỷ là sự chiến đấu tiêu diệt thực dân Pháp. Còn cuộc chiến hôm nay là cuộc chiến của hai chủ

nghĩa. Chiến tranh hôm nay là chiến tranh giữa những người con đã sinh ra và lớn lên trong cùng quê hương mẹ. Cuộc chiến của huynh đệ tương tàn. Cuộc chiến hôm nay làm mọi người ngổ ngàng nửa khóc nửa cười. Khóc cho quê hương, cho thân phận chưa kịp hưởng hòa bình đã bị đọa đày trong cuộc chiến. Cười cho cảnh “gà nhà bơi mặt đá nhau”. Biến cố Mậu Thân là một thành tích vẻ vang nhất của cuộc chiến hiện tại. Một thành tích được đắp lên bằng cả vạn xác chết vô tội, cả vạn ngôi nhà đổ cháy vô lý của cả vạn vành khăn tang, của cả trăm năm mồ tập thể.

Ngày xưa Sài Gòn là Hòn Ngọc Viễn Đông. Sài Gòn là nơi hưởng thụ và cả những cuộc sống thanh

bình, Sài Gòn là của rượu, của thú vui, của nghệ sĩ :

Bến Thành bụi rượu mê man,

Bụi tung chính choáng, rượu tràn ngất ngây.

Ý thơ chợt thoáng về đây,

Tơ men vương nhẹ đã bay đâu rồi.

(TT tr. 30)

Với biển cổ Mậu Thân, Sài Gòn là máu lửa ngất trời, là chết chóc và đổ nát, là đói khổ và loạn lạc :

Ngùn ngụt Đô thành khói lửa

Biệt ly đám hẹn tương phùng

(HGMN, tr. 97)

Mọi trường phải đóng cửa hay bị đổ nát hay bị thiêu rụi. Bao nhiêu học trò bị bắn chết hay bị chôn sống trong những ngôi mồ tập thể khổng lồ. Những đứa còn sống sót vẫn chưa được yên thân. Mà yên thân sao được khi quê hương đổ nát, khi xác chết của đồng bào, của bạn bè, bà con còn la liệt quanh đây. Hơn thế nữa học trò phải ném bút cầm súng, mang nặng bộ áo màu và thay cho chiếc áo thư sinh. Sách vở ích gì cho buổi này, sách vở đáng ném vào giỏ rác. Học để làm gì? Nếu trả lời một cách thực tế nhất là học để thi, để đón chờ mùa son. Nhưng khói lửa vẫn ngất trời, trường ốc vẫn đóng cửa, làm sao có mùa thi, dù hoa phượng đã nở phủ đầy lên, công trường im

lìm, đến nỗi học trò tự hỏi không
biết ngày nào thi :

Mùa Thi man mác về đâu

*Mùa Sơn hoa phượng đeo màu
nhớ nhung*

Mùa Thi biết có tương phùng

*Mùa Sơn hoa phượng gây rung
cánh gây*

Mùa Thi mờ mịt khói mây

*Mùa Sơn biết có về đây ngõ
ngàng*

Đô thành khói lửa kinh hoàng

Trường thi ngọc lụa mơ màng

Nắng hè gay gắt

Gió hè heo hắt

Phượng bay rừng rúc

Trời Thơ thao thức

*Làn son héo hắt tám nẻo đường
Văn Khoa*

Mực thơm thương nhớ tờ hoa

*Son tươi thương nhớ MÙA HOA
HỌC TRÒ*

(HGMN, tr. 96)

Thầy hằng dạy học trò những lời vàng ngọc như gió xuân về ôm ấp cánh hoa đào. Học trò bao lần thụ lãnh ngàn thương mến của thầy. Tình thầy trò càng in sâu vào lòng thư sinh, in sâu vào lòng người giáo huấn, càng khiến cho cả thầy lẫn trò đều lo âu không biết còn gặp nhau không :

Ý ngọc tình châu thốn thức

*Ngồi châu ánh ngọc phương
dung*

Đào lý gió xuân rừng rúc

Biệt ly nào hẹn tương phùng

(HGMN, tr. 98)

Có phải dòng đời là lê thê những cuộc chiến và hòa bình là những quán trọ qua đêm. Nên con người bắt gặp toàn đau khổ. Nên non nước Việt, dân tộc Việt phải sống bao cảnh đọa đầy và tang thương. Cuộc chiến sao kéo dài cả thế kỷ, hòa bình sao chỉ có vài năm. Chiến tranh tàn phá tất cả. Hòa bình chưa hàn gắn được bao nhiêu.

Từ cuộc chiến này sang cuộc chiến khác, mấy năm hòa bình như lu mờ, như lỗ xả hơi trút bớt những oán hờn, như một dịp cho

mọi người lấy lại sức trước khi dẫn thân vào cuộc chiến kế tiếp khốc liệt hơn, tàn nhẫn hơn, như những con trâu đã cày bừa quá nặng nhọc cần phải nghỉ ngơi trước khi cày bừa trở lại.

Chiến tranh phải chăng là bản chất của vạn vật, do vũ trụ chủ trương. Sự đau khổ và chết chóc là bản chất của loài người mà vũ trụ đã dành riêng, từ khi nhân loại nhận lãnh kiếp làm người, từ khi con người đầu tiên của nhân loại phạm tội ăn trái cấm. Chính tác giả cũng đã nhận định như vậy nên hằng bảo:

Than làm chi nhĩ ! Đời ly loạn,

Vạn vật từ xưa đã chủ trương

(TT - tr. 43)

Ôi nhân loại ! Ôi tạo hóa! Đến bao giờ mới chấm dứt chiến tranh thật sự ? Đến bao giờ mọi người dân Việt mới được hưởng trọn vẹn kiếp sống an vui? Hay chiến tranh vẫn còn tiếp tục, hòa bình chỉ là vang bóng một thời ?

Trần Đình Lập

(20-3-1970)

tìm đọc

VIẾT TỪ NỖI NHỚ

NHẬP CUỘC in lần thứ hai

Th. Th. M

**Còn đâu nữa
hội Hoàng Hoa**

Mỗi độ xuân sang, tết đến,
nhìn những đóa cúc vàng
tươi khoe hương sắc cùng các loài
hoa khác, lòng tôi chạnh nhớ lại
chậu hoàng cúc ngày xưa, lúc áp
tết Mậu Thân.

Tôi quên thế nào được, buổi
sáng hôm ấy, vừa đi học về, đến
cửa rào, bỗng ngạc nhiên thấy một

chậu cúc vàng rực rỡ đơm đầy hoa được đặt trước hiên dưới song cửa sổ. Tôi thầm nghĩ cho là hoa do người con của bà Năm (bà chủ nhà tôi trọ) mang đến để bà thưởng xuân.

Sau khi tiến qua chiếc sân nhỏ trồng đầy hoa phấn, hoa dừa cùng khóm cỏ hàm tu bò lan trên mặt đất, tôi đứng ngấm ngía chậu hoàng cúc, thầm khen:

– Chà ! Cô Năm lựa đâu được chậu cúc đẹp thế này. Năm nay chắc bà Năm ăn tết lớn à !

Vừa thầm nghĩ vừa vui vui trong lòng, định vào nhà trong hỏi bà Năm. Khi đi ngang qua chiếc bàn đá cẩm thạch trắng vân xám bóng thấy một mảnh giấy dán dưới một

góc sách. Vội cầm lên thì thấy nét bút quen thuộc của thầy ghi hai câu thơ:

Ngày xuân vắng bóng trời hồng,

*Còn đây hoa cúc thay lòng
hương dương.*

Dưới kỷ hai chữ Đông Hồ như thường gặp trong các sách tập, thơ từ thầy đề tặng cho tôi. Vỡ lẽ ra, tôi nghẹn ngào cảm động trước tấm lòng ưu ái thầy đã dành cho tôi, sau một hồi đứng lặng yên vì vui mừng ngạc nhiên quá mức, tôi chạy vào nhà hỏi bà Năm thêm chi tiết về chậu hoa cúc.

Bà Năm khi ấy đã 82 tuổi, chân đi yếu, tôi một bên vịn bà bước chậm chậm ra ngoài trước, một

bên nghe bà thuật lại chuyện khi sáng:

– Hồi sáng hai cháu đi học hết, bà nằm trong này, nghe tiếng gõ cửa, bà bước ra xem thì thấy ông thầy mọi khi có đến thăm Tư đó, chở một chậu cúc đến để ở đây, đứng nhìn tới nhìn lui chậu bông một lát rồi vào bàn viết ít chữ gì đó dán trên bàn nói để lại cho Tư, hỏi thăm bà ít câu rồi ra về.

Tôi gạn hỏi thầy có nói gì thêm nữa không, bà Năm bảo không có chi ngoài những điều trên thôi.

Tôi trong lòng vừa vui mừng vừa cảm động, cứ lảng xảng ra vào nhìn ngắm mãi chậu hoa mà không biết phải làm gì cả.

Một chốc sau em trai tôi đi học về, tôi kể lại đầu đuôi câu chuyện. Hai chị em cứ đứng ngăm ngía mãi chậu hoàng cúc quên bằng việc ăn cơm. Đến khi bà Năm nhắc mới chợt nghĩ ra là chưa ăn mà vẫn không cảm thấy đói vì đã mừng no rồi.

Vài hôm sau thầy có ghé nhà thăm chậu cúc lần nữa. Kỳ này có tôi ở nhà. Thầy bảo đem nước ra để thầy tưới hoa cùng lật bớt một vài lá xấu.

Tôi hỏi sao thầy mang hoa đến nhằm lúc tôi đi học không ở nhà.

Thầy cười đoạn bảo :

– Thầy vẫn biết ngày đó con có giờ học song muốn dành cho con

một sự ngạc nhiên. Thế mà cũng không hiểu, phải hỏi nữa !

Thầy cùng tôi ngắm chậu hoa một hồi lâu rồi trở vào nhà nói chuyện. Mãi gần trưa tôi mới tiễn thầy ra đường lớn đón xe về.

Mỗi lần ra vào nhìn chậu hoa, lòng tôi vui mừng như mở hội.

Đến buổi học tất niên giờ của thầy, lúc tan học thầy đón tôi lại trao cho tôi bài thơ tết như sau:

Ngày xuân dầu vắng ánh hồng,

Còn đây hoa cúc thay lòng
hướng dương.

Vọng mỹ nhân hề thiên nhất
phương.

*Gặp nhau đây sáu ngã đường
khuê lâu.*

Cách xa dầu chẳng bao lâu,

*Mang mang nổi vạn cổ sầu đó
chăng.*

Đông Hồ

Áp Tết Mậu Thân

Thế rồi ít hôm sau tôi lại thu xếp về quê ăn tết, lòng chất đầy những niềm vui rộn ràng, sung sướng. Tôi vẫn nghĩ là về nhà chừng một tuần lại trở lên, nên không mang chậu hoa về, vả gần tết các xe đồ về lục tỉnh rất đông khách, chở nhiều đồ đạc rất phiền phức, lại sợ chở đi không khéo lại hỏng chậu hoa đẹp càng thêm tiếc. đành để lại nhà trọ.

Không ngờ, đến đêm mùng một rạng ngày mùng hai, biến cố Mậu Thân xảy ra. Thoạt đầu cả nhà tôi ai cũng cho là việc vi phạm trong thời gian hưu chiến, và những cuộc tấn công tỉnh như thế thì đến gần sáng là im tiếng súng. Không ngờ tiếng súng đến 7, 8 giờ hã còn vang rền và có phần kịch liệt hơn nữa, vài xóm nhà bị pháo kích nhằm phát cháy, khói đen bốc lên cuồn cuộn, khiến ai nấy cũng hoang mang và sợ hãi. Mãi lo chạy ra chạy vào xem ngóng tình hình, không ai nhớ việc mở radio. Chừng chợt nhớ ra mở nghe thì hay tin các tỉnh khác cũng bị tấn công như thế, ai nấy đều nhốn nháo lo sợ. Cả nhà cũng đã sắp xếp đồ đạc vào bao, túi sẵn phòng lúc phải bỏ chạy. Đến sau cũng may mắn là tỉnh tôi bị thiệt

hại tương đối ít và nhất là nhà tôi không có thiệt hại gì đáng kể.

Nhớ lúc có lần, nghe bắn nhiều và gần quá phải nằm dưới sàn bộ ván gỗ, không biết làm gì cho qua giờ, tôi mở bao lấy cuốn sách ra đọc. Ba tôi thấy thế bèn rầy :

– Giờ phút này mà con còn đọc sách nữa! Ở đây không đủ ánh sáng, đọc hư mắt hết !

Tôi đành cất sách vào bao.

Mỗi lần ra vào, nhìn chậu hoa œillet tím viền một lần răng cửa trắng ngoài mép trong chậu sành thịn khai mà không ai còn lòng dạ nào mà thưởng thức, chỉ riêng tôi thỉnh thoảng đến ngắm, lòng xót xa đến ứa nước mắt, nhớ đến hai

câu trong một bài thơ khi trước
thầy có viết cho tôi :

Hoa nào còn nở trong ly loạn

Là chút tình anh gửi lại đời.

Lại chợt nhớ đến chậu hoàng
cúc của tôi ở Sài Gòn chả biết trong
cơn khói lửa này ra sao, biết có
ai săn sóc, tưới nước cho chẳng?
Lòng tôi rười rượi buồn.

Tỉnh V.B⁷. tôi mãi đến 5, 6 tháng
sau, xe đồ mới lưu thông lại được.
Trong thời gian ấy muốn đi lại phải
quá giang máy bay quân sự hoặc
phải đi bằng tàu, mà đi bằng tàu
thì rất vất vả và nguy hiểm nữa.

Ở nhà mãi gần hai tháng, trong

7 Vĩnh Bình thường được nhắc đến là một tỉnh cũ
thuộc Việt Nam Cộng hòa được thành lập năm 1956,
nay phần lớn diện tích thuộc tỉnh Vĩnh Long.

lòng nóng như hơ, không biết bà Năm cùng nhà cửa đồ đạc trên này có bị hề hấn gì không. Chỉ đành biết tin tức qua đài phát thanh mà thôi. Thỉnh thoảng có một vài người từ Sài Gòn về được tỉnh nhà là bà coi lối xóm tới hỏi thăm tình hình trên này ra sao. Nghe tin ra-đi-ô tỉnh Gia Định mấy ngày đầu giới nghiêm 24/24 tôi lo ngại quá không biết thầy cùng gia quyến có được bình yên không. Khi nghe tin pháo kích, vào vùng nhà tôi ở Sài Gòn là khiến tôi lo buồn ăn ngủ không yên. Tôi chỉ lo sợ một nỗi là sách vở thư từ của thầy hãy còn một số tôi để lại trên ấy không mang về theo hết, nếu có bề gì tôi sẽ hối tiếc khôn cùng.

Tôi muốn lên ngay Sài Gòn,

nhưng ba mẹ tôi sợ những việc bất trắc xảy đến, hai chị em không lo liệu được nên chưa muốn cho đi. Mãi sau nhiều lần năn nỉ ở nhà mới cho đi để kịp ngày tựu trường sau biến cố Tết Mậu Thân. Chúng tôi xin vé máy bay quân sự về Sài Gòn một cách bình an.

Về gần tới, thấy dãy nhà xóm tôi ở được an lành vô sự thật mừng không kể xiết. Vào đến nhà, em tôi còn đang mở khóa, như không ai cả (sau được biết là bà Năm trong lúc lộn xộn được người con rước về ở chung), bỗng tôi chột nhìn lên cánh cửa, có câu thơ đề dờ mấy chữ :

Cửa khép then cài...

Tôi mừng rỡ bảo em tôi:

– Này H., mấy ngày trước đây thầy Đông Hồ có ghé thăm mình đây này !

Em tôi tỏ vẻ không tin, hỏi :

– Sao mà chị Tư biết được?

Tôi vừa vui cười vừa đưa tay chỉ bốn chữ trên được khắc bằng vật gì nhọn lên trên khung cửa gỗ nói :

– Nhất định nét chữ, lời thơ này là của thầy rồi chứ chả còn ai vào nữa.

Em tôi cũng gật đầu đồng ý.

Nhìn ngoài hiên không thấy chậu hoàng hoa, chùng mở cửa vào nhà tìm khắp cũng không thấy đâu cả tôi buồn tiếc vô cùng. Thì ra

trong khi lộn xộn, không ai có nhà, trẻ con lồi xóm đến phá phách, bứng hết mấy cây cúc trong chậu cùng một số hoa khác trồng trong sân. Hoa không thấy mà chậu cũng chẳng còn nguyên, bể nát tan chỉ còn một vài mảnh vụn văng trên lối đi. Tôi ngùi ngùi trong dạ.

Tôi cũng nôn nao mong ngày mai đến trường xem sao.

Sáng ngày ấy tôi học 2 giờ với thầy Phan Khoang. Đang giờ học bỗng chợt thấy hình bóng gầy gầy của thầy trong bộ complet màu xám đứng ở xéo góc cửa phòng học nhìn vào. Tôi ngạc nhiên và mừng rỡ vì hôm ấy không phải là ngày có giờ của thầy. Tôi liền bước ra ngoài hỏi thăm thầy vài câu rồi thầy bảo tôi vào lớp học tiếp.

Chừng tan giờ học, nói chuyện huyền thuyên cùng thầy. Cứ ngỡ rằng không biết đến lúc nào mới gặp lại được thầy. Khi gặp lại tôi liền hỏi thầy:

– Thưa thầy, con biết trong lúc lộn xộn thầy có đến nhà thăm con phải không ?

Thầy cười rồi hỏi sao tôi biết. Tôi đáp rằng :

– Vừa vào đến cửa, nhìn thấy câu thơ của thầy là con biết ngay liền.

Thầy gật đầu và khen:

– Con thầy giỏi thật !

Rồi sau đấy thầy kể rõ hơn cho tôi biết:

– Khi tình hình bớt căng thẳng, có thể đi được, thầy có đến nhà con ba lần. Hai lần trước đều không vào nhà được vì lính chặn xét giấy tờ không cho vào, chỉ những người cư ngụ trong ấy mới ra vào được thôi (vì nhà tôi ở cạnh Tổng nha Cảnh sát nên việc kiểm soát rất nghiêm ngặt) lần thứ ba thầy vào đến được thì thấy cửa khóa kín, trong nhà vắng tanh, Thoạt đầu thầy định đề hai câu chữ Hán ở hai bên, song sợ người ngoài hoặc lính qua lại, không hiểu ngỡ là thầy viết mật hiệu gì, sinh lời thôi nên chẳng viết, đành đề lại bốn chữ ấy thôi.

Nghe xong tôi cảm động vô vàn. Thầy đã từng đề thơ trên cánh quạt cho tôi, nay cánh cửa này cũng được cái hân hạnh thầy

đề thơ nữa. Nghĩ thật không gì vui thích bằng.

Tôi kể lại chuyện chậu Hoàng hoa hôm trước Tết không còn nữa, tôi cứ luyến tiếc mãi, thầy bảo:

– Thời buổi loạn li này, mạng người còn mong manh như sợi tơ hướng gì là những đóa hoa !

*

Mùa xuân này không còn tìm thấy hình bóng thầy nữa. Thầy đã bỏ cuộc đời ly loạn này để đi vào nguồn thơ bất tận...

Tết năm nay, lần đầu tiên nếm cái tết ly hương, buồn vì nỗi nhớ nhà, cảm thấy cô đơn, lạc lõng

nơi quê người, lại hồi tưởng đến
những kỷ niệm tươi đẹp với thầy
khi xưa khiến lòng tôi càng thêm
ngậm ngùi tê tái !

Th. Th. M.

Đài Bắc, mùa
Hoàng hoa (2-1970)

VĂN số 187

Tuyển tập các tác giả trẻ

Dương Nghiễm Mậu

Kẻ sống đã chết

truyện dài (kỳ 7)

Một tuần lễ đã trôi qua. Thu trông tin Hữu từng ngày nhưng vẫn bật vô âm tín. Mẹ nàng cũng hỏi:

– Anh con đâu, sao không nói anh con đến thăm mẹ ở cho vui.

Thu chỉ có mỗi một lý do để trả lời: “công tác của anh Hữu.” Trong

trông đợi, Thu thấy một nỗi lo âu, nhất là với công việc của Hữu trong thành phố tranh tối tranh sáng chờ đợi đổi thay. Anh Linh chưa trở về, một người quen cho biết Linh sẽ theo bộ đội về thành tiếp thu. Buổi chiều ngồi trong căn gác nhìn ra ngoài cửa sổ Thu thấy lòng mình nôn nao những duyên cớ vu vơ, những bạn bè đã ra đi, ngôi trường khép kín, nhìn những sách vở bỏ trên bàn học, Thu như lạ với nó. Một người bạn đã vứt bỏ những sách vở cũ: nay mai bạn mình sẽ được học một chương trình khác, những sách vở này sẽ không dùng đến nữa. Thu cảm thấy những đổi thay một cách cụ thể, rồi nàng sẽ trở lại việc học như thế nào? Có trở thành những cán bộ phụ nữ không? Có phải đi học tập không?

Thu thấy một tò mò lôi kéo nhưng cũng ngay đó những ngõ ngàng lo âu. Dù thế vào đời sống cũng đổi thay, nàng sẽ ở với anh Hữu, không còn được ở trong gia đình êm ấm này, những bạn bè mới, sinh hoạt mới.

Chùng như một ngọn gió lạ đã len lén thổi vào Hà Nội, cơn gió lạ mang đến đổi thay, nó đã đẩy đi nhiều dấu vết, cả những con người cũng đang tìm cách trút bỏ một cái gì, trước hết là trên hình thức; trong cách nói và những câu chuyện, như đang sửa soạn dọn mình đón nhận. Những chia lìa, đổi thay, sự có mặt của Hữu, sự thực về mối dây liên lạc gia đình, bây giờ là việc Hữu biệt tích khiến cho Thu như càng bị đẩy xa thêm nữa

vào một trạng thái chông chênh. Ngoài kia nền trời êm đêm, dưới kia những mái ngói nâu cũ quen thuộc và tiếng động rì rào chung quanh, Thu chảy nước mắt. Chỉ còn những giọt nước mắt không lạ, không làm khó với Thu.

Thu gục mặt xuống vòng tay khoanh trên bàn học, những sợi tóc dài óng thơm ngát mùi bồ kết thân thuộc. Hôm nào Bôi Anh nói với Thu:

– Thu nuôi tóc cho dài đi, biết đâu sẽ không cần đến khi lấy một ông chồng nghèo.

Thu không hiểu, mãi sau nàng mới nhớ tới câu chuyện được nghe kể lại, đời sống của đôi vợ chồng trẻ trong ngày lễ Giáng Sinh, vợ đã

cắt tóc bán lấy tiền mua dây đồng hồ cho chồng, nhưng chồng thì đã bán đồng hồ mua kẹp tóc cho vợ. Câu chuyện ấy chị Khuyên kể với vẻ tội nghiệp nhưng cũng đầy thương yêu cho những kẻ được sống trong hạnh phúc. Không, Thu không muốn nghĩ tới lúc phải cắt đi những ngọn tóc mượt óng mà nàng yêu mến. Những hình ảnh thân quen bỗng xô đẩy chồng chất trở về trong trí nhờ Thu những buổi chiều tan học, những tà áo xanh lam phơi phới, những mái tóc dài, những chiếc cặp da màu nâu... Chiếc ca nô và tiếng nổ giòn trên dòng nước đục, những lượn sóng và bọt trắng lơ xô trên mặt nước sông, cái nhìn chắt chứa và đòi môi mím lại của chị Khuyên ngày anh Quang đi Hải Phòng...

Tiếng người làm gọi Thu nơi đầu chân thang, cô xuống soi cơm. Thu ngẩng lên, hai tay túm mái tóc lại sau buộc gọn bằng chiếc khăn tay nhỏ, hai góc khăn vểnh lên. Thu xuống thang gác, cầm khăn lau mặt rồi ngồi vào bên mâm cơm mà gia đình đã ngồi đủ, mợ Thu đã cầm đũa trên tay. Bát canh rau cần cốm nấu thịt bò bốc hơi thơm phức những miếng đậu rán vàng óng phồng đều ngon lành nhưng sao Thu thấy uể oải với chén cơm sôi vơi. Câu chuyện những người đi, kẻ ở lại được nói đến, mợ Thu nhắc đến chuyện gia đình ông Đậu, bà cụ nhất định ở lại với người con út, ông cụ thì cương quyết theo người con cả đi Nam, ông cụ nhất định không chịu tin vào sự đổi thay: bọn ấy về thì mình đi quét

đường, không thì cũng bị đấu cho tới chết. Bà cụ khóc, ông cụ không sồn lòng tin vào hai bàn tay: còn người còn cửa. Mợ Thu nói:

– Bà cụ và cậu út nhất định tin rằng vào trong ấy rồi thì đến lấy xác mà bón cao su. Thế là gia đình chia hai, một nửa đi, một nửa ở lại. Còn ông tham Vọng thì bán đồ bán tháo hai ngôi nhà dưới phố Huế như chạy tà.

– Ô người ta giàu có mới lo chứ mình là dân thì lo gì, con mình nó lại là bộ đội nữa, mợ cứ lo hão.

– Cậu nó nói gì hay, nào tôi có lo bao giờ, tôi nói chuyện vậy thôi.

Cậu Thu chột ngừng lại:

– Này sao không thấy Hữu nó về nhỉ?

Ông quay nhìn về phía Thu.

– Thế anh con ở đâu?

– Dạ con hỏi mà anh con không nói.

– Sao lạ vậy?

– Cậu nó không biết là Hữu nó còn có công tác chứ đâu phải vào để chơi – mợ Thu giải thích.

– Không ngờ Hữu bây giờ lại là cán bộ quan trọng như thế, trông hiền từ như con gái thế mà ghê ra phết.

Thu ngồi im ăn xong hai bát cơm vơi rồi bỏ đũa đứng lên, nâng rót nước ra chén rồi bưng khay lại

mâm cơm cho cậu mợ Thu, ngọn đèn vàng không đủ ánh sáng trong gian nhà thấp, mợ Thu lấy trầu trong chiếc tráp ra quệt vôi ăn, miếng trầu sau bữa cơm đã trở thành thường lệ không thể thiếu. Thu lấy quần áo phơi từ trên dây thép xuống ngồi nơi phản gấp lại từng chiếc. Tiếng gõ ngoài cửa khiến mọi người chú ý. Thu đứng vội lên đi ra mở cửa, ông Trạch và một người lạ khác đứng ngay nơi cửa mở, ông Trạch lên tiếng:

- Cậu có nhà không cháu.
- Dạ thưa ông cậu cháu có nhà, mời ông vào chơi.

Người đàn ông lạ nhìn Thu, hai người đi vào, Thu khép cửa lại.

– Hai bác sợi com chưa.

– Kìa bác, sao hôm nay bác lại đi chơi tối thế, Thu rót nước con, hai bác ngồi chơi.

Mợ Thu đã đứng dậy, mọi người chào hỏi nhau. Mợ Thu xin phép lên gác nghỉ. Thu bụng nước ra xong cũng lách vào nhà trong, câu chuyện giữa những người lớn qua những lời xã giao thăm hỏi bỗng nhiên nhỏ tiếng, không khí như trong một câu chuyện làm ăn kín đáo. Thu chờ đợi sự sai bảo nhưng không thấy cậu gọi, lúc nàng lên gác thì thấy người đàn ông lạ đang nói gì với cậu nàng trong vẻ nghiêm trọng, cậu nàng ngồi hơi cúi lắng nghe. Câu chuyện kéo dài khá lâu hai người mới ra về, tiếng

bác Trạch chào vọng vào nhà trong nghe rõ từ trên gác, sau Thu nghe thấy tiếng cửa đóng và tiếng cậu Thu lên gác, mặt ông có vẻ lo lắng:

– Chuyện gì vậy cậu?

Không khí im lặng kéo dài, lúc sau:

– Họ tới tìm thằng Hữu. Ông Trạch mà tìm Hữu làm gì.

– Họ theo dõi và biết Hữu về thành rồi, họ muốn được gặp, không rõ chuyện gì nhưng chừng như rất là nguy hiểm cho Hữu. Tôi nghi chắc vì vậy mà Hữu nó không về nhà.

– Sao, cậu nói rõ cho tôi nghe, tôi nóng cả ruột.

– Có vậy thôi chứ có gì đâu, họ muốn gặp thẳng Hữu, người đàn ông lạ là người của phòng nhì đó, họ nhờ ông Trạch liên lạc giúp. Người đàn ông còn nói là ông ta muốn giúp cho Hữu khỏi bị nguy hiểm, tôi chẳng hiểu ra làm sao. Tôi sợ thẳng Hữu không khéo thì bọn họ bắt mất cho mà coi, bây giờ hỗn quân hỗn quan thế này.

Câu chuyện giữa người lớn làm Thu lo âu, mẹ Thu trầm ngâm không nói, cậu Thu thì đi đi lại lại trên khoảng trống hẹp về tư lự, chợt ông nhìn Thu:

– Bây giờ phải làm sao mà báo tin cho thẳng Hữu nếu không thì khốn.

Giọng mẹ Thu lo lắng:

– Sao họ biết được là thằng Hữu nó về.

– Trời ơi, người ta là phòng nhì mà lại không biết. Thế này không xong mất. Thu, thế anh con không nói ở đâu sao?

– Không ạ, hôm trước đi chơi và đến bến xe điện thì anh con bảo con về rồi anh ấy đi về phía đường hàng Bông. Có khi anh con biết rồi nên lánh đi.

– Như vậy ông nghĩ họ muốn gì?

– Muốn gì, làm sao tôi biết được, tôi nghĩ có lẽ họ muốn dụ thằng Hữu theo họ.

Câu chuyện vòng quanh những nghi vấn không đưa đến một điều

chắc chắn nào khiến Thu càng lo âu cho Hữu. Đêm mỗi lúc một sâu, cậu mợ Thu đã trở xuống nhà, Thu ngồi nhìn bóng đêm ngoài cửa sổ, đôi ánh đèn sáng. Bây giờ Hữu ở đâu. Thu bỗng nhiên như thấy một màn lưới vô hình đầy hăm dọa bao quanh nàng. Có khi Hữu đã trở ra khu, Thu muốn nghĩ như thế.

Ngồi trong im lặng, nghe tiếng mèo hoang kêu trên những mái ngói, Thu thấy mình cô quạnh khôn cùng, nàng tưởng mình không còn có chỗ để dựa. Vậy hiện nay Hữu làm công tác gì, có phải chỉ có mỗi việc Hữu đã nói: công tác ngăn cản những người đi Nam và sau nữa lo tổ chức vận động dân chúng đón tiếp bộ đội về tiếp thu Hà Nội. Thu cảm thấy rằng Hữu có một trách

nhiệm nào đó mà Hữu không nói ra. Dáng vẻ ung dung, khuôn mặt trầm lặng, nụ cười kín đáo càng khiến cho Hữu trở thành khó hiểu. Với những việc xảy ra mà Thu thấy, Hữu thường gần như không có một thái độ tích cực nào, hơn nữa còn như cho người khác hiểu rằng: Hữu không hài lòng. Hữu không hài lòng, Hữu đang mưu toan một điều gì đó, chính Thu cũng có lúc tưởng như Hữu sẽ bỏ Hà Nội mà đi. Trong trường hợp ấy Hữu có liên lạc gì với những người khách của buổi tối hôm nay không? Thu rối trí phân vân...

Sớm mai thức dậy trong mệt mỏi sau một đêm khó ngủ, Thu ngồi ăn bánh cuốn với gia đình, ông Hoan tới sở làm như thường

lệ, chiếc xe đạp vẫn được chăm sóc một cách cẩn thận, bà Hoan xách làn đi chợ Đồng Xuân, Thu ngân nga ra vào, có lúc nghe tiếng người ngoài cửa tưởng Hữu đã trở lại, khi bà Hoan đi chợ về, Thu thay áo rồi xin phép đi phố, nàng nghĩ tới một người bạn, nhưng ra phố, Thu ngỡ ngẩn với hy vọng sẽ gặp mặt Hữu để nói cho anh nàng biết sự việc, đi mãi quanh quẩn trên phố Hàng Giấy, Hàng Đường, xuống bờ Hồ, Thu vẫn không gặp ai quen, sinh hoạt chung quanh chừng như cũng không mấy đổi thay, Thu nghĩ tới nhà chị Khuyên, nhưng nơi đó chắc hôm nay không còn ai nữa để cho nàng tới, lúc còi mười giờ hú lên thì Thu đang từ trên đường Hàng Quạt trở về nhà, khi ngang qua cửa trường Thanh Quan, một người

đàn ông từ phía sau vượt lên quay lại, Thu giật mình nhận ra người đàn ông ghé lại nhà tối hôm qua, Thu cố sức bình tĩnh như không chú ý tới, nàng tiếp tục bước lách sang một bên, người đàn ông nói:

– Chắc cô còn nhớ tôi?

Giọng người đàn ông khào khào trong cổ họng. Thu ngừng lại, người đàn ông nói tiếp:

– Tôi là bạn của bác Trạch, ghé nhà tối hôm qua.

Người đàn ông mỉm cười làm quen, như gợi sự dễ chịu cho người trước mặt, Thu dạ nhỏ trong miệng, người đàn ông nói tiếp:

– Tôi được biết cô là em của ông Hữu, hôm qua tôi lại nhà muốn

được gặp anh ấy, nhưng ở nhà cho biết anh ấy không đến đã tuần lễ nay sau khi gặp cô, vậy cô không biết chỗ ở của anh cô?

– Dạ, tôi không được biết vì anh tôi mới về và chừng như bận công việc. Ông có việc cần gặp?

– Vâng, rất cần, điều này thực cũng cần cho chính ông Hữu nữa.

Cần cho ông Hữu nữa. Thu nghe như người đàn ông cố ý nhấn mạnh tới điều này. Thu tự hỏi không biết người đàn ông đã theo nàng từ lúc nào, có phải từ lúc nàng ra khỏi nhà không. Nghĩ tới chuyện mình bị theo dõi, Thu thấy sợ. Người đàn ông tiếp tục nói:

– Cô là em mà không biết ông Hữu ở đâu?

– Dạ thực thế, anh tôi mới về vừa gặp tôi được một lần thì thấy không đến nữa, gia đình chúng tôi cũng đang mong.

Người đàn ông có vẻ suy nghĩ trong giây lát:

– Vậy cô có biết anh có làm gì không.

– Tôi cũng không rõ lắm, anh tôi nói về Hà Nội có công tác chừng như để sửa soạn đón bộ đội về thành...

Thu vội vàng ngừng lại, nàng tự trách mình sao lại nói điều ấy ra những không kịp nữa.

– Vậy là cả tuần nay không thấy ông ấy về?

- Dạ vâng.
- Như vậy thì đáng lo cho ông ấy.
- Thưa ông sao vậy?

Chùng như người lạ đã làm cho Thu thắc mắc, không chờ đợi người đàn ông nói về nghiêm trọng:

- Theo tôi biết thì tổ chức của ông Hữu không tin ông ấy vì họ nghi ông ấy định đi Nam. Trong trường hợp này thì ông ấy sẽ bị áp dụng kỷ luật. Chính chúng tôi muốn nói cho ông ấy biết điều đó, thật là đáng tiếc vì chúng tôi được biết quá chậm. Tôi mong rằng ông Hữu chưa gặp khó khăn.

Người lạ ngừng lại một lúc như chờ đợi một phản ứng nơi Thu, nàng lặng im.

– Để giúp được ông Hữu, nếu ông trở về thì cô hãy cho chúng tôi được gặp. Đây là địa chỉ của tôi.

Vừa nói người lạ vừa đưa cho Thu một tấm danh thiếp, ông ta nói tiếp:

– Không có gì đáng lo ngại lắm đâu, cô cứ yên tâm, cảm ơn cô.

Người lạ chào Thu rồi đi quay trở về phía chợ Hàng Da, Thu đứng lại một chút rồi tiếp tục trở về nhà, vô số những sự việc ngổn ngang đến với nàng. Nặng nề trong vườn hoa Hàng Đậu, khung cảnh như vắng lạnh, trên con đường

vào thành thừa thớt đôi ba chiếc xe nhà binh di chuyển. Có thật anh Hữu có ý định đi Nam không? Hình phạt nào sẽ đến với anh nàng? Thu nghi ngờ về câu chuyện của người đàn ông lạ.

(Còn tiếp)

Dương Nghiễm Mậu

ĐÃ PHÁT HÀNH :



CON SÂU

truyện dài **DƯƠNG NGHIỄM MẬU**

* tiếng kêu thất thanh của tuổi trẻ mồ côi trên đất nước lửa đạn và xã hội phá sản

* hy vọng của tuyệt vọng trong tình bạn, tình yêu, tình người...

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

Paul Gallico
Tình nghệ sĩ
Hoàng Ưng dịch

Là người đầu tiên giới thiệu Paul Gallico với độc giả Việt-nam, qua bản dịch “Con chim trốn tuyết”, chúng tôi đã được đón nhận nhiều sự tán thưởng thật đáng khích lệ.

Trong khi chờ đợi hoàn cảnh thuận tiện để cho tái bản “Con chim trốn tuyết”, chúng tôi xin mời bạn đọc thưởng thức một thiên truyện khác, thật tuyệt vời, của cùng một

tác giả, nhan đề “Love of seven dolls”. Mỗi tình của nàng nghệ sĩ đối với bảy con búp bê múa rối phải chăng cũng là mỗi tình thiên thu bất tuyệt chung của “nòi tình” ?

Xin mời bạn đọc bước vào thế giới đầy mộng ảo (những mộng ảo, kỳ lạ thay, đầy đủ cả những tiếng cười tiếng khóc như cuộc sống nơi trần thế..) của nàng Ruồi, ông bầu Gà trống và bảy con búp bê linh hoạt...

T. P. G. và HOÀNG ỨNG

Phần Một

Vào một chiều xuân cách đây không xa lắm, ở Paris có một người con gái toan nhảy xuống dòng sông Seine trầm mình.

Cô nàng ẻo lả, lúng ta lúng túng, có chiếc miệng rộng và mái tóc đen cắt ngắn. Thân thể cô lủng củng toàn những xương và ở những phần cơ thể lẽ ra phải có những bắp thịt nổi lên thì lại hóp vào. Khuôn mặt cô tuy hấp dẫn, nhưng lúc này thì võ vàng vì đói và vì khổ sở thất vọng. Đôi mắt nàng hau háu, to, trong đen lay láy và tràn ngập tuyệt vọng.

Tên nàng là Marelle Guizec nhưng cũng có biệt danh là Mouche. Nàng là một cô bé mồ côi, gốc người Breton [miền bắc nước Pháp] ở xã Plouha, gần St. Brieuc. Trông nàng lam lũ nhưng vẫn phảng phất giữ được vẻ u trầm của miền địa linh này. Nét đặc biệt ấy thể hiện ở dáng đi, nước bước của nàng, mặc dầu nàng chỉ bận chiếc váy nhà quê rộng thùng thình. Sự trang nghiêm trong khoé mắt, vẻ thơ ngây, đầu óc chất phác, nàng đã lớn trong bầu không khí tinh thần đó – nàng mới hai mươi hai tuổi – là những nét thần bí của dòng giống Celtique (Celtic). Một trong những đặc tính ấy đang dẫn nàng đến chỗ chết.

Nàng mong chết lắm vì cũng như nhiều cô gái khác từ tỉnh nhỏ

tìm về Paris đô hội những mong thành công trong kịch trường, nàng đã thất bại ê chề. Thực tình không có người nào trên đời này bận tâm đến số phận nàng nữa một khi nàng bị gánh hát lưu diễn hạ cấp Moulin Bleu sa thải vì nàng vô tài và bất lực không sao gọi hứng hay gọi sự ham muốn của những tên bầu gánh nữa. Nàng không có ai là người thân. Ít đồng phật-lãng còn nàng lãnh được chỉ đủ ăn, đủ trọ trong ít ngày nữa thôi. Sau đó nàng sẽ hoặc là chết đói hoặc là bán tròn nuôi miệng.

Bạn còn nhớ không nhỉ, cảnh Paris về tháng Năm, buổi đầu xuân khi nhưng cành cây dễ có hình chân nến chùm khổng lồ nở hoa sáng rực cả bầu trời trong sáng?

Ban ngày thì nắng ấm, nhưng ban đêm còn lạnh và thường lộng gió. Paris ban ngày đã vào mùa hè, trẻ thơ nô đùa bên những chị vú nơi quãng đường Rond Point, mùi nước hoa của các bà cô làm đóm phảng phất trên hè đại lộ, những hàng bán đồ chơi lông la lông lánh dưới ánh nắng; vòm trời trông như một chiếc tán màu xanh, thứ màu xanh đặc biệt chỉ có ở nước Pháp mà thôi. Nhưng đến chiều tiết trời trở lạnh, người nào rút về nhà người ấy, phố xá lại vắng tanh vắng ngắt.

Cũng vì vậy mà gánh hát vỉa hè mở mùa bên kia cầu Neuilly đang sửa soạn dẹp đồ nghề và thất vọng ra về, vì họ lầm tưởng rằng đêm đến còn có thể làm ăn được.

Dây bóng đèn điện dài sáng rực hoang vắng xen lẫn với những ngọn đuốc đốt bằng dầu ma-zút bốc khói, chạy suốt dọc một bên đại lộ De Gaulle từ công trường Quốc Phòng qua cầu, bắt ngang dòng sông Seine vào Paris theo cửa tây.

Tiếng huyên náo của khu phố hội chợ, tiếng nhạc giật gân, tiếng gọi ới ới của những anh mời khách vào xem hát, tiếng náy cò trong gian bắn súng, tiếng chuông reo, tiếng xe nổ máy đã nhường chỗ cho âm thanh phàm tục hơn như tiếng gỡ tháo máy, tiếng cưa, và tiếng gõ, tiếng sắt đang được ném xuống đất, và sau hết những tiếng giỡ hàng từ những phà chở hàng đem chất lên xe làm át những âm

thanh cuối cùng do máy móc tạo nên.

Có ít diễn viên phong trần bất chấp cơn gió lạnh còn quanh quẩn bên những cột cây đu, nhưng con ngựa gỗ, những chiếc cầu tuột, những bụi lộ thiên, những túp lều, họ cũng bắt đầu leo xuống. Sáng hôm sau không còn gì ngoài mớ rác trên mặt đường và những khoảng đất bị dầy xéo bên lề con lộ lớn chứng tỏ gánh xiếc đã dừng chân nơi đó.

Trong khoảng đất vuông lộng gió ngoài trời quây bạt bốn bề làm phòng thay đồ cho lũ con gái rét run của gánh hát Moulin Bleu mặt hạng, Mouche sau khi đã trả lại mấy mảnh quần áo nhỏ xíu của

gánh cho mượn, vận đồ của mình vào và suy nghĩ một lần cuối về những hy vọng sụp đổ của mình.

Gánh hát chuyên trình diễn vũ điệu giật gân và thoát y hạ cấp đang đóng đồ để di chuyển xuống St. Germain, nhưng nàng thuộc loại quá bết nên mất việc không được đi theo. Sau mục trình diễn cuối cùng của đêm hôm ấy, lão quản lý sa thải nàng, lão nói:

– Gầy quá, cô em gầy quá. Cần bọn con gái đầy đà ngon ăn hơn kia. Qua nghe trong đám khán giả có kẻ phê bình em rằng, ‘lại con gà trụi lông chán chết!’ Qua cũng lấy làm tiếc, nhưng chẳng làm sao hơn được. Một nữ diễn viên không hát, không nhảy được thì ít ra thân

hình cũng phải hấp dẫn ngon lành cơ.

Mà có thể thật, Mouche gợi lòng thương hơn là sự thèm muốn.

Chuyện nàng là một thứ chuyện thường tình của một cô con gái mê ca kịch, có lẽ được khích lệ bởi sự thành công ở địa phương trong một ban kịch tài tử. Mồ côi trong kỳ đại chiến, nàng đã từng sống với một bà cô, nhưng bà này cũng chết năm nàng mười sáu tuổi. Hồi đó nàng sanh ra ở thị xã St. Briec xin được chân quét dọn trong Tòa thị sảnh, cố dành dụm để có đủ tiền lên Paris.

Lên đó cô mới nhận chân ra là mình chẳng có tài cũng chẳng có sắc để đạt được tham vọng.

Nàng bị bọn dẫn mỗi đều giả vờ vập, bị bọn ma đầu, bọn bầu lột xiêm áo xem xét thân thể nàng như một món hàng và cuối cùng phá lên cười rồi tổng cổ nàng đi nguyên lành, vì sự ngây thơ và trinh trắng của nàng là một điều bức tức cho chúng nên chúng muốn đuổi nàng đi cho khuất mắt.

Năm thì mười họa nàng cũng xin được xuất hiện ở những nhà hàng Pigalle và Montmartre, và nhờ vậy mới khỏi chết đói, nhưng cũng không được làm lâu, càng ngày càng xuống dốc, cuối cùng phải nhận mục thoát y cho một gánh hát lưu diễn trên vỉa hè và bây giờ lại bị coi là thiếu tư cách để đảm nhiệm hình thức giúp vui hạ cấp nhất đấy. Ngay đối với lũ

khán giả phàm tục bỏ ra vài phật-lăng để chui vào lều vải, thân hình loã thể của nàng cũng không gợi hứng nổi.

Cũng vì vậy mà nàng quyết liều thân, vì sự sa thải chứng tỏ là nàng đã hạ mình xuống cái độ bán mình để khỏi chết đói mà chẳng tìm thấy người mua.

Mouche đảo mắt nhìn quanh lần cuối cùng những cô gái khác đang trò chuyện, những cô này ít ra cũng còn hữu dụng ở điểm là họ có thể ưỡn ẹo đi lại trên bục gỗ sân khấu và chọc cho bọn đàn ông la ó, cất tiếng cười hay huýt gió. Rồi nàng thu nhặt mấy món đồ riêng xếp vào chiếc va-li mây nhỏ nàng vẫn đem theo bên mình vì cứ tưởng

là được theo gánh lên xe buýt đi đến nơi mới cùng với họ.

Bây giờ thì nàng chẳng cần đến những món đồ này nữa, nhưng nàng cũng không nỡ quẳng chúng đi. Ít ra thì chiếc va-li mây cũng còn dựng bên thành cầu Neuilly sáng mai khi cảnh sát đem những cây sào dài để vớt xác nàng từ dòng sông Seine lên.

Nàng xách chiếc túi lên và đi thẳng ra cửa không ngoái mặt nhìn lại. Dường như biết trước nơi hẹn hò của mình, đôi mắt nàng mờ đi. Đôi vai gầy của nàng rũ xuống theo bộ điệu của một cô gái thất thế, ở Pháp người ta có thể nhận ra liền, của kẻ sắp tự tử...

Đúng lúc ấy, lão quản lý nhô

đầu ra, gã linh cảm thấy điều bất thường, trong giây lát lão xúc động đến thương hại và muốn thay đổi ý kiến, muốn kêu nàng lại. Nhưng lão chần chừ. Nếu thấy con quạ non nào ở dưới tỉnh lên cũng thương hại thì rồi làm ăn ra sao?

Thực ra nơi con nhỏ này vẫn có cái gì hấp dẫn, lão cảm thấy thế. Điểm chưa khai thác được để hấp dẫn khán giả, nhưng nhất định là có – nếu tìm ra được điểm này... Nhưng lúc lão quyết định nhượng bộ, thiên lương của lão và lão réo gọi sau lưng nàng : “Nè! Mouche! Đợi một chút! Lại đây. Có lẽ...” thì nàng đã đi xa rồi.

Mouche chân bước, mắt không nhìn thấy gì nữa, như một người

đã chết, hướng về phía sông Seine, nàng vẫn tắt nghỉ tới thời thơ ấu ở xứ Bretagne, nàng nhìn thấy khoảng biển xanh biếc với những ngọn sóng bạc đầu va vào những mỏm đá đen, những cánh đồng đầy nắng có những vách đá răng cưa cắt ngang, và những màu sắc đỏ rực của giống hoa loa kèn, giữa rừng hoa ấy nhô lên những cây thập giá bằng đá thời xưa và còn xưa hơn nữa là những phiến đá cao dựng lên từ thời Thượng cổ.

Những chiếc thuyền đánh cá rẽ sóng vào bờ; những đứa trẻ nô đùa trên cát; người đưa thư cỡi xe đạp đi qua; những người đàn bà dừng lại ngồi mách la mách lẻo ngoài cửa tiệm bán bánh mì, và có một lúc nàng như ngửi thấy mùi bánh mì

mới ra lò và những ổ bánh tròn tròn giòn tan. Nàng thấy mình đang ở trong nhà thờ, nghe thấy tiếng sột soạt của những chiếc áo choàng hồ cứng và cả tiếng đàn phong cầm êm ái. Có một lúc những lời thánh ca dịu dàng thoảng qua trí não nàng và nàng nhìn thấy đôi tay héo mòn vì lam lũ của người mẹ hiền đang vuốt lại chiếc áo cho nàng mặc để rước lễ lần đầu. Nàng hồi tưởng lại những người bạn xưa. Đã có lần nàng có con thỏ xám, một con rùa, một con mèo vàng và một con vịt lúc nào cũng chỉ đứng bằng có một chân. Nàng nhớ lại đôi mắt của những con vật đi hoang đôi khi núp đằng sau bụi rậm âu yếm nhìn ra.

Nhìn lại khu vườn xuân sắc đầy

hương nhụy ấy như nhìn qua một khung cửa trên một bức tường, nàng không biết cuộc đời có còn đáng sống hay không, vì nàng còn trẻ và người ta vẫn có thể xây dựng lại sự nghiệp trên đồng tro tàn của thất bại. Khoảng đêm đen, dày đặc, lạnh buốt, thù hận và ồn ào chỉ gợi lên những ý nghĩ tuyệt vọng nơi đầu óc nàng. Nàng cảm đầu lủi thủi bước không nhìn thấy gì nữa.

Từ trong bóng tối có tiếng một vật hay một người nào gọi ra :

– Này cô kia, cô nhỏ sách va-li kia, cô đi đâu mà gấp thế?

Mouche dừng lại, giật bản mình lên, bối rối, vì tiếng nói the thé ấy nhằm vào nàng, nhưng nàng không

biết tiếng ấy phát xuất từ đâu. Câu hỏi trăn tráo này khiến nàng tức giận, vì nó có tác dụng lôi nàng về cái thế giới mà thực sự nàng đã bỏ đi rồi.

Những lời nối tiếp theo từ trong bóng tối vọng ra càng làm nàng hoảng sợ hơn.

– Dưới đáy sông lạnh lắm, cô bé ơi, loài lươn, loài tôm chúng rĩa thịt cô đó.

Kỳ quái thật ! Cũng như bất kỳ người phụ nữ gốc Breton nào, nàng rất mê tin và tin có ma quỷ thần thánh. Sự hãi nàng đưa mắt nhón nhác tìm nơi xuất phát tiếng nói đã đoán trùng điều thầm kín trong lòng nàng.

Nhờ ánh sáng chớp chờn của ngọn đèn dầu hỏa, nàng nhìn thấy một chiếc sạp diễn trò múa rối trống trơn trên căng một tấm bảng hiệu bằng vải sơn có kẻ hàng chữ : "ÔNG BẦU COQ VÀ TOÀN BAN⁸". Gần đấy, phía bên này sạp, một chị làm nghề bói đạo, mặt mũi lem luốc đang chửi lộn với chồng về số tiền còn kiếm được vừa lo dỡ chiếc lều vải. Bên kia sạp có hai người đàn ông đang lo khiêng chiếc máy thử sức mạnh lên một cỗ xe vận tải nhỏ. Xem chừng như không ai lưu tâm đến sự có mặt của đứa con gái.

Giọng nói lạnh lạnh lại cất lên công kích nàng một lần nữa :

8 Nguyên văn tiếng Pháp: "CAPITAINE COQ ET SA FAMILLE"

– Làm gì mà thảm khốc đến thế? Bộ bồ cho rơi hả ? Chà biển có bao giờ thiếu cá đâu mà rộ !

Nhìn qua lớp sương mờ, Mouche thấy chiếc sạp múa rối không phải hoàn toàn trống trơn như nàng tưởng. Có một con búp bê ngồi vắt vẻo trên thành sạp, hay đúng hơn chỉ có một nửa con búp bê vì không nhìn thấy chân nó đâu cả. Thực ra đó là một thằng búp bê tóc đỏ, mũi cà chua, tai vĩnh. Hắn mở đôi mắt trắng dã thao láo nhìn nàng, nét mặt hắn bối rối một cách tức cười. Dưới ánh sáng chập chờn vàng vọt của ngọn đèn dầu trông như hắn đang vẫy nàng.

– Hừ, hắn nói. – Bộ mèo tha mất lưỡi rồi à ? Người ta hỏi thì phải trả lời chứ.

Ngay từ khi thấy biến động Mouche đã buông chiếc va-li xuống mặt đường. Bây giờ nàng xách lên chậm rãi cất bước cố tình đi sát lại gần chỗ dựng sạp để quan sát thẳng nhãi kỳ quái này.

Vẫn bất bình vì bị đường đột trêu ghẹo, nàng ngạc nhiên nghe thấy mình trả lời :

– Vậy hả, thế có mắc mớ gì đến nhà cậu không ?

Thằng múa rối chăm chú nhìn nàng từ đầu đến chân,

– Ủa, hần đáp, – thất nghiệp, rách rưới tả tơi mà còn nổi sùng nữa sao. Đây tử tế hỏi thăm chơi mà.

– Tử tế mà lại đường đột hỏi chuyện người lạ khi chưa có người giới thiệu à ? Mouche cãi. – Lại còn xúc phạm đời tư người ta nữa. Cậu có chịu được không nếu tôi... ?

Nàng thôi không nói nữa, lần đầu tiên nàng nhận thấy mình đang nói với thằng nhãi hình nộm như thế nói với một người thật vậy. Mà nàng hành động như vậy cũng chẳng có gì là lạ, vì điệu bộ cử chỉ của nó cứ như thực ấy và nét mặt quét sơn dường như cũng biến thái tùy theo vị trí cái đầu lúc lắc.

–Ồ, đối với tôi đâu có ăn nhằm gì, hăn đỡ lời. – Ai thì cũng thích kể chuyện mình. Cô có muốn nghe tôi kể chuyện đời tôi không ? Tôi

ra đời trên một ngọn cây đêm áp
lễ Nô-en...

Bỗng có sự lay động bức màn
và một con múa rối con gái chột
xuất hiện. Con nhỏ tai đeo vòng
vàng, nó có đôi mắt to thao láo,
một chiếc miệng nhỏ cong cớn. Nó
lăng xăng chạy qua chạy lại có vẻ
như đang xem xét nàng theo đủ
mọi chiều hướng. Rồi nó nói :

– Ngộ ha ! Carrot Top, gặp cô
bé ở đâu vậy ?

Thằng múa rối lỏi tì vừa cúi rạp
người chào vừa nói,

– Không tệ lắm ha ?

Con nhỏ kêu ré lên.

– Chèng ơi, Carrot, chắc cậu

cũng không nghĩ là cô ta đẹp chứ...
Chỉ còn da và xương không à.

Carrot ngoắc đầu một cái ra bộ suy nghĩ.

– Hừ, tôi cũng công nhận là đôi chân cô ta không đặc sắc, Gigi ạ, nhưng đôi mắt đẹp lắm và ở nơi cô ta có một cái gì...

– Quê, theo ý tôi, đáng lẽ ra cô ấy phải đẹp hơn mới phải.

Gigi lẩm bẩm, rồi nghiêm nghị khoanh tay trước ngực, ngược mắt nhìn lên trời.

– Được, Carrot Top đáp, – quê cũng được. Nhưng, chắc chị cũng biết...

Mouche cho thế cũng là đủ rồi.

Nàng dậm chân quát mấy đũa lõi tì tinh nghịch:

– Thế hả. Mấy người dám đứng đó bàn chuyện tôi hả? – Mấy người có biết tư cách như vậy là xấu lắm không ?

Carrot Top có vẻ sửng sốt và xem chừng bối rối. Hần can :

– Thôi thôi. Có thể cô nói đúng. Mấy lớp sau này tụi tôi ầu lắm. Có lẽ tụi tôi phải có kỷ luật hơn mới được. Sao cô không chửi tụi tôi một mách ?

Gigi ngưng nguẩy giận dữ.

– Hừ, riêng tôi, tôi không đứng đây để nghe con chết tiệt nó chửi đâu nhé.

Nói rồi nó chui xuống quầy biển
mất.

(Còn tiếp)

Paul Gallico

HOÀNG ƯNG dịch

PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 9-1971
:

Muốn hiểu rõ các danh từ mới,
như bổ xung, môi trường, mỹ hóa,
cốt cán, thiên địa chiến, du kích
chiến v.v...

Các chánh khách, sinh viên, học
sinh, giáo sư, ký giả...

tìm đọc :

NÓI CÓ SÁCH

do **VŨ BẰNG** biên soạn

Trong Tủ sách Nghiên cứu



NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG

xuất bản

THÁI ĐỘ đã phát hành toàn quốc

QUỐC VĂN Lớp 6

của **THẾ UYÊN Nguyễn Kim Dũng**

* chương trình cập nhật hóa, đầy đủ giảng văn, luận văn, văn phạm, chính tả. Chú giải đầy đủ nhất, thích hợp cho sự giảng dạy ở nơi thiếu tài liệu tham khảo như các quận, tỉnh và ngoại quốc.

* KIM VĂN: 70 bản văn của ba thế hệ văn học Việt Nam: Nhất Linh, Sơn Nam, Khái Hưng, Võ Phiến, Duy Lam, Bình Nguyên Lộc, Doãn Quốc Sỹ, Hồ Hữu Tường, Nhất Hạnh, Nguyễn Tuấn Phát, Dương Nghiễm Mậu, Y Uyên...

* quan niệm giáo dục mới, rèn luyện tinh thần dân tộc, chấm dứt tinh thần hướng ngoại.

TRÊN 300 TRANG, GIÁ 250\$

GIẢI ĐÁP THẮC MẮC

*** Mặc Uyên Huyền, Quảng Ngãi, hỏi :**

1) Xin ông cho biết tác giả câu :

Chương đài liễu, chương đài
liễu

Tích nhật thanh thiên kim tại
phủ

và ghi trọn bài thơ cùng lai lịch
của nó.

2) Xin ông cho biết tác giả cùng
trọn bài thơ có những câu :

Năm cụ khi không rút cái ình

*Đất bằng sóng dậy thả đều
kinh*

*Bài không mang nữa xin dâng
lại... (..)*

và nó được chào đời vào lúc nào ?

(thư ngày 29 tháng 6 năm 1971)

– Trả lời :

1) Hàn Hủ, tự là Quân Bình, quê ở Nam Dương, đỗ tiến sĩ năm Thiên Bảo thứ 13 (754) đời vua Huyền Tôn, là một trong 10 thi tử thời Đại Lịch.

Năm Hàn lên kinh sư ứng thi có đến trọ tại phủ của Lý Sinh. Lý vốn dòng dõi kim chi ngọc diệp, tính tình hào phóng, thấy Hàn phong

độ hiên ngang bèn bảo với gia nhân rằng Hàn Phu tử không phải kẻ hèn, rồi lại đem người thiếp là Liễu thị gả cho. Hàn được Liễu thị rất cảm động liền thuê nhà trong xóm Chương Đài cùng về ở. Liễu thị nhan sắc xinh đẹp, dáng điệu thướt tha thêm tính tình thuần thực nên Hàn mười phần yêu quý, thường gọi đùa vợ là cây liễu Chương Đài.

Khi ấy vua Túc Tôn mới thu phục được hai kinh, nhưng khắp nơi vẫn còn giặc cướp. Hàn được người quen tiến cử làm Mạc phủ Tân khách cho Lâm Thanh hầu Hi Dật ở Thanh Châu. Vì loạn lạc không dám đưa Liễu thị đi theo nên có hẹn đến khi nào đường xá yên ổn sẽ cho người về đón.

Hàn đến Thanh Châu thụ chức đã gần ba năm mà đường về vẫn bị nghẽn không biết tin nhà ra sao. Sau Hàn phải thuê người vượt nguy hiểm cố đưa thư về xóm Chương Đài để thăm Liễu thị, Trong thư có đoạn :

Chương đài liễu, Chương đài liễu⁹

Nhan sắc thanh thanh kim tại phủ

Túng sử trường điều tự cự thù

Dã ứng phan chiết tha nhân thủ

Dịch:

⁹ Truyện Kiều (Nguyễn Du): Khi về hỏi liễu Chương đài / Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay.

Chương đài liễu, Chương đài
liễu

Nhan sắc nay chùng xanh tốt
mãi

Tha thướt như xưa vẫn rủ tơ

Còn chẳng hay đã tay người hái

Liễu thị ở nhà một thân hiu
quạnh không biết nương tựa vào
đâu mà nhan sắc lại nhiều kẻ để ý
đến nên nàng phải vào chùa Quyết
Linh giả làm sư ni để tránh tai mắt
mọi người. Người đưa thư tìm
kiếm mãi mới gặp. Nàng hỏi thư
cho Hàn kể hết tình đầu, trong có
đoạn :

Dương liễu chi, phương phi tiết

Khả hận niên niên tặng ly biệt

Nhất điệp tùy phong hốt báo thu

*Túng sử quân lai khởi kham
chiết*

Dịch:

Dương liễu xanh, cảnh đẹp dễ

Năm năm buồn tặng người chia
rẽ

Gió đưa một lá báo tin thu

Chàng dẫu trở về khôn kịp bẻ.

Thư đi được ít lâu, Sa Tra Ly dẫn quân đến vây chùa Quyết Linh bắt Liễu thị đem về dinh làm vợ. Nguyên Sa Tra Ly là tướng Phiên trước theo An Lộc Sơn nay về hàng triều đình được vua Đại Tôn tin dùng phong làm Xa kỵ Tướng quân.

Khi đường xá đã tạm yên, Hàn theo Lâm thanh hầu Hi Dật về kinh mới biết tin Liễu thị đã bị tướng Phiên bắt, nhưng cửa hầu tựa bề, vô kế khả thi.

Một hôm đi dự tiệc, bè bạn thấy Hàn tiều tụy mới hỏi duyên cớ. Không thể giấu được, Hàn đành phải kể hết sự tình. Trong tiệc có một thiếu niên nghe xong liền hắt chén rượu xuống đất, đứng dậy nói : “Thiên hạ lại có chuyện bất bình đến thế kia à ? Tôi tuy bất tài cũng xin quyết đưa được châu về Hợp phố, xin Hàn lang cứ viết cho mấy chữ để Liễu thị làm tin.”

Mọi người nhìn ra mới biết là Hứa Tuấn, vốn nổi danh nghĩa hiệp ở Trường An. Bè bạn khuyên nên

nghe theo, Hàn bèn vội vàng viết ngay. Hứa nhận thư nhảy qua cửa sổ lên ngựa đi liền.

Đến dinh vừa gặp lúc Sa Tra Ly đi vắng. Hứa bảo lính canh là Tướng quân bị ngã ngựa, cho ta về đón phu nhân đến gấp, hiện có thư đây. Liễu thị ở trong nhà ra nhận thư xem không nói một lời, Hứa nâng nàng lên ngựa rồi ra roi chạy như bay. Về đến tiệc mọi người hãy còn đông đủ...

Sáng hôm sau Lâm Thanh hầu dâng sớ lên hạch Sa Tra Ly cậy thế cướp vợ của Hàn và trần tình Hứa Tuấn là nghĩa hiệp. Được mấy hôm vua Đại Tôn xuống chiếu ban khen Hứa Tuấn, cấp cho Sa Tra Ly nghìn tấm lụa để cưới vợ khác và bắt phải trả Liễu thị lại cho Hàn.

Đến đời vua Đức Tôn (780-804)
Hàn được vời vào bộ kiến thụ chức
Giá bộ Lang trung Tri chế cáo, sau
thăng Trung thư Xá nhân.

Tác phẩm còn lưu lại: Thi tập 5
quyển.

2) Cuộc thay đổi xảy ra trong
triều đình Huế ngày 2 tháng 5 năm
1933 đã làm đầu đề cho bài thơ:

NĂM TRỤ NGÃ ÌNH

Năm trụ khi không ngã cái ình

Đất bằng một tiếng thảy đều
kinh

BÀI không đeo nữa đem dâng
LẠI

ĐÀN nọ ai nghe khéo dỡ HÌNH

LIỆU thế không xong BINH
chẳng được

LIÊM đành giữ tiếng LỄ đừng
rình

CÔNG danh thôi thế là hưu hĩ

ĐẠI¹⁰ sự xin nhường lớp hậu
sinh

Bài này tác giả là ông Nguyễn Trọng Cẩn (1900-1947) bút hiệu Hoài Nam, quán Quảng Bình. Năm 1918 dự kỳ thi hương cuối cùng, không đỗ, sau ở lại Huế viết báo. Năm 1929 lui về nguyên quán làm thuốc và dạy chữ Hán. Năm 1947, bị quân đội Pháp bắn chết.

10 Nguyễn Hữu Bài ở bộ Lại. Tôn Thất Đàm bộ Hình, Phạm Liệu bộ Binh. Võ Liêm hộ Lễ, Vương Tử Đại bộ Công, đều phải về hưu một lượt.

*** Lê Văn Hóa, Kbc 3250, hỏi :**

Xin cho biết tác giả, xuất xứ 4 câu thơ (...) và nếu có thể mong ông cho đăng trọn bài.

(thư ngày 1 tháng 8 năm 1971)

Trả lời :

Bốn câu thơ ông hỏi là đoạn chót bài “Ngồi lại bên cầu” của Hoài Khanh, trong tập “Thân phận”, do tác giả xuất bản, Sài Gòn 1962. Sau đây là nguyên văn :

THÂN PHẬN

người em gái trở về đây một bận

*con đường cam bồng ánh sáng
diệu kỳ*

*tôi lần trốn vì thấy mình không
thể*

mây của trời rồi gió sẽ mang đi

*em — thì vẫn nụ cười xanh mắt
biếc*

*màu cô đơn trên sợi tóc la đà
còn gì nữa với mây trời đang
trắng*

đã vô tình trôi mãi bến sông xa

*thôi nước mắt đã ghi đời trên
đá*

*và cô đơn đã ghi dấu trên tay
chân đã bước trên lối về hoang
vắng*

*còn chẳng em nghĩa sống ngực
căng đầy*

quá khứ đó dòng sông em sẽ ngủ

giấc chiêm bao nguyên vẹn có
bao giờ

ta sẽ gặp trong ý tình vũ bão
con thuyền hồn trở lại bến hoang
sơ

rồi em lại ra đi như đã đến
dòng sông kia cứ vẫn chảy xa
mù

tôi ngồi lại bên cầu thương dĩ
vãng

nghe giữa hồn cây cỏ mọc hoang
vu.

HOÀI KHANH

(Sđd, tr-tr. 16-17)

Hai câu hỏi khác của ông, chúng tôi xin được trả lời vào một dịp khác, sau này.

*** Huy Sung, Kbc 3505/1, hỏi :**

Xin ông cho biết nguyên văn bài thơ “Chuyến đò ngang” của Hàn Mặc Tử ? Nếu có thể, xin ông cho biết bài họa của Mai Đình nữ sĩ ?

(thư ngày 2 tháng 8 năm 1971)

Trả lời:

Bài thơ “Chuyến đò ngang” của Hàn Mặc Tử đã in trong tập thơ “Một Tấm Lòng” của Quách Tấn xuất bản năm 1939. Sau đây là nguyên văn :

CHUYẾN ĐÒ NGANG

Chẳng hẹn hò sao gặp gỡ đây
Người thời như tỉnh kẻ như say
Trong veo làn nước soi đôi mắt
Xa tít quê nhà trở một tay
Tâm sự mới trao bờ đã đến
Nỗi niềm chưa cạn khách về
ngay
Ba sinh duyên nợ âu là thế
Một chuyến đò đưa nghĩa một
ngày.

HÀN MẶC TỬ

Chúng tôi được Quách Tấn tiên sinh cho biết (trích thư riêng đề ngày 27/8/1971) như sau :

(...) “Mai Đình không có bài họa, vì bài Chuyến Đò Ngang. HMT

làm trong khoảng 1932-1938, lúc chưa quen cùng Mai Đình.

Thêm nữa khi Mai Đình quen cùng Tử và tôi thì chưa biết làm thơ Đường luật (có lẽ đến bây giờ cũng chưa làm được vì không tập bởi không thích)...

*** Trần Quang Phú, Huế, hỏi:**

Xin ông vui lòng cho ra một số nói về nhà thơ Baudelaire Trường hợp không thể nào cho ra được thì xin ông vui lòng giới thiệu cho chúng tôi ít cuốn sách gọi là có giá trị bằng Việt ngữ hoặc bằng Pháp ngữ có bàn đến bút pháp cũng như tư tưởng của nhà thơ tượng trưng tiền phong này...

(thư ngày 18 tháng 8 năm 1971)

Trả lời :

1) Tòa soạn VĂN rất muốn làm những số đặc biệt về các nhà thơ quốc tế nổi tiếng, nhưng ngặt vì không có người dịch thơ nên không làm được. Mong ông thông cảm giùm.

2) Theo chỗ chúng tôi được biết thì hiện không có cuốn sách nào bằng Việt ngữ viết về Baudelaire cả. Đề nghị ông tìm đọc những tài liệu phổ thông sau đây:

a) “Baudelaire par lui-même” par P. Pia, Collection “Ecrivains de toujours” (No 9) Editions du Seuil.

b) “Essais sur Charles Baudelaire”, Collection “Poètes

d'Aujourd'hui" (No 31) Edition
Pierre Seghers.

*** Trần Minh Sơn, Kbc 4283,
hỏi :**

Xin ông cho biết có “hình dung
từ” không ?

(thư ngày 19 tháng 8 năm 1971)

Trả lời:

Có hình dung từ. Đề nghị ông
xem Tiết III, cuốn “Khảo luận về
Ngữ pháp Việt-nam” của Trương
Văn Chính và Nguyễn Hiến Lê, Viện
Đại học Huế xuất bản, Huế 1963,
có khảo luận và dẫn giải cặn kẽ về
hình dung từ trong ngữ Việt.

*** Nhắn tin :**

– Chu Uẩn, Kbc 4466.

1) Xin xem VĂN số đặc biệt về TAGORE, số 15 (1-8-1964). 2) Các bản in thời tiền chiến mà chúng tôi hiện có đều không thấy có đoạn thêm mà ông chép trong thư. 3) Nhắm chủ nhật 20 tháng 7 năm 1947.

– Thương Nhất Hoa, Tam Kỳ.

Tất cả thơ Quang Dũng đều được chép theo trí nhớ nên không được đồng nhất. Đề nghị bạn xem Nguyệt san VĂN HỌC số 125 (1-4-1971) chủ đề: “Những bí mật về thi sĩ Trần Quang Dũng” và nếu còn thắc mắc, xin bạn viết hỏi báo đó.

– Lý Xuân Đài, Qui Nhơn.

1) Nhằm ngày thứ năm 19 tháng 2 năm 1953. 2) Em đã đọc đến “Cẩm nang” mà còn không rõ thì chúng tôi cũng đành chịu. Tốt nhất, em nên cố tới Huế hoặc Sài Gòn mà hỏi vì vấn đề phức tạp lắm. 3) Em tìm đọc tập chỉ dẫn “Đây Đại học” mỗi năm đều có in lại, cập nhật hóa.

– Lâm Tễn Cuôi, Láng Tròn.

Câu thơ bạn hỏi, “Cho tôi về theo nhã nhạc đêm nay” là câu cuối cùng trong bài “Thơ cho một người họ Huỳnh” của Du Tử Lê, đã đăng trong VĂN số 151, ngày 1-4-1970, tr-tr. 40-42.

Giải đáp trên do bạn Nguyễn Văn Ngọc, Kbc 4027, chỉ dẫn giùm. Xin được chân thành cảm ơn bạn Ngọc.

– Phạm Chính, Huế.

Bài thơ bạn hỏi (Hoài Thủy Biệt Lưu) đã giải đáp. Xin xem lại VĂN số 181 (1-7-1971). Muốn mua số báo cũ đó, bạn có thể gửi 60 đồng tem thư (bảo đảm) cho ty Trị sự VĂN.

– Lê Đông Tùng, Qui Nhơn.

Trong số tới, chúng tôi sẽ giải đáp về hai câu thơ Apollinaire mà bạn hỏi đã lâu.

tin văn văn

Triển lãm hội họa

Một cuộc triển lãm tranh sơn dầu của Hồ Hữu Thử đã được khai mạc vào hồi 18giờ30 thứ hai 6 tháng 9 vừa qua, tại trụ sở Pháp văn Đồng Minh hội, số 24 đường Gia Long, Sài Gòn.

Cuộc triển lãm kéo dài đến hết ngày 16 tháng 10, và đã thu hoạch được kết quả tốt, về tài chánh cũng như về nghệ thuật.

Giải thưởng Dịch thuật 1971

Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa vừa cho hay Phủ sẽ tổ chức một Giải thưởng Dịch thuật 1971.

Giải thưởng sẽ được trao tặng cho chín (9) loại dịch phẩm mà nguyên tác viết theo ba (3) văn thể: biên khảo, văn vắn, văn xuôi (truyện ký, tiểu thuyết, kịch bản) thuộc ba (3) ngôn ngữ : Hán văn (của người Việt và người ngoại quốc) Pháp văn, Anh văn.

Về mỗi loại dịch phẩm sẽ có một giải duy nhất bằng hiện kim 300.000 đồng. Trong trường hợp không có dịch phẩm trúng cách, Hội đồng Chấm Giải có thể tặng tối đa hai (2) Giải Khuyến khích cho mỗi loại dịch phẩm, mỗi giải 100.000 đồng.

Các dịch giả có thể gửi dịch phẩm dự giải thuộc tất cả các loại, mỗi loại tối đa hai (2) dịch phẩm. Hồ sơ tham dự giải thưởng phải nộp cho Ban Tổ chức trước ngày 31 tháng 12 năm 1971 và gồm có phiếu tham dự do dịch giả điền ký vào mẫu ấn chỉ của Ban Tổ chức, một bản nguyên tác và hai bản dịch hoặc là bản thảo đánh máy hoặc là sách đã xuất bản kể từ ngày 15 tháng 1 năm 1971 (là ngày khóa sổ nhận tác phẩm dự giải thưởng).

Kết quả sẽ công bố ngày 31 tháng 3 năm 1972.

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc với Ban tổ chức Giải thưởng đặt tại Văn phòng Ủy ban Dịch thuật, PQVKĐTVH, số 8 Nguyễn Trung

Trực Sài Gòn, điện thoại số 92709.

Đọc thông cáo trên, chúng ta thấy thiếu một chi tiết cần thiết: thành phần Ban Giám khảo Giải thưởng. Còn nhớ, năm trước, Ban Tổ chức có cho biết : “Hội đồng Giám khảo sẽ loan báo sau...”, nhưng rồi tới ngày trao giải, người ta chỉ được biết một cách mơ hồ là Hội đồng đó gồm một số vị trong Ủy ban Dịch thuật của Phủ. Và chính điều đó đã khiến cho một số những cây bút dịch tương đối có đôi chút uy tín đã không tham dự Giải thưởng.

Rút kinh nghiệm trên, năm nay thiết tưởng Ban Tổ chức nên loan báo thành phần Hội đồng Chấm Giải, thì hơn.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin được lưu ý PQVKĐTVH về khoản tiền đăng quảng cáo Giải thưởng Dịch thuật 1970, trên báo VĂN, cho tới nay vẫn chưa được thanh toán. Chẳng lẽ Phủ QVKĐTVH lại chơi ngật với một cơ quan văn hóa nghèo nàn của tư nhân? Hay tại Quý Phủ lỡ quên ? Hay tại...?

Cơ sở xuất bản Ý THỨC

Trân trọng giới thiệu

CÁT VÀNG

Tập truyện của LỮ QUỲNH

“Hắn chợt nghĩ tới số tuổi hai mươi của mình. Số tuổi mà chiến tranh đã tước đoạt mọi ý nghĩa, đã cướp hết thời gian để sống của hắn. Hai mươi tuổi, hắn không có một chọn lựa nào hết. Sinh ra và lớn lên giữa chiến tranh, hắn thụ động trước mọi áp lực. Hắn như con thú sợ hãi trước mọi họng súng của thợ săn. Ai cũng có thể bắn ngã, và suốt cả một phần đời hắn chỉ biết chạy trốn”.

HÀM THỤ tổng phát hành



GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

Tòa soạn VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cảm ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc:

* VIẾT TỪ NỖI NHỚ, Trần Hữu Nghiễm, Nhập Cuộc tái bản. Sách dày 20 trang khổ nhỏ, giá 35 đồng.

Thi phẩm gồm 12 bài thơ trữ tình, in lần thứ hai.

* TUỔI QUÊ HƯƠNG TRÊN GIÒNG MÁU ĐÁ, Hoàng Khanh Tuyên Linh, Niềm Tin xuất bản. Sách dày 80 trang, giá 150 đồng.

Thi phẩm gồm 36 bài thơ. Bìa Văn Khôi.

* QUỐC VĂN lớp Sáu, Thế Uyên Nguyễn Kim Dũng, Thái Độ xuất bản. Sách dày 300 trang, giá 250 đ.

Sách giáo khoa, biên soạn theo một quan niệm và phương pháp mới.

* MÙA THU HOA CÚC, Du Tử Lê, Mây Hồng xuất bản. Sách dày 160 rang, giá 70 đồng.

Một truyện dài viết cho tuổi thơ. Phụ lục nhiều tranh ảnh các loài phim, các chuyện tìm hiểu nhằm giải trí lành mạnh, mở mang kiến thức cho bạn đọc thiếu nhi. Bìa Nguyên Thảo

* NGỌN THỦY TRIỀU, Hoài Lê Thương - Nguyễn An Bình. Tác giả xuất bản. Sách dày 28 trang, giá 40 đồng.

Sách gồm 17 bài thơ. Bìa N-V-Kim.

* VỀ NGUỒN, đặc san của Thi văn đoàn Về Nguồn (178/14 Phan Thanh Giản, Cần Thơ) in rô-nê-ô, dày khoảng 50 trang, không ghi giá.

* LƯU TRỮ HỒ SƠ, Nguyễn Hùng Cường, Phủ QVKĐTVH xuất bản. Sách dày 208 trang, ấn phẩm công.

Cẩm nang Văn khố: tổ chức và kỹ thuật lưu trữ hồ sơ Sách tái bản. Có bán tại Nha Văn hóa.

* SÁU CỬA VÀO ĐỘNG THIẾU THẤT, Bồ đề Đạt Ma, Trúc Thiên dịch, An Tiêm xuất bản. Sách dày 190 trang, giá 180 đồng.

Sách tái bản có thêm lời bình xướng của Phật Quả Viên Ngộ và Trương Thiếu Tề.

* CE QU'IL FAUT APPRENDRE en Analyse Grammaticale et Logique, Trịnh Quang Nguyên và Nguyễn Quang Trình, Sống Mới xuất bản. Sách dày 212 trang, giá 180 đồng.

Sách dạy văn phạm Pháp, chương trình Trung học Việt.



* Trần Văn Vũ, Đà Lạt.

Văn số 145. Gửi 50 đồng tem và gửi bảo đảm để tránh thất lạc.

* Một quân nhân, Kbc 4884.

Còn đầy đủ, Xin ông cứ đặt mua theo thư 26-7 của chúng tôi. Chúc lành.

* Phan Cung Nghiệp, Qui Nhơn.

Thư bạn phải dán trên mười đồng tem, bạn chỉ dán có 6 đồng, khiến chúng tôi bị phạt vạ rồi đó. Xin lưu ý bạn (cùng các bạn khác) nhớ dán đủ tem để tránh điều phiền phức. Đa tạ.

* Trần Nhật Khánh, Bình Định.

Chân thành cảm ơn bạn. Lẽ ra chúng tôi đã giải đáp từ số trước nhưng vì thiếu trang nên phải gác lại. Mong bạn lượng thứ.

* Chế Huyền Linh, Quảng Ngãi.

Ông nên viết cho báo P.T. để :

a) đặt mua lại những số báo P.T cũ trong có đăng những bài thơ đó ; b) yêu cầu báo PT đăng lại hoặc chép lại cho ông những bài thơ đó. Như vậy thì tiện hơn.

* Trần Nam Sâm, Kbc 3136.

Xin gửi gấp 20 đồng tem thư.

CẦN MUA BÁO CŨ

Tòa soạn VĂN cần mua lại VĂN số 8; các Sách Phổ thông Văn Uyên : Tuổi Nước Độc, Đêm, Con Yêu Con Ghét, Cô Dung Nàng Thơ, Thị Trấn Miền Đông, Cho Những Mùa Xuân Phai. Bạn nào dư dùng muốn nhượng xin tự định lấy giá và liên lạc Thư ký Tòa soạn Văn. Đa tạ.

NHẮN TIN RIÊNG

* Nguyễn Văn Ngọc, Kbc 40:

Sẽ đăng “Bóng lạ”. Cứ gửi tiếp. Tình thân.

* Khê Kinh Kha, Hoa Kỳ.

Sẽ đăng “Mộng bên hoa” “Và mùa thu mật đắng”. thân.

* Thái Dũng (?)

Sẽ đăng “Mây xa”. Cứ gửi tiếp và cho biết địa chỉ để tiện lạc. Thân.

* Phan Cung Nghiệp, Qui Nhơn

Chúng tôi sẽ đăng một bài “Đêm bệnh nằm nghe mình chết” nếu được bạn đồng ý. Gửi thư cho biết ý bạn. Thân.

* Đ-V-H, Thủ Đức.

Đã nhận thư. Rất thông cảm cảnh-khổ-kéo-dài của cậu. Chỉ biết khuyên cậu rán nhịn. Đọc lại nếu có thể (Lấy chữ “nhẫn” công án.)



BÀI LAI CẢO
NHẬN ĐƯỢC

Theo thông lệ, Tòa soạn không giữ lại cũng như không phát hoàn bản thảo những bài lai cảo không được chọn đăng. Xin quý bạn miễn yêu cầu giữ lại hoặc phát hoàn. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ “yêu cầu miễn ghi” trên bản thảo.

*** VĂN**

Quý bạn: Nguyễn Kha (2). Lộ Thanh. Nguyễn Văn Đông. Phạm Dung. Hoài Đông Nghĩa. Trần Hoài Phương. Phạm thị Yên Sắc. Nguyễn Thanh Long. Nguyễn Như Thụy. Thụy Lộc Nguyễn Triều Ca. Nguyễn Lữ Hành. Hoàng Văn Quang. Nguyễn phúc Phượng Châu. Thạch

Liên Giang. P-C-H. Tam Văn. Chu Nguyệt

Quý bạn: Nguyễn ngọc Thủy Trang. Tường Hải . Thư trầm Trang Thy. Trần Quang Thiếu (3). Nàng Kiều. Lưu Hải Ngọc. Trương-thị Tây-thị. Ngọc Lan. Lâm Quốc. Trần Kim Chung . Nguyễn Hà Đông. Nguyễn Miên Phượng. Hàn Nhân (2) . Hoài Sâm. Sa Mạc Tâm. Hồng Ang thị Cao Cát. Hà Thúc Nguyên (2). Lê Trần Cảnh. Bình Sa. Hà Kiều. Sa Hoài Nhuận. Kiều Đức Lý. Vũ Trọng Quang. Trúc Việt. Lê Trần Cảnh. Đinh Man Kha. HQ. Chu Nguyệt. Lê-trương-đình Hoàng-anh. Trần Quang Lộc. Huỳnh-minh Ý-thu. Nùng Cổ Viên. Vị Tha. Thôi Nhân. Trần Trung Ngôn . Văn M Thủy. Phạm đình Chương Huế.

Nguyễn Thùy. Thu Phong. Trần Văn Phụng. Trần thị Từ Ly. Phạm Lệ Dung. Lưu Trác Thiên. CNGC. Thu Oán. Bùi Trấn Giang. Phong Du. Phan Hoàng Hạc. Hội Vân. Trường Thi. Hải Âu. Lê Văn Đông. Phạm Đức Thăng. H-Y-N. Nguyễn Tấn Bốn. Hoài Linh Vũ. Lê Quý Thụy. Trang Cung Cát. Nguyễn-như Băng Tâm. Thiên Châu. Lan Huệ Em. Mai Uyên Nguyên. Trần Nhật Khánh (2). Nguyễn Nhật Ánh. Nguyễn Như Mây. Phạm Chu Sa. Nguyễn Dật Thuyết. Hồ Dạ Thoại. Trần-đỗ Miên-thy. Nguyên Trân. Nguyên Sinh. Nguyễn thị Ngân Tảo. Miên Tần Nguyễn Văn Tùng. Trà Thy Lung.

*Ban Tuyển đọc Tác phẩm của
VĂN đã đọc những bài lai cáo của*

quý bạn có tên trên đây và rất tiếc không thể chọn đăng. Xin chân thành cảm ơn và mong quý bạn vui lòng gửi cho VĂN những bài mới khác.

Đã phát hành :

**Tác phẩm mới của NGUYỄN
THỊ HOÀNG**

TÌNH YÊU, ĐỊA NGỤC

— Nỗi hao hụt, đói khát của con người trong tình yêu khi đón nhận và cho đi không phải chỗ và phải cách.

— Thảm kịch thầm kín của tâm hồn đàn ông và đàn bà trong đời sống lứa đôi.

— Niềm cô đơn mệnh mông của con người tìm kiếm Tình Yêu chỉ thấy đường về Địa Ngục.

— Tới với Tình Yêu là tìm vào Địa Ngục, nhưng con người có thể sống thiếu cõi địa-ngục-tình-yêu kia không ?

NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

Dầy 256 trang - Giá 260 đồng

SÁCH LÁ BỐI

Đã bày bán khắp nơi :

* Như Cánh Chim Bay truyện dài của VÕ HỒNG

Ai đã tham dự kháng chiến chống Pháp 45-47 nên đọc “Như Cánh Chim Bay” để thấy lại hình bóng mình ở đó,

* Góp Nhặt Cát Đá của Thiền-sư Muju, Đỗ Đình Đồng dịch. Tác phẩm viết vào thế kỷ thứ 13. Những suy niệm về Zen.

* Ảo Tưởng tuyển tập truyện ngắn của 7 tác giả: Sơn Nam, Hồ Hữu Tường, Chinh Ba, Thiều Chí, Nhất Hạnh, Võ Phiến, Tuệ Uyển. (Tái bản lần 1)

* Bông Hồng Cài Áo của Nhất Hạnh

Tái bản lần thứ năm, 1971.

Giữa tháng 9-1971 sẽ phát hành :

* Lịch Sử Văn Minh Ấn Độ của Will Durant, Nguyễn Hiến Lê dịch.

Sách dày khoảng 600 trang, số lượng in ít vì vốn in quá nặng, bạn nên dặn trước ở hiệu sách quen, đừng để mua không kịp như Sử Ký Tư Mã Thiên và Chiến Tranh và Hòa Bình (Tái bản giá tiền tăng hơn gấp đôi).

* Chiến Tranh và Hòa Bình I (tái bản) của Léon Tolstoi Nguyễn Hiến Lê dịch.

